

Số: 1012/QĐ-YDTB

Thái Bình, ngày 28 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo
các ngành trình độ Đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ vào Quyết định số 34/CP ngày 24/01/1979 của Hội đồng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Thái Bình;

Căn cứ vào Quyết định số 2154/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Y Thái Bình thành trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình ban hành kèm theo Quyết định số 4922/QĐ-BYT ngày 09/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định 424/QĐ-YDTB ngày 20/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy định chuẩn đầu ra các ngành đào tạo bậc đại học;

Căn cứ Quyết định 1001/QĐ-YDTB ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường đại học Y Dược Thái Bình về việc hướng dẫn thực hiện Quy chế Đào tạo Đại học theo hệ thống tín chỉ;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề cương chi tiết học phần thuộc chương trình đào tạo các ngành trình độ Đại học hệ chính quy.

(Có đề cương chi tiết kèm theo)

Điều 2. - Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Đề cương chi tiết tại Điều 1 được áp dụng với khóa tuyển sinh từ năm 2021.

Điều 3. Trường phòng Quản lý Đào tạo đại học, Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường các đơn vị và sinh viên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
THÁI BÌNH
PGS.TS Nguyễn Duy Cường

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH Y HỌC DỰ PHÒNG
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-YDTB ngày 28/7/2021)

(QUYỂN 4)

THÁI BÌNH, NĂM 2021

MỤC LỤC

Tâm lý Y học – Y đức	1
Dịch tễ học 1	14
Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường 1	37
Phương pháp nghiên cứu khoa học	47
Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm 1	57
Sức khỏe nghề nghiệp 1	67
Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1	76
Tổ chức và quản lý y tế	86
Kinh tế y tế	94
Sức khỏe lứa tuổi	103
Sức khỏe môi trường 2	112
Sức khỏe nghề nghiệp 2	123
Sức khỏe nghề nghiệp 3	133
Dinh dưỡng & VSATTP 2 (An toàn thực phẩm)	155
Dinh dưỡng và VSATTP3	165
Giáo dục sức khỏe 2	173
Y xã hội học và Nhân học Y học	181
Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng	194
Thống kê y học	204
Chương trình y tế quốc gia	214
Một sức khỏe	227
Sức khỏe môi trường 3	243
Thực tập cộng đồng 1	251

Thực tập cộng đồng 2	262
Thực tập cộng đồng 3	275
Thực tập tốt nghiệp.....	285
Sức khỏe nghề nghiệp 4 (Y học lao động)	298
Dịch tễ học phân thay thế	307
Tổ chức và quản lý y tế (Học phân thay thế tốt nghiệp)	328

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN/KHOA: XÃ HỘI HỌC
SỨC KHỎE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tâm lý Y học – Y đức

Tên tiếng Anh: Psychology and Medical Ethics

Mã học phần: 3110MEDPSY0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☒ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	Số tiết Lý thuyết: 30 Thảo luận : 0 Số giờ tự học: 70 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 0 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	Giữa học phần: 01 Kết thúc học phần: 01

Học phần học trước:	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lê nin
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Xã hội học sức khỏe

2. Mô tả chung về học phần:

Tâm lý y học – Y đức là một trong nhiều môn học nghiên cứu về con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được đời sống tinh thần phong phú, đa dạng nhưng vô cùng phức tạp của con người. Trong hoạt động nghề nghiệp, cán bộ y tế phải thường xuyên tiếp xúc với nhiều người bệnh khác nhau. Quá trình thăm khám và điều trị đạt hiệu quả hơn khi cán bộ y tế vững chuyên môn nghiệp vụ và hiểu được tâm lý người bệnh. Đặc biệt, qua môn học, người cán bộ y tế trong tương lai sẽ được trang bị nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, góp phần hoàn thiện nhân cách con người.

Đào tạo con người Tài – Đức vẹn toàn là nhiệm vụ trọng yếu trong sự nghiệp “trồng người” của dân tộc. **Tâm lý y học – Y đức** là một trong những môn học đảm nhận trọng trách đó.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Văn Thịnh	Thạc sỹ	0989187178	Thinhnv6374@gmail.com	Phụ trách
2.	Trần Thị Thu Hà	Thạc sỹ - BSCCKII	0989535028	hatlyd@gmail.com	Phụ trách
3.	Nguyễn Thị Minh Phương	Thạc sỹ	0977993710	Nguyenminhphuong84@gmail.com	Tham gia
4.	Vũ Trung Kiên	Tiến sỹ			
5.	Bùi Thị Huyền Diệu	Tiến sỹ	0889581410	Huyendieu1410@gmail.com	Tham gia
6.	Đặng Thị Bích Hằng	Thạc sỹ	0977267116	dangbichhang@gmail.com	Tham gia
7.	Phạm Thị Hương Ly	Thạc sỹ	098110678	phamly2504@gmail.com	Tham gia
8.	Nguyễn Thị Hà Phương	Bác sỹ	0384057552	hphuong.950522@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Kiến thức: 1.Trình bày được bản chất, chức năng, cách	PEO 1, 4

	phân loại các hiện tượng tâm lý. 2.Trình bày được Stress tâm lý và các liệu pháp tâm lý ứng dụng trong y học. 3.Trình bày được những thành tựu chủ yếu của lịch sử y học Thế giới và Việt Nam. 4. Trình bày được khái niệm đạo đức, đạo đức y học, phân tích được 4 nguyên lý và các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế.	
2.	Kỹ năng: 5.Ứng dụng được tâm lý y học, tâm lý học lứa tuổi, liệu pháp tâm lý trong CSSK bệnh nhân và cộng đồng. 6.Thiết lập được mối quan hệ giữa thầy thuốc – bệnh nhân trong quá trình điều trị. 7.Nâng cao kỹ năng giao tiếp trong quá trình thăm khám và chẩn đoán	PEO 3, 4
3.	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm 8.Nâng cao vai trò trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế. Trung thực khách quan khiêm tốn, có tinh thần học tập vươn lên. 9.Có ý thức tự học, có phương pháp học tập. Tôn trọng chân thành, hợp tác với đồng nghiệp.	PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần:

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng các kiến thức và kỹ năng tâm lý học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành y tế phù hợp với người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp.	S: PLO 1, 2, H: 8, 9

2.	Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của đạo đức y học trong quá trình hành nghề.	S: PLO 1,2, 12 H: PLO 10, 14
3.	Người học có kiến thức, có kỹ năng và gắn với thái độ học tập tích cực thông qua bài giảng của thầy cô, kết hợp cùng phương pháp học tích cực là cơ sở để trau dồi và tích lũy tri thức. Trên cơ sở đó, học viên tự nhìn nhận và tự điều chỉnh bản thân trong suốt quá trình rèn giũa kỹ năng lâm sàng và phát triển chuyên môn. Quan trọng hơn, giúp họ nhìn nhận được vai trò và giá trị của các nhân viên y tế trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hướng tới sự hài lòng của người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp.	S: PLO 1, 2, 8, 9, 10 H: PLO 11, 12, 13, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	BÀI 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ TÂM LÝ HỌC Y HỌC 1. Bản chất tâm lý người 1.1. Một số quan niệm về bản chất hiện tượng tâm lý người 1.2. Quan niệm duy vật biện chứng về bản chất hiện tượng tâm lý người 2. Chức năng của tâm lý 3. Phân loại hiện tượng tâm lý 3.1. Phân loại theo thời gian tồn tại và vị trí của nhân cách 3.2. Phân loại dựa vào ý thức: hiện tượng tâm lý được chia thành hai loại:	2	1. Trình bày được bản chất tâm lý người. 2. Phân tích được chức năng của tâm lý người. 3. Phân loại được các hiện tượng tâm lý. 4. Trình bày được các	1, 3

	4. Các quan niệm về tâm lý học y học 5. Mối quan hệ giữa tâm lý học và y học 6. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học y học 7. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu của tâm lý 7.1. Các nguyên tắc phương pháp luận 7.2. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý		phương pháp nghiên cứu tâm lý.	
2	BÀI 2. CÁC HIỆN TƯỢNG TÂM LÝ PHẦN I. NHẬN THỨC CẢM TÍNH 1. Cảm giác 2. Tri giác 3. Đặc điểm chung của nhận thức cảm tính PHẦN II. NHẬN THỨC LÝ TÍNH 1. Tư duy 2. Tưởng tượng PHẦN III. TÌNH CẢM – Ý CHÍ & TRÍ NHỚ 1. Tình cảm 2. Ý chí 3. Trí nhớ PHẦN IV. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH 1. Khái niệm chung về nhân cách 2. Cấu trúc tâm lý của nhân cách 3. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách	4	1. Trình bày được khái niệm, quy luật và cách phân loại các quá trình nhận thức 2. Trình bày được các đặc điểm và các 6 quy luật cơ bản của tình cảm và ý chí 3. Trình bày được khái niệm, cấu trúc của nhân cách 4. Vận dụng được các hiện tượng tâm lý trong thực hành y khoa	1, 3
3	BÀI 3. TÂM LÝ LÚA TUỔI 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự lớn lên và sự phát triển 1.1. Các yếu tố di truyền 1.2. Các yếu tố môi trường	4	1. Trình bày được đặc trưng tâm lý con người qua các giai đoạn cuộc	1, 3

	2. Các giai đoạn trong cuộc đời 2.1. Tuổi bé bỏng 2.2. Tuổi nhà trẻ (1-3) 2.3. Tuổi mẫu giáo (3-6) 2.4. Tuổi thiếu nhi (6-12) 2.5. Tuổi thiếu niên (12-16) 2.6. Tuổi thanh niên (16-30) 2.7. Tuổi trung niên (30-60) 2.8. Tuổi già (trên 60) 3. Vận dụng trong chăm sóc sức khỏe ban đầu		đời. 2. Ứng dụng được tâm lý học lứa tuổi trong CSSKBD ở mỗi giai đoạn lứa tuổi.	
4	Bài 4: TÂM LÝ THẦY THUỐC 1. Đặc điểm hoạt động của nghề y 1.1. Sự tiếp xúc thường xuyên với bệnh tật 1.2. Tính đa dạng, phức tạp của đối tượng hoạt động 1.3. Là một nghề nhân đạo 1.4. Mọi hành vi, cử chỉ, lời nói... của thầy thuốc đều tác động mạnh mẽ đến người bệnh. 1.5. Có sự trợ giúp của nhiều phương tiện, công cụ 2. Một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc 2.1. Xu hướng nghề nghiệp của người thầy thuốc 2.1.1. Nhu cầu 2.1.2. Hứng thú nghề nghiệp 2.1.3. Lí tưởng nghề nghiệp 2.2. Tính cách người thầy thuốc 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh 3.1. Đặc trưng của giao tiếp 3.2. Chủ thể và đối tượng giao tiếp	2	1. Trình bày được đặc điểm đặc thù của nghề y. 2. Trình bày được một số phẩm chất nhân cách người thầy thuốc. 3. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp giữa thầy thuốc và người bệnh.	1, 3

	3.3. Các yếu tố môi trường và điều kiện giao tiếp			
5	BÀI 5. TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH 1. Bệnh và người bệnh 1.1. Khái niệm về bệnh 1.2. Khái niệm về người bệnh 2. Các biểu hiện tâm lý thường gặp ở người bệnh 3. Tâm lý của người bệnh và các mối quan hệ chủ yếu 3.1. Với môi trường tự nhiên 3.2. Với môi trường xã hội 3.3. Với môi trường nơi điều trị 3.4. Với thầy thuốc và nhân viên y tế 4. Ứng dụng tâm lý học trong điều trị và chăm sóc người bệnh 4.1. Căn cứ tính chất bệnh của người bệnh 4.2. Căn cứ độ tuổi của người bệnh	4	Trình bày được khái niệm người bệnh. Phân tích được đặc điểm tâm lý người bệnh. Trình bày được mối quan hệ giữa tâm lý người bệnh và môi trường sống Trình bày được việc vận dụng tâm lý trong chăm sóc, điều trị với đối tượng người bệnh cụ thể.	1, 3
6	BÀI 6. TÂM LÝ HỌC ỨNG DỤNG TRONG CHĂM SÓC SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG 1. Quan hệ giữa cán bộ y tế với cộng đồng 2. Nhu cầu sức khỏe cộng đồng 3. Sự chăm sóc và phục vụ y tế 4. Hành vi sức khỏe cộng đồng 4.1. Khái niệm về hành vi, hành vi sức khỏe 4.2. Quá trình hình thành và thay đổi hành vi 4.3. Đặc điểm tâm lý của cộng đồng trong quá trình thay đổi hành vi	2	1. Trình bày được khái niệm chăm sóc sức khỏe cộng đồng và các yêu cầu của cán bộ y tế trong mối quan hệ với cộng đồng. 2. Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe cộng	1, 3

			đồng.	
7	BÀI 7. STRESS 1. Khái niệm 1.1. Định nghĩa 1.2. Cấu thành của Stress 1.3. Tác động của Stress 1.4. Phân loại 2. Các giai đoạn của phản ứng Stress 2.1. Giai đoạn báo động 2.2. Giai đoạn thích nghi 2.3. Giai đoạn kiệt quệ 3. Nguyên nhân gây ra stress tâm lý 3.1. Yếu tố khách quan 3.2. Yếu tố chủ quan 4. Các bệnh lý liên quan đến Stress 5. Giải toả và quản lý Stress 5.1. Thay đổi suy nghĩ 5.2. Thay đổi hành vi 5.3. Thay đổi lối sống	4	1. Trình bày được khái niệm và 3 giai đoạn của phản ứng Stress. 2. Trình bày được nguyên nhân gây ra Stress. 3. Giải thích được cơ chế dẫn đến một số bệnh lý liên quan đến Stress. 4. Vận dụng được các biện pháp quản lý và giải toả Stress.	1, 3
8	BÀI 8. LIỆU PHÁP TÂM LÝ 1. Định nghĩa 2. Cơ sở khoa học của các liệu pháp tâm lý 3. Các liệu pháp tâm lý cơ bản 3.1. Liệu pháp tâm lý gián tiếp 3.2. Liệu pháp tâm lý trực tiếp 3.2.1. Liệu pháp cá nhân 3.2.2. Liệu pháp nhóm 3.3. Liệu pháp xã hội	2	1. Trình bày được khái niệm và mục đích liệu pháp tâm lý 2. Trình bày được các liệu pháp tâm lý gián tiếp 3. Trình bày được định nghĩa, chỉ định và chống chỉ định các liệu pháp tâm lý cá nhân	1, 3

9	BÀI 9. LỊCH SỬ Y HỌC PHẦN I: LỊCH SỬ Y HỌC THẾ GIỚI I. Y học trong xã hội nguyên thủy II. Y học trong xã hội chiếm hữu nô lệ 1. Y học cổ đại phương Đông 2. Y học cổ Hi Lạp và La mã - Y học thời cổ Hi Lạp - Y học cổ La mã III. Y học trong xã hội phong kiến 1. Y học Ả Rập dưới chế độ phong kiến 2. Y học Trung Quốc dưới chế độ phong kiến 3. Y học Châu Âu trong xã hội phong kiến IV. Y học thời kỳ TBCN V. Y học trong XH XHCN PHẦN II: LỊCH SỬ Y HỌC VIỆT NAM I. Y học thời cổ Việt Nam II. Y học Việt Nam trong xã hội phong kiến III. Y học Việt Nam dưới chế độ thuộc địa IV. Y học Việt Nam trong XH XHCN	2	1. Trình bày thành tựu y học thế giới và y học Việt Nam qua các thời kỳ. 2. Phân tích được 6 bài học rút ra từ lịch sử y học.	2, 3
10	BÀI 10. ĐẠO ĐỨC Y HỌC 1. Lịch sử của đạo đức và đạo đức ngành y 2. Tính chất đặc thù của ngành y tế 3. Bốn nguyên lý cơ bản của Đạo đức y học 3.1. Tôn trọng quyền tự chủ 3.2. Lòng nhân ái 3.3. Không làm việc có hại/không ác ý. 3.4. Công bằng 4. Những yêu cầu trong các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế. 4.1. Quan hệ với nhân dân 4.2. Quan hệ với người bệnh 4.3. Yêu cầu trong mối quan hệ với đồng nghiệp	4	1. Nêu được lý tưởng đạo đức của một số danh y tiêu biểu 2. Trình bày được tính chất đặc thù của ngành y tế 3. Phân tích được 4 nguyên lý cơ bản của đạo đức y học 4. Trình bày	2, 3

4.4. Yêu cầu trong mối quan hệ với công tác khoa học kỹ thuật	được những mối quan hệ chủ yếu của cán bộ y tế
4.5. Yêu cầu trong mối quan hệ với pháp luật	

III. Phương pháp dạy/học

Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Lý thuyết: Máy chiếu Projector, case, phấn, bảng, câu hỏi lượng giá

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Hàng ngày	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn.	1,2,3	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,2	1 bài kiểm tra 45 phút gồm 3 câu hỏi ngắn bao gồm các nội dung	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 3,5 điểm/2 câu, 3 điểm/1	1,2,3	10

		kiến thức đã học		câu. 3 câu là 10 điểm		
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,7	1 bài kiểm tra 90 phút gồm 6 câu hỏi ngắn	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu tra lời đầy đủ, chính xác được từ 1,4-1,8 điểm, tổng 6 câu là 10 điểm	1,2,3	10

Công thức tính điểm: ĐHP = 0,1 x ĐCC + 0,2 x ĐGHP + 0,7 ĐKTHP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	Không trừ
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do điều động của Nhà trường)
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết
Đi muộn	0,5 điểm/lần (nếu đi muộn >15 phút sẽ tính vắng không lí do)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu nhưng còn 1	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi

			số câu sai sốt	nhưng trình bày chưa rõ ràng	và trình bày rõ ràng
--	--	--	-------------------	------------------------------------	-------------------------

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Tài liệu học tập:

1. Nguyễn Văn Nhận (2006), *Tâm lý học Y học*, Nhà xuất bản Y học.
2. Phùng Kim Bảng, Lê Quang Hoành (1997), *Y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe ban đầu*, Nhà xuất bản Y học.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Quang Uẩn (2005), *Tâm lý Đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Học viện Quân Y, Bộ môn Tâm thần và Tâm lý học Y học (2007), *Tâm thần học và Tâm lý học Y học*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân.
3. Bộ Y tế (1995) *Sơ lược lịch sử y tế Việt Nam tập I* - Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

8.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

8.2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực

hành, có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2017	Trần Thị Thu Hà
2.	Lần 2	05/2019	Trần Thị Thu Hà
3.	Lần 3	05/2021	Trần Thị Thu Hà
4.	Lần 4 (Dự kiến)	05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÁI BÌNH

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: DỊCH TỄ HỌC**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Dịch tễ học 1**

Tên tiếng Anh: Epidemiology

Mã học phần: 3120EPIDEM1T

Ngành: Y Học Dự Phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y Tế công cộng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	03 (LT: 02, TH: 01) 28 72 16 34
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Thực hành Kết thúc học phần:	01 01 01

Học phần học trước:	01
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Dịch tễ học

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần dịch tễ học sẽ cung cấp cho sinh viên Y tế công cộng những khái niệm liên quan tới những nguyên lý và các phương pháp cơ bản của dịch tễ học được áp dụng trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.

Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên ứng dụng các nguyên tắc dự phòng (cấp 1, 2, 3) ở cấp độ cá nhân trong thực hành y khoa (Điều trị, chăm sóc và tư vấn, giáo dục sức khỏe cho bệnh nhân và người nhà).

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Khuyên	TS	0915539417	khuyendhytb@gmail.com	Phụ trách
2.	Nguyễn Hữu Ngự	ThS	0913260712	huunguytb@gmail.com	GV
3.	Đặng Bích Thủy	TS	0985201899	dangbichthuy71@gmail.com	GV
4.	Vũ T Kim Dung	ThS	0912792567	kimdung.ytb@gmail.com	GV
5.	Lê Đức Cường	TS	0938042668	cuongldvn@gmail.com	GV
6.	Trần Thị Phương	PGS.TS	0969816605	phuong170978@gmail.com	GV
7.	Lê Trần Hoàng	CN	0765891557	Hoangmata3697@gmail.com	Trợ giảng
8.	Vũ Việt Trung	BS	0966635218	Viettrung17b9@gmail.com	Trợ giảng

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	<i>* Kiến thức:</i> - Giám sát phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương. - Lập kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng	PEO 1, PEO 2

	ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp. - Xác định một số vấn đề sức khỏe, bệnh tật cần sàng tuyển phát hiện sớm tại cộng đồng. - Thiết kế cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng. - Mô tả được các vấn đề sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng. - Xử lý phân tích các thông tin đã thu được, biết nhận xét các kết quả đã được trình bày. - Xác định các yếu tố nguy cơ của một bệnh trạng tại cộng đồng và đề xuất được các giải pháp thích hợp loại trừ yếu tố nguy cơ.	
2.	<i>* Kỹ năng:</i> - Thiết kế được một cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng. - Xây dựng được kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp.	PEO 1, PEO 2

3.	<i>* Thái độ:</i> Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học là một môn y học cơ sở nền tảng cho các nghiên cứu về y tế công cộng, liên quan đến quá trình đặt câu hỏi về tình trạng sức khỏe cũng như bệnh tật của quần thể, đưa ra phương pháp để tiến hành điều tra những vấn đề sức khỏe, tìm ra những yếu tố căn nguyên có thể của vấn đề để đưa ra các giải pháp can thiệp nâng cao sức khỏe và đánh giá hiệu quả của các giải pháp can thiệp đó.	PEO 3, PEO 4
----	--	--------------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1: Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong thực hành chuyên môn Y khoa	S: PLO 1, 4 H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14
2.	CLO 2: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động Y khoa	S: PLO 1, 4 H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14
3.	CLO 3: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đầy đủ và thành thạo khi chăm sóc người bệnh	S: PLO 1, 4 H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14
4.	CLO 4: Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại cộng đồng. Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các bệnh	H: PLO 3, 8.9,10,11,12,13,14 S: PLO 1,4,5,7

	dịch tại địa phương. Đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch	
5.	CLO 5: Đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh	H: PLO 3, 8.9,10,11,12,13,14 S: PLO 1,4,5,7

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1. Các đề cập dịch tễ học 1. Khái niệm về dịch tễ học 2. Mục tiêu của dịch tễ học a. Mục tiêu chung b. Mục tiêu cụ thể : i. Xác định sự phân bố ii. Bộc lộ nguy cơ iii. Cung cấp phương pháp đánh giá biện pháp can thiệp cải thiện sức khỏe con người 3. Đề cập dịch tễ học 4. Đối tượng nghiên cứu của dịch tễ học 5. Nhiệm vụ các nội dung của dịch tễ học a. Dịch tễ học mô tả b. Dịch tễ học phân tích c. Dịch tễ học thực nghiệm d. Dịch tễ học lý thuyết khái quát	01	1. Trình bày được khái niệm, mục tiêu và đối tượng nghiên cứu của dịch tễ học 2. So sánh sự khác nhau giữa đề cập dịch tễ học và đề cập lâm sàng 3. Trình bày những đặc điểm chung của một nghiên cứu dịch tễ học	CLO 1
2	Bài 2. Số đo mắc bệnh và số đo tử vong 1. Số đo mắc bệnh	01	1. Trình bày được khái	CLO 1

	1.1. Số tuyệt đối và số tương đối liên quan đến kích thước quần thể 1.2. Tỷ lệ mới mắc và tỷ lệ hiện mắc 1.2.1. Tỷ lệ hiện mắc 1.2.2. Tỷ lệ mới mắc tích lũy 1.2.3. Mật độ mới mắc 1.3. Mối quan hệ giữa tỷ lệ tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ mới mắc 2. Số đo tử vong 2.1. Tỷ lệ tử vong thô (CDR) 2.2. Tử vong và tuổi 2.3. Tỷ lệ tử vong riêng phần (hoặc tỷ lệ tử vong đặc hiệu theo tuổi) 2.4. Tỷ lệ tử vong chuẩn hóa theo tuổi 2.5. Tỷ lệ tử vong đặc hiệu theo giới 2.6. Tỷ lệ tử vong theo nguyên nhân 2.7. Tỷ lệ chết/mắc		niệm về tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ mới mắc 2. Trình bày được mối quan hệ giữa tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ mới mắc 3. Trình bày được ý nghĩa và công thức tính một số tỷ lệ tử vong thường dùng 4. Nêu ý nghĩa của chuẩn hóa tỷ lệ tử vong	
3	Bài 3. Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học 1. Đại cương về thiết kế nghiên cứu sử dụng trong nghiên cứu dịch tễ học - Nghiên cứu quan sát - Các thiết kế nghiên cứu mô tả - Các thiết kế nghiên cứu phân tích - Nghiên cứu can thiệp 2. Các thiết kế nghiên cứu quan sát a. Các thiết kế nghiên cứu quan sát mô tả i. Nghiên cứu mô tả ca bệnh ii. Nghiên cứu mô tả chùm bệnh/ nghiên cứu loạt trường hợp	01	1. Nêu được các loại thiết kế nghiên cứu mô tả, vai trò của các thiết kế nghiên cứu mô tả 2. Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu phân tích 3. Nêu được ưu nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu	CLO 2

	iii. Nghiên cứu cắt ngang mô tả b. Các thiết kế nghiên cứu quan sát phân tích i. Nghiên cứu thuần tập ii. Nghiên cứu bệnh - chứng iii. Nghiên cứu cắt ngang có phân tích iv. Nghiên cứu tương quan/ nghiên cứu sinh thái 3. Các thiết kế nghiên cứu can thiệp a. Can thiệp cộng đồng: i. Nghiên cứu so sánh trước - sau can thiệp ii. Nghiên cứu có nhóm chứng. b. Thử nghiệm lâm sàng: i. Nghiên cứu đơn nhóm ii. Nghiên cứu đa nhóm iii. Phân bố ngẫu nhiên iv. Làm mù v. Nhóm chứng lịch sử c. Thử nghiệm phòng bệnh		phân tích 4. Trình bày được các loại nghiên cứu can thiệp	
4	Bài 4. Sàng tuyển phát hiện bệnh 1. Định nghĩa 2. Xác định những bệnh cần sàng tuyển 2.1. Bệnh có tính chất nghiêm trọng 2.2. Có nghiệm pháp phát hiện được ở thời kỳ tiền lâm sàng 2.3. Khả năng điều trị sớm có hiệu quả 3. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt 3.1. Hai kỹ thuật phát hiện hàng loạt	02	1. Trình bày được khái niệm về sàng tuyển và tiêu chuẩn của các bệnh cần sàng tuyển trong cộng đồng. 2. Phân loại	CLO 4

	3.2. Xây dựng một kế hoạch phát hiện hàng loạt 3.2.1. Bệnh 3.2.2. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt 3.2.3. Quần thể bị đe dọa 4. Các trắc nghiệm áp dụng trong sàng tuyển 4.1. Độ nhạy và độ đặc hiệu 4.2. Giá trị tiên đoán của trắc nghiệm		các kỹ thuật (trắc nghiệm) sử dụng để sàng tuyển phát hiện bệnh. 3. Xác định được những bệnh cần sàng tuyển và các trắc nghiệm tương ứng sử dụng để sàng tuyển các bệnh đó.	
5	Bài 5. Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin 1. Kỹ thuật thu thập thông tin 1.1. Phỏng vấn 1.2. Quan sát 1.3. Thảo luận nhóm 1.4. Sử dụng thông tin có sẵn 1.5. Thăm khám, xét nghiệm 2. Công cụ thu thập thông tin 2.1. Những tư liệu cần thiết để xây dựng bộ câu hỏi 2.1.1. Mục tiêu của cuộc điều tra 2.1.2. Loại điều tra 2.1.3. Những thông tin cần có sau khi điều tra 2.2. Trình tự xây dựng bộ câu hỏi 2.2.1. Lựa chọn xếp đặt các cụm thông	02	1. Trình bày được khái niệm và cách phân loại biến số 2. Liệt kê được các kỹ thuật thu thập thông tin chủ yếu 3. Nêu những cân nhắc lựa chọn công cụ thu thập thông tin, ưu nhược điểm của các kỹ thuật thu thập thông tin	CLO 4

	tin 2.2.2. Xếp đặt câu hỏi cụ thể trong mỗi cụm thông tin 2.2.3. Mã hóa câu hỏi, câu trả lời 2.2.4. Dạng câu hỏi trong phiếu điều tra 2.3. Kiểm tra đánh giá bộ câu hỏi 2.3.1. Tổ chức đào tạo cán bộ phỏng vấn 2.3.2. Tổ chức điều tra thử trên cộng đồng 2.3.4. Sửa chữa bổ sung hoàn chỉnh bộ câu hỏi			
6	Bài 6. Nghiên cứu bệnh chứng 1. Định nghĩa 2. Thiết kế nghiên cứu - Định nghĩa và chọn nhóm bệnh - Chọn nhóm chứng - Thu thập thông tin 3. Phân tích số liệu 4. Các sai lệch trong nghiên cứu bệnh chứng - Sai lệch lựa chọn - Sai lệch quan sát - Sai lệch nhớ lại - Sai lệch xếp loại 5. Ưu nhược điểm - Ưu điểm - Nhược điểm	01	1. Trình bày được định nghĩa, thiết kế, các sai lệch và ưu nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng. 2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng 3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu bệnh chứng 4. Vận dụng được nghiên cứu bệnh	CLO 3

			chứng vào nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng	
7	Bài 7. Nghiên cứu thuần tập 1. Định nghĩa 2. Các loại thiết kế nghiên cứu thuần tập - Thuần tập hồi cứu - Thuần tập tương lai - Thuần tập vừa hồi cứu vừa tương lai 3. Thiết kế nghiên cứu - Chọn phơi nhiễm - Chọn nhóm đối chứng - Thu thập thông tin 4. Phân tích số liệu 5. Ưu nhược điểm - Ưu điểm - Nhược điểm	01	1. Trình bày được định nghĩa, các loại nghiên cứu, thiết kế và ưu nhược điểm của nghiên cứu thuần tập. 2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập 3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu 4. áp dụng được phương pháp nghiên cứu thuần tập vào nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng.	CLO 2
8	Bài 8. Nghiên cứu can thiệp 1. Định nghĩa 2. Các loại nghiên cứu can thiệp + Thử nghiệm lâm sàng	01	1. Trình bày được định nghĩa, các loại nghiên cứu,	CLO 2

	- Thử nghiệm phương pháp điều trị - Thử nghiệm thuốc điều trị + Thử nghiệm phòng bệnh 3. Những vấn đề đặc biệt trong nghiên cứu can thiệp + Đạo đức + Khả năng thực hiện + Giá thành 4. Thiết kế nghiên cứu can thiệp - Lựa chọn quần thể nghiên cứu - Chỉ định chế độ nghiên cứu - Xác định bệnh với tỷ lệ cao và đồng nhất - Kết thúc thử nghiệm 5. Phân tích số liệu		những vấn đề đặc biệt và thiết kế nghiên cứu can thiệp. 2. Tính được cỡ mẫu trong nghiên cứu can thiệp 3. Phân tích được kết quả trong nghiên cứu can thiệp 4. Vận dụng được nghiên cứu can thiệp vào nghiên cứu sức khỏe cộng đồng.	
9	Bài 9. Nghiên cứu mô tả 1. Định nghĩa 2. Các phương pháp nghiên cứu mô tả - Nghiên cứu tương quan - Báo cáo bệnh hay đợt bệnh - Điều tra ngang 3. Các đặc trưng mô tả 3.1. Con người - Tuổi - Giới - Nhóm dân tộc, chủng tộc - Tầng lớp xã hội - Nghề nghiệp	01	1. Trình bày được định nghĩa và các phương pháp nghiên cứu mô tả 2. Nêu được các đặc trưng sử dụng trong nghiên cứu mô tả 3. Vận dụng được phương	CLO 2

	- Tình trạng hôn nhân - Các đặc trưng về gia đình - Các đặc trưng khác về con người 3.2. Không gian - Biên giới tự nhiên - Sự phân vùng hành chính - Bản đồ yếu tố môi trường, bản đồ điểm - Sự khác nhau giữa thành phố và nông thôn - So sánh quốc tế - Nghiên cứu người di cư 3.3. Thời gian - Sự tăng tần số mắc bệnh trong một khoảng thời gian - Tính chu kỳ - Xu thế của bệnh		pháp nghiên cứu mô tả vào nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng	
10	Bài 10. Nguyên lý dịch tễ học các Bệnh truyền nhiễm I. Bệnh truyền nhiễm 1. Khái niệm, phân loại bệnh truyền nhiễm 2. Đặc điểm chung của các bệnh truyền nhiễm 2.1. Bệnh truyền nhiễm phải do một loại vi sinh vật ký sinh gây nên 2.2. Bệnh truyền nhiễm thường phát triển theo mùa, mang tính chu kỳ và trải qua 4 thời kỳ 2.3. Bệnh truyền nhiễm thường lây lan và phát triển thành dịch 2.4. Hầu hết các bệnh truyền nhiễm đều để lại miễn dịch sau khi mắc bệnh 3. Ý nghĩa lâm sàng và dịch tễ học của 4 thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm 3.1. Thời kỳ ủ bệnh	04	1. Nêu được đặc điểm chung của các bệnh truyền nhiễm 2. Trình bày được ý nghĩa lâm sàng và ý nghĩa dịch tễ của các thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm 4. Nêu được các khâu của quá trình dịch và trình nguyên tắc	CLO 4

	3.2. Thời kỳ khởi phát 3.3. Thời kỳ toàn phát 3.4. Thời kỳ lui bệnh II. Quá trình dịch 1. Khái niệm 2. Các yếu tố của quá trình dịch * Động lực trực tiếp - Nguồn truyền nhiễm - Yếu tố truyền nhiễm - Khỏi cơ thể cảm thụ * Động lực gián tiếp - Yếu tố của môi trường tự nhiên - Yếu tố của môi trường xã hội III. Điều tra xử lý dịch 1. Khái niệm về vùng dịch, khu dịch 1.1. Ổ dịch 1.2. Vùng dịch (khu dịch) 2. Nguyên tắc phòng chống dịch 3. Điều tra dịch 3.1. Điều tra trường hợp mắc bệnh - Phát hiện người bệnh - Xác định các chỉ số mắc, chết - Mô tả tình hình mắc bệnh 3.2. Điều tra các yếu tố liên quan - Dân số - Trình độ phát triển kinh tế, xã hội - Vệ sinh môi trường - Các thông tin về phát triển sản xuất - Các ổ chứa mầm bệnh tự nhiên - Điều kiện đại lý, khí hậu 4. Xử lý khu dịch: 4.1. Khai báo		phòng chống dịch 5. Nêu những nội dung chính trong điều tra dịch 6. Trình bày được các biện pháp xử lý khu dịch	
--	--	--	--	--

	4.2. Cách ly và điều trị người bệnh 4.3. Tẩy uế 4.4. Thành lập ban phòng chống dịch 4.5. Khoanh vùng dịch 4.6. Các biện pháp đối với người lành trong vùng dịch 4.7. Các biện pháp đối với ngoại cảnh 4.8. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe			
11	Bài 11. Dịch tễ học HIV/AIDS 1. Một số khái niệm 1.1. HIV là gì? 1.2. AIDS là gì? 1.3. Dịch tễ học HIV/AIDS 2. Tình hình dịch HIV/AIDS trên thế giới và Việt Nam 2.1. Tình hình dịch HIV/AIDS trên thế giới 2.2. Tình hình dịch HIV/AIDS tại Việt Nam 4. Các đường lây truyền và không lây HIV 4.1. Các đường lây truyền HIV 4.1.1. Lây truyền HIV qua đường tình dục 4.1.2. Lây truyền HIV qua máu và chế phẩm của máu 4.1.3. Lây truyền HIV từ mẹ sang con 4.2. Các đường không lây truyền HIV 5. Các biện pháp phòng tránh lây nhiễm HIV 5.1. Phòng tránh lây nhiễm HIV qua đường tình dục	03	1. Trình bày được những đặc điểm riêng của dịch HIV/AIDS 2. Nêu và giải thích được các phương thức lây truyền HIV 3. Trình bày được các yếu tố nguy cơ làm tăng lây truyền HIV 4. Trình bày mục tiêu của xét nghiệm HIV và các phương pháp giám sát dịch tễ học HIV/AIDS 5. Trình bày các biện pháp	CLO 4

	5.2. Phòng tránh lây nhiễm HIV qua đường máu 5.2.1. Phòng tránh lây truyền HIV qua truyền máu 5.2.2. Phòng lây nhiễm HIV ở người nghiện chích ma túy 5.2.3. Dự phòng phơi nhiễm HIV trong môi trường nghề nghiệp 5.3. Phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con 5.3.1. Dự phòng sớm lây truyền HIV cho phụ nữ 5.3.2. Phòng tránh mang thai ngoài ý muốn cho phụ nữ nhiễm HIV		phòng chống lây nhiễm HIV/AIDS.	
12	Bài 12. Chương trình tiêm chủng mở rộng 1. Đại cương a. Lịch sử của chương trình TCMR b. Tình hình tiêm chủng hiện nay c. Một số thành quả của chương trình 2. Cơ sở khoa học của chương trình a. Cơ sở khoa học b. Phân loại miễn dịch c. Khái niệm cơ thể cảm nhiễm và cơ thể miễn dịch 3. Khái niệm, phân loại và bảo quản vắc xin 4. Khái niệm và nguyên tắc tiêm chủng 5. Cách tổ chức buổi tiêm chủng	02	1. Liệt kê được các nguyên tắc tiêm chủng 2. Trình bày được các nội dung cơ bản của Chương trình Tiêm chủng Mở rộng (TCMR). 3. Kể tên, cấu tạo, tác dụng, cách sử dụng đối với các vắc xin trong Chương trình TCMR. 4. Trình bày	CLO 3

			được lịch tiêm chủng đối với trẻ em dưới 1 tuổi và phụ nữ có thai. 5. Liệt kê được các bước thực hiện một buổi tiêm chủng tại cộng đồng	
13	Bài 13. Quần thể và mẫu 1. Khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu 1.1. Mẫu nghiên cứu (Study sample). 1.2. Đơn vị mẫu và đơn vị quan sát 1.3. Tham số mẫu 1.4. Khung mẫu 1.5. Phân bố mẫu 1.6. Quần thể nghiên cứu và quần thể đích 1.7. Tham số quần thể 2. Cỡ mẫu 2.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến cỡ mẫu 2.2. Công thức tính cỡ mẫu a. Cỡ mẫu cho ước tính một tỷ lệ b. Cỡ mẫu cho ước tính một giá trị trung bình c. Cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập	04	1. Trình bày được các khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu. 2. Trình bày được các công thức tính cỡ mẫu. 3. Trình bày định nghĩa, cách tiến hành, ưu nhược điểm của 4 kỹ thuật chọn mẫu cơ bản: Ngẫu nhiên đơn, ngẫu nhiên chum, ngẫu nhiên hệ thống và ngẫu nhiên phân tầng.	CLO 5

	d. Cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng e. Cỡ mẫu cho nghiên cứu can thiệp 3. Các kỹ thuật chọn mẫu 3.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn 3.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống 3.3. Chọn mẫu chùm 3.4. Chọn mẫu phân tầng		4. áp dụng để giải các bài tập và các tình huống cụ thể	
14	Bài 14. Dịch tễ học bệnh Dịch hạch 1. Đặc điểm dịch tễ học - Vùng - Mùa - Hình thái dịch 2. Quá trình dịch - Mầm bệnh - Nguồn truyền nhiễm - Đường truyền nhiễm - Bệnh sinh - Cơ thể cảm nhiễm 3. Phòng chống dịch 3.1. Biện pháp đối với nguồn truyền nhiễm 3.2. Biện pháp đối với đường truyền nhiễm 3.3. Biện pháp đối với cơ thể cảm nhiễm	01		CLO 4
15	Bài 15. Dịch tễ học viêm gan virus 1. Đặc điểm dịch tễ học của viêm gan virus - Vùng - Mùa - Hình thái dịch 2. Quá trình dịch a. Nguồn truyền nhiễm	01		CLO 4

	b. Yếu tố truyền nhiễm c. Cơ thể cảm nhiễm 3. Biện pháp phòng a. Biện pháp phòng đối với nguồn truyền nhiễm b. Biện pháp phòng đối với yếu tố truyền nhiễm c. Biện pháp phòng đối với khối cơ thể cảm nhiễm			
16	Bài 16. Dịch tễ học sốt xuất huyết Dengue 1. Đặc điểm dịch tễ học của bệnh sốt xuất huyết 1.1. Vùng 1.2. Mùa 1.3. Hình thái dịch 2. Quá trình dịch 2.1. Nguồn truyền nhiễm 2.2. Yếu tố truyền nhiễm 2.3. Cơ thể cảm nhiễm 3. Biện pháp phòng 3.1. Biện pháp phòng đối với nguồn truyền nhiễm 3.2. Biện pháp phòng đối với yếu tố truyền nhiễm 3.3. Biện pháp phòng đối với khối cơ thể cảm nhiễm	01		CLO 4
17	Bài 17 :Tẩy uế 1. Đại cương 1.1. Định nghĩa 1.2. Nhiệm vụ của tẩy uế 2. Các loại tẩy uế 2.1. Tẩy uế chống dịch	01		CLO 4

	2.2. Tẩy uế dự phòng 3. Các phương pháp tẩy uế 3.1. Phương pháp cơ học 3.2. Phương pháp vật lý 3.3. Phương pháp hóa học 3.4. Phương pháp sinh học 4. Kiểm tra tẩy uế			
--	--	--	--	--

2. Thực hành

Stt	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1. Thực hành xây dựng bài tuyên truyền về phòng chống dịch Các nội dung bắt buộc: - Loại dịch gì, lây truyền thế nào? - Mức độ nguy hiểm của bệnh dịch này? - Biểu hiện như thế nào? Khi bị mắc bệnh phải làm gì? - Phòng chống lây nhiễm cho bản thân và cộng đồng như thế nào?	02	Xây dựng được 01 bài truyền thông về phòng chống dịch	CLO 4
2	Bài 2. Sàng tuyển phát hiện bệnh 1. Sử dụng các nghiệm pháp sàng tuyển vào thực tế 2. Áp dụng để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm 3. Tìm hiểu về ý nghĩa của các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm 4. Làm các bài tập tình huống về các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm	04	1. Áp dụng lý thuyết để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm. 2. Làm được các bài tập	CLO 4
3	Bài 3. Thực hành thiết kế nghiên cứu thuần tập 1. Thiết kế nghiên cứu a. Chọn nhóm phơi nhiễm	04	1. Thực hành thiết kế nghiên cứu 2. Làm được	CLO 3

	b. Chọn nhóm so sánh c. Xác định tình trạng bệnh 2. Phân tích và phiên giải số liệu a. Tính tỷ lệ mắc mới b. Tính nguy cơ tương đối c. Tính nguy cơ quy thuộc 3. Xác định các sai số a. Sai số chọn b. Sai số xếp loại c. Sai số quan sát d. Sai số do mất đối tượng 4. Khắc phục và hạn chế sai số Xác định các ưu, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập		các bài tập	
4	Bài 4. Thực hành tính cỡ mẫu và chọn mẫu 1. Bài tập thực hành tính cỡ mẫu 1.1. Tính cỡ mẫu ước tính một tỷ lệ 1.2. Tính cỡ mẫu ước tính một giá trị trung bình 2. Bài tập thực hành chọn mẫu 2.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn 2.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống 2.3. Chọn mẫu chùm 2.4. Chọn mẫu phân tầng 3. Xác định cỡ mẫu và kỹ thuật chọn mẫu trong các nghiên cứu được báo cáo	02	Làm được các bài tập	CLO 5
5	Bài 5. Thực hành xây dựng công cụ thu thập thông tin 1. Bộ câu hỏi phỏng vấn 2. Phiếu điều tra trong quan sát	02	Xây dựng được bộ câu hỏi	CLO 4
6	Bài 6. Chương trình tiêm chủng mở rộng 1. Tìm hiểu thực tế về quy trình tổ chức	02		CLO 4

	buổi tiêm chủng tại Trạm y tế 2. Đóng vai quy trình tổ chức một buổi tiêm chủng 3. Thảo luận nhóm để đưa ra những khó khăn, hạn chế khi thực hiện quy trình tiêm chủng Áp dụng lý thuyết để làm các bài tập tình huống về tư vấn cho các đối tượng tiêm chủng			
--	--	--	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm
2. Thực hành: Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Lý thuyết: Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints

Thực hành: Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1	Theo quy định	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của SV	CĐR 4	10
Điểm giữa học phần	10%	1	Theo quy định	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3,5	10

(ĐGHP)						
Điểm Thực hành (ĐTH)	20%	1	Theo quy định	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	60%	1	Theo quy định	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3,5	10

Công thức tính điểm: 1:1:2:6

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	2
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thi viết (GHP): 10 điểm

Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3,9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubric 3: Thi test (kết thúc học phần): 10 điểm

Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3,9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

			sốt	bày chưa rõ ràng	ràng
--	--	--	-----	---------------------	------

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Dịch tễ học (1993), Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.
2. Phạm Ngọc Đính (2013), Dịch tễ học, giáo trình giảng dạy sau đại học Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Nhà xuất bản y học.
3. Thực hành Dịch tễ học (1996), Bộ môn Dịch tễ học Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi
2. Quy định điều kiện dự thi: Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2017	Trần Thị Khuyên
2.	Lần 2	05/2019	Trần Thị Khuyên
3.	Lần 3	05/2021	Trần Thị Khuyên
4.	Lần 4 dự kiến	05/2023	Trần Thị Khuyên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng việt: **Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường 1**

Tên tiếng anh: Environmental Health 1

Mã số học phần: 3120ENVHLT1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	3
Số tiết Lý thuyết:	28
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	72
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	34
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1
Giữa học phần:	1

Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sinh lý bệnh, miễn dịch; Sinh hóa; Vi sinh; Ký sinh trùng.
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Dịch tễ
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Học phần Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường là môn học gồm học phần SKMT1 và SKMT2. Học phần SKMT1 nghiên cứu về môi trường, sự tác động qua lại giữa môi trường và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Học phần KHMT và SKMT sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vệ sinh môi trường như: đất, nước, không khí, sinh thái ... và các biện pháp dự phòng, khắc phục

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
4.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia
5.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia
6.	Đặng Thị Thu Nga	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia
7.	Đặng Thị	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham

	Ngọc Anh				gia
8.	Nguyễn Thị Thanh Phương	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongytb@gmail.com	Tham gia
9.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được mối quan hệ giữa môi trường đến sức khỏe con người	PEO: 1
2.	Trình bày được ảnh hưởng của môi trường đất, nước, không khí đến sức khỏe con người	PEO: 2
3.	Đánh giá được tiêu chuẩn môi trường đất, nước, không khí	PEO: 1,2

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Phân tích được ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người	S: H: PLO: 1,4
2.	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích được các yếu tố nguy cơ và đề xuất được các biện pháp can thiệp môi trường an toàn và quản lý được các nguy cơ	S: H: PLO: 3, 4,5,7,8

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1 : Đại cương sức khỏe môi	4	1. Trình bày được	CLO:1,2

	trường và các yếu tố nguy cơ 1. Một số khái niệm về môi trường, sức khỏe, sức khỏe môi trường 2. Mối tương tác giữa con người và môi trường 3. Các nguy cơ về môi trường 4. Nguy cơ lây nhiễm trong ngành y tế		định nghĩa môi trường, sức khỏe môi trường, nguy cơ, yếu tố nguy cơ và tương tác giữa con người – môi trường? 2. Xác định được các nguy cơ môi trường tới sức khỏe, nguy cơ trong ngành y tế 3. Hiểu và tư vấn được các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường 4. Trình bày được các biện pháp đảm bảo an toàn nghề nghiệp trong ngành y tế?	
2	Bài 2: Vệ sinh nước 1. Phân bố của nước trong tự nhiên 2. Vai trò và nhu cầu về nước 3. Tiêu chuẩn vệ sinh để đánh giá nước sạch 4. Ô nhiễm nước 5. Biện pháp bảo vệ nguồn nước	8	1. Trình bày được vai trò và nhu cầu về nước 2. Trình bày được các tiêu chuẩn của nước 3. Phân tích được tác hại của ô nhiễm nước 4. Hiểu và tư vấn được các biện pháp phòng ô nhiễm nước	CLO: 1,2
3	Bài 3: Vệ sinh môi trường không	4	1. Trình bày các chỉ	CLO:

	khí 1. Các yếu tố vật lý của không khí 2. Các tầng khí quyển và đặc điểm không khí của từng tầng 3. Các thành phần hóa học của không khí 4. Ô nhiễm không khí		số đánh giá vệ sinh môi trường không khí và mối liên quan giữa môi trường không khí và sức khỏe con người. 2. Trình bày được khái niệm và các chất gây ô nhiễm không khí. 3. Phân tích được các ảnh hưởng của ô nhiễm không khí 4. Trình bày được các biện pháp phòng chống ô nhiễm không khí	1,2
4	Bài 4: Vệ sinh môi trường đất 1. Các chỉ tiêu đánh giá tình trạng vệ sinh của đất và quá trình tự làm sạch của đất 2. Ô nhiễm đất và bệnh tật do ô nhiễm đất	4	Xác định được ô nhiễm đất liên quan đến ô nhiễm môi trường và sức khỏe con người 3. Trình bày được tầm quan trọng của xử lý các chất thải 4. Trình bày được các phương pháp xử lý chất thải góp phần phòng bệnh cho con người	CLO: 1,2
5	Bài 5: Sinh vật và môi trường 1. Các khái niệm và nguyên lý	4	1. Trình bày được những nguyên lý và	CLO: 1

	2. Những yếu tố sinh thái chính và ảnh hưởng của chúng nên đời sống sinh vật 3. Quần thể sinh vật và hệ sinh thái		khái niệm cơ bản về sinh vật với môi trường. 2. Trình bày được những đặc trưng cơ bản của quần thể trong mối liên quan với môi trường	
6	Bài 6: Hệ sinh thái nông nghiệp 1. Lịch sử hình thành và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp 2. Cuộc cách mạng xanh 3. Những đặc trưng của nền nông nghiệp hiện đại 4. Các xu hướng phát triển của nông nghiệp hiện đại	4	1. Trình bày được sự hình thành và phát triển hệ sinh thái nông nghiệp 2. Trình bày được nội dung cuộc cách mạng xanh và xu thế phát triển nông nghiệp hiện đại	CLO: 1

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1: Xét nghiệm nước (các chỉ tiêu hóa học) - Chỉ tiêu hữu cơ - Chỉ tiêu amoniac - Chỉ tiêu nitrit - Chỉ tiêu muối	12	1. Trình bày được các nguyên tắc của xét nghiệm 2. Làm được các xét nghiệm hóa nước 3. Nhận định được tiêu chuẩn của mẫu nước	CLO: 1,2
2	Bài 2: Xét nghiệm nước (các chỉ tiêu hóa học) - Chỉ tiêu sắt - Chỉ tiêu độ cứng - Chỉ tiêu clo hoạt động - Test clo	4	1. Trình bày được các nguyên tắc của xét nghiệm 2. Làm được các xét nghiệm vi sinh vật 3. Nhận định được tiêu chuẩn vi sinh vật trong nước	CLO: 1,2

3	Bài 4: Xác định các yếu tố nguy cơ trong ngành y tế - Lập cây vấn đề về hậu quả của rác thải y tế - Phân tích các nguy cơ do rác thải - Các biện pháp khắc phục	8	1. Xây dựng được cây vấn đề về yếu tố nguy cơ của một vấn đề 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Đưa ra được các giải pháp dự phòng các yếu tố nguy cơ	CLO: 1,2
---	--	---	--	-------------

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, làm mẫu, học theo từng ca

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình
- Thiết bị thí nghiệm, dụng cụ, hóa chất

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		10
Điểm giữa	0,1	1	Thi viết	Mỗi câu trả lời	CLO: 1	10

học phần (ĐGHP)			câu hỏi ngắn	đầy đủ, chính xác		
Điểm thực hành (ĐTH)	0,4	1		1. Làm được xét nghiệm 2. Xác định được yếu tố nguy cơ	CLO: 1,2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả lời câu hỏi	CLO: 1,2	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Đ.HP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,4 + \text{ĐKTHP} \times 0,4$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản giáo dục
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.
4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
KHOA: Y TẾ CÔNG CỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

HỌC PHẦN PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Tên tiếng Anh: Scientific research method

Mã học phần: 3120SREMET0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Bác sĩ y học dự phòng năm 3
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 2 Số tiết Lý thuyết: 32 Thảo luận : 0 Số giờ tự học: 68 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 0 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 0	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): 2 Giữa học phần: 1 Kết thúc học phần: 1	
Học phần học trước:	Xác suất thống kê

Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa Y tế công cộng

2. Mô tả chung về học phần:

Môn Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành điều dưỡng trình độ đại học.

Học phần/module Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 5/6 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	tucvp@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Phạm Văn Trọng	PGS.TS	0912111921	phamvantrong56@gmail.com	Tham gia
3.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn@gmail.com	Tham gia
4.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
5.	Phạm Thị Dung	PGS.TS	0989981359	dungpt@tbmc.edu.vn	Tham gia
6.	Đặng Thị Thu Nga	ThS	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Xác định được một vấn đề nghiên cứu, viết được tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu	PEO 1, PEO 3
2.	Nắm được quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu, lập kế hoạch thực hiện đề tài	PEO 1, PEO 3, PEO 5
3.	Lập được một đề cương nghiên cứu	PEO 1, PEO 3, PEO 5
4.	Viết được tổng quan tài liệu	PEO 1, PEO 3, PEO 5

5.	Trình bày được kết quả nghiên cứu	PEO 1, PEO 3, PEO 5
----	-----------------------------------	---------------------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được các nghiên cứu trong lĩnh vực y sinh học.	H: PLO 1 2, 4, S: PLO 3, 5, 11
2.	Xây dựng được đề cương nghiên cứu và công cụ phục vụ việc thu thập thông tin	H: PLO 1, 2, 3, 4, 5 S: PLO 8, 9, 11, 12
3.	Vận dụng được kiến thức đã học để phiên giải và trình bày kết quả bằng các phương pháp trình bày phù hợp với dạng dữ liệu.	H: PLO 1, 2, 3, 4, 7, 13 S: PLO 10
4.	Nhận thức được nghiên cứu khoa học là nền tảng cung cấp chứng cứ cho thực hành y khoa, không chỉ trong lĩnh vực lập chính sách y tế, dự phòng bệnh mà cả trong thực hành lâm sàng.	H: PLO 1, 2, 3, 8 S: PLO 12, 13
5.	Nhận thức được nghiên cứu khoa học đúng phương pháp là yếu tố then chốt thúc đẩy sự phát triển của y học, hạn chế lãng phí nguồn lực và cung cấp những chứng cứ khoa học có giá trị, đóng góp vào kho tàng tri thức nhân loại và nâng cao sức khỏe người dân.	H: PLO 1, 2, 3, 4, 5 S: PLO 8, 9, 11, 12

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: 4. Đại cương về NCKH 1.1. Khái niệm về NCKH 1.2. Mối liên hệ giữa NCKH với các môn học khác 1.3. Mục đích và nhiệm vụ của NCKH 1.4. Điều kiện để NCKH 5. Phân tích và lựa chọn chủ đề cho NC 2.1. Cơ sở hình thành ý tưởng, chủ đề nghiên cứu 2.2. Tiêu chuẩn lựa chọn chủ đề nghiên cứu 6. Sai số và khắc phục sai số 3.1. Sai số ngẫu nhiên 3.2. Sai số hệ thống 3.3. Sai số do nhiễu	06	1. Nắm được mục đích, nhiệm vụ của nghiên cứu khoa học y học 2. Cách lựa chọn và xây dựng chủ đề cho nghiên cứu 3. Trình bày được các loại sai số và các yếu tố nhiễu hay gặp trong nghiên cứu. 4. Phương pháp hạn chế/ khắc phục các sai số có trong các trường hợp cụ thể	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 8, 12
2	Bài 2: 1. Tổng quan tài liệu về vấn đề nghiên cứu 1.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của tổng quan tài liệu 1.2. Các bước tiến hành và cách viết tổng quan tài liệu 2. Vấn đề đạo đức trong nghiên cứu 2.1. Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học và các nghiên cứu y sinh học cần quan tâm đến vấn đề đạo đức	04	1. Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc và nội dung cơ bản đạo đức trong nghiên cứu khoa học y học 2. Xác định được các khía cạnh đạo đức trong đề cương nghiên cứu mà học viên chuẩn bị triển khai 3. Xây dựng được bản cung cấp thông tin cho đối tượng tham gia nghiên cứu,	PLO 2, 3, 4, 5, 8, 10, 11, 12

	2.2. Các nguyên tắc và nội dung cơ bản của đạo đức nghiên cứu trong nghiên cứu y sinh học 2.3. Khái niệm, thành phần và nguyên tắc lấy phiếu chấp thuận tham gia nghiên cứu 2.4. Đánh giá khía cạnh đạo đức trong các giai đoạn nghiên cứu 2.5. Thành phần, vai trò và trách nhiệm của hội đồng đạo đức nghiên cứu		đơn tình nguyện tham gia nghiên cứu.	
	Bài 3: 1. Viết tên đề tài, mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, xây dựng giả thuyết cho nghiên cứu 1.1. Tên đề tài - câu hỏi nghiên cứu 1.2. Tiêu chuẩn một câu hỏi nghiên cứu tốt và các giải pháp khắc phục 1.3. Mục tiêu nghiên cứu - giả thiết nghiên cứu - Các loại mục tiêu - Cách viết mục tiêu - Những sai sót thường gặp khi viết mục tiêu - Phân biệt giữa câu hỏi nghiên cứu và giả thiết nghiên cứu 1.4. Một số ví dụ 2. Đề cương nghiên cứu. 2.1 Các phần chính trong một bản đề cương. 2.2. Sơ đồ các bước phát triển một đề cương nghiên cứu	06	1. Trình bày được cách viết tên đề tài nghiên cứu và cách viết mục tiêu cho nghiên cứu 2. Trình bày được các phần chính của một bản đề cương nghiên cứu 3. Trình bày được sơ đồ phát triển một đề cương nghiên cứu	PLO 1, 2, 3, 4

	Bài 4: 1. Các thiết kế nghiên cứu cơ bản, lựa chọn thiết kế nghiên cứu 1.1. Sơ lược về các loại thiết kế nghiên cứu 1.2. Thiết kế nghiên cứu quan sát a. Thiết kế nghiên cứu quan sát mô tả b. Thiết kế nghiên cứu quan sát phân tích 1.3. Nghiên cứu can thiệp 1.4. Bài tập 2. Xác định cỡ mẫu và quy trình chọn mẫu cho từng loại nghiên cứu 2.1. Vai trò mẫu nghiên cứu 2.2. Một số khái niệm chung về quần thể nghiên cứu, mẫu nghiên cứu, ... 2.3. Tiêu chuẩn mẫu nghiên cứu 2.4. Các kỹ thuật chọn mẫu : xác xuất, không xác xuất 2.5. Công thức tính cỡ mẫu nghiên cứu cho nghiên cứu quan sát mô tả, quan sát phân tích. 2.6. Bài tập	06	1. Phân biệt được các loại thiết kế và ưu nhược điểm của từng loại thiết kế nghiên cứu 2. Lựa chọn được phương pháp chọn mẫu phù hợp và lập kế hoạch chọn mẫu cho các nghiên cứu dịch tễ học khác nhau 3. Lựa chọn công thức phù hợp và tính được cỡ mẫu cho một nghiên cứu	PLO 2, 3, 4, 5, 8, 11, 12
	Bài 5: 1. Biến số và phân loại biến số 1.1. Biến định danh 1.2. Biến liên tục 1.3. Biến thứ hạng 2. Các kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu, công cụ NC và phương pháp thu	06	1. Định nghĩa được biến số/chỉ số và tầm quan trọng của việc xác định biến số/chỉ số trong nghiên cứu 2. Phân biệt được các loại biến số 3. Trình bày được kỹ thuật	PLO 2, 3, 4, 5, 11, 12

	thập thông tin 2.1. Bộ câu hỏi 2.2. Bảng kiểm 2.3. Câu hỏi phỏng vấn sâu 2.4. Bài tập		và công cụ thu thập số liệu cơ bản và ưu điểm/hạn chế của mỗi loại 4. Thiết kế một phần công cụ cho chủ đề nghiên cứu đã chọn	
	Bài 6: 1. Quy trình thực hiện một đề tài NCKH 1.1. Xây dựng đề cương 1.2. Tiến hành thu thập số liệu 1.3. Phân tích và viết báo cáo 1.4. Công bố kết quả 2. Viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu 3.1. Đặt vấn đề 3.2. Tổng quan tài liệu 3.3. Phương pháp nghiên cứu 3.4. Kết quả 3.5. Bàn luận 3.6. Kết luận 3.7. Khuyến nghị 3. Trình bày kết quả nghiên cứu 4.1. Diễn giải 4.2. Trình bày bằng bảng 4.3. Trình bày bằng biểu đồ	04	1. Trình bày được quy trình thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học 2. Trình bày được các thành phần chính của một báo cáo tổng kết đề tài, một bài báo khoa học 3. Trình bày được ưu, nhược điểm của các loại bảng, biểu đồ	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 11, 12

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: thuyết trình, phát vấn, thảo luận, làm việc nhóm
2. Thực hành:
3. Lâm sàng:

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: bảng, phần, sách giáo khoa

2. Thực hành:

3. Lâm sàng:

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Điểm danh hằng ngày	Điểm danh	Điểm danh hằng ngày Đi học đúng giờ Đảm bảo nội quy của bộ môn		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	1 bài viết	Kiểm tra viết	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm	PLO 4,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	1 bài viết	Thi viết cải tiến	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 2.5 điểm, tổng 4 câu được 10 điểm	PLO 4,5, 10, 11	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1 * \text{chuyên cần} + 0,2 * \text{GHP} + 0,7 * \text{CHP}$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	
Nghỉ học có phép	
Nghỉ học không phép	
Đi muộn	

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

Lưu Ngọc Hoạt (2014), Phương pháp nghiên cứu khoa học trong y học, Nhà xuất bản y học.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Lưu Ngọc Hoạt (2016), Phương pháp viết đề cương nghiên cứu tập 1, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
2. Lưu Ngọc Hoạt (2016), Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu tập 2, Nhà xuất bản Y học Hà Nội
3. Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học, NXB Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

2. Quy định điều kiện dự thi: Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: DINH DƯỠNG & ATTP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DINH DƯỠNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM (DINH DƯỠNG CƠ SỞ)
NĂM 2021

Tên học phần: Dinh dưỡng & VSATTP 1 (Dinh dưỡng cơ sở)

Tên tiếng Việt: **Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm 1**

Tên tiếng Anh: Nutrition and Food Safety 1

Mã học phần: 3120NUTSFE1T

Ngành: Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 4

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm thứ 4
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	02 (1/1)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	32
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	03
Giữa học phần:	01

Thực hành	01
Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	Vi sinh, Ký sinh trùng
Học phần song hành:	Không
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Dinh dưỡng & VSATTP 1 sẽ cung cấp cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức cơ bản về mối liên quan giữa dinh dưỡng, sức khỏe và bệnh tật. Sinh viên được nghiên cứu về vai trò, nhu cầu của các chất sinh năng lượng và các chất không sinh năng lượng, biết được mối quan hệ thiết yếu giữa thức ăn và cơ thể con người. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng qua các chỉ tiêu nhân trắc, xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho người bình thường và thực hiện được các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng, biết cách quản lý và dự phòng một số bệnh liên quan đến dinh dưỡng, một số chế độ ăn cơ bản trong bệnh viện.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Phạm Thị Dung	PGS.TS	0989981359	dungpt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
3.	Phạm Ngọc Khái	PGS.TS	0983090927	phamngockhaiydtb@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Xuân Ngọc	TS		xuanngoc@gmail.com	Tham gia
5.	Tạ Thúy Loan	BSCKII	0915585415	loantt@tbmc.edu.vn	Tham gia
6.	Phạm Thị Kiều Chinh	ThS	0389987259	huanchinh225@gmail.com	Tham gia
7.	Đinh Thị Kim Anh	Ths	0985585636	kimanh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp các chất sinh năng lượng và chất không sinh năng lượng.	PEO 1, 2
2	Trình bày một số nội dung chăm sóc dinh dưỡng cho các lứa tuổi và một số đối tượng ưu tiên tại cộng đồng (trẻ em dưới 1 tuổi, PNMT và PNNCB)	PEO 1, 2
3	Trình bày được các biện pháp giám sát, can thiệp, phòng ngừa và quản lý một số vấn đề dinh dưỡng và an toàn thực phẩm thường gặp ở cộng đồng Việt Nam	PEO 2, 5
4	Áp dụng được các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng	PEO 2
5	Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng và đảm bảo an toàn thực phẩm	PEO 2, PEO 4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	CLO1: Trình bày được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp các chất sinh năng lượng và chất không sinh năng lượng.	S: PLO 2, 11 H: PLO 1
2.	CLO2: Trình bày một số nội dung chăm sóc dinh dưỡng cho các lứa tuổi và một số đối tượng ưu tiên tại cộng đồng (trẻ em dưới 1 tuổi, PNMT và PNNCB)	S: PLO 2,3,5 H: PLO 1
3.	CLO3: Trình bày được các biện pháp giám sát, can thiệp, phòng ngừa và quản lý một số vấn đề dinh dưỡng và an toàn thực phẩm thường gặp ở cộng đồng Việt Nam	S: PLO 4,13,14 H: PLO 3,5
4.	CLO4: Áp dụng được các phương pháp đánh giá tình	S: PLO 4, 6

	trạng dinh dưỡng	H: PLO 1
5.	CLO5: Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng và đảm bảo an toàn thực phẩm	S: PLO 5, 8, 12,13,14 H: PLO 1

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1. Vai trò, nhu cầu các chất dinh dưỡng 1. Các chất dinh dưỡng sinh năng lượng 1.1. Protein - Sinh lý và bệnh lý hấp thu Protid - Vai trò của Protid trong cơ thể - Nhu cầu Protid - Nguồn cung cấp Protid 1.2. Lipid - Sinh lý và bệnh lý hấp thu Lipid -Vai trò của Lipid trong cơ thể - Nhu cầu Lipid - Nguồn cung cấp Lipid 1.3. Glucid - Sinh lý và bệnh lý hấp thu Glucid -Vai trò của Glucid trong cơ thể - Nhu cầu Glucid - Nguồn cung cấp Glucid 2. Các chất dinh dưỡng không sinh năng lượng 2.1. Vitamin - Vitamin tan trong dầu (Vitamin A, D): - Vitamin tan trong nước (Vitamin B1, C): 2.2. Chất khoáng (Iode, sắt, canxi, kẽm...)	04	1. Trình bày được vai trò, nhu cầu protein đối với cơ thể và nguồn cung cấp protein. 2. Trình bày được vai trò, nhu cầu lipid đối với cơ thể và nguồn cung cấp lipid. 3. Trình bày được vai trò, nhu cầu và nguồn cung cấp glucid. 4. Phân biệt được vi chất, đa chất dinh dưỡng, nắm được nguyên nhân, một số tình trạng bệnh lý chính do thiếu vitamin và khoáng. 5. Kể được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp của vitamin: A, E, D, B12, B1, B2, C 6. Kể được vai trò, nhu cầu, nguồn cung cấp của một số chất khoáng: Sắt, Iod, Calcium, kẽm	CLO1

2	Bài 2. Dinh dưỡng lứa tuổi 1. Dinh dưỡng lứa tuổi 1.1 Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người trưởng thành. 2. Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú. 3. Đặc điểm và chế độ DD của trẻ em. 4. Đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người cao tuổi. 2. Khẩu phần ăn hợp lý 2.1. Khẩu phần ăn thực tế hiện nay 2.2. Tính cân đối khẩu phần 2.3. Phương pháp xây dựng thực đơn 2.4. Một số biện pháp nâng cao chất lượng khẩu phần cho cộng đồng.	02	1. Trình bày được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người trưởng thành. 2. Phân tích được đặc điểm và chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ có thai và cho con bú. 3. Trình bày được những đặc điểm và chế độ DD của trẻ nhỏ cho đến vị thành niên. 4. Trình bày được những đặc điểm và chế độ dinh dưỡng của người cao tuổi.	CLO2
3	Bài 3. Chăm sóc dinh dưỡng cộng đồng 1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng 2. Nội dung hoạt động chăm sóc dinh dưỡng cộng đồng 2.1. Giáo dục truyền thông về dinh dưỡng ở cộng đồng 2.2. Phát triển hệ sinh thái VAC, sử dụng thực phẩm tại chỗ 2.3. Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ em 2.4. Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, đặc biệt là t có thai và cho con bú 2.5. Nâng cao chất lượng bữa ăn cho trẻ em, cao tuổi trong hộ gia đình 2.6. Tiêm chủng phòng bệnh ở trẻ em đúng đầy đủ	02	1. Trình bày được ý nghĩa và tầm quan trọng của chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng. 2. Phân tích được các nội dung chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng. 3. Áp dụng những kiến thức trên để thực hiện được hoạt động tư vấn chăm sóc nuôi dưỡng trẻ nhỏ theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới và phù hợp điều kiện thực tế Việt Nam	CLO3,5
4	Bài 4: Giám sát dinh dưỡng 1. Giám sát dinh dưỡng 1.1. Khái niệm về giám sát dinh dưỡng	04	1. Trình bày được các mục tiêu của giám sát dinh dưỡng và phân biệt được giám sát dinh dưỡng và	CLO3,5

	1.2. Mục tiêu của giám sát dinh dưỡng 1.3. Phân biệt giám sát dinh dưỡng với điều tra dinh dưỡng 2. Nội dung hoạt động của giám sát dinh dưỡng 2.1. Bản chất các vấn đề dinh dưỡng 2.2. Xác định các yếu tố nguy cơ và nhóm đối tượng có nguy cơ nhất 2.3. Xác định các yếu tố nguyên nhân 2.4. Diễn biến các vấn đề dinh dưỡng 3. Giám sát dinh dưỡng trong thời kỳ chuyển tiếp 4. Xây dựng hệ thống cung cấp dữ liệu và sử dụng dữ liệu của giám sát dinh dưỡng		điều tra dinh dưỡng. 2. Trình bày được các nội dung của giám sát dinh dưỡng. 3. Phân loại và trình bày được ý nghĩa của việc xác định các yếu tố nguy cơ mắc bệnh liên quan đến dinh dưỡng. 4. Phân loại và nêu được ý nghĩa của việc xác định nhóm đối tượng có nguy cơ cao nhất.	
5	Bài 5. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng 1. Các kỹ thuật thu thập số liệu 2. Các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em. 3. Các phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng người trưởng thành	04	1. Trình bày được các kỹ thuật để đánh giá tình trạng dinh dưỡng 2. Mô tả một số kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng 3. Nhận định được tình trạng dinh dưỡng trong các tình huống cụ thể	CLO4

2. Thực hành

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1. Xây dựng kế hoạch 1. Một số khái niệm liên quan đến xây dựng kế hoạch 1.1. Chức năng của công tác quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm 1.2. Xây dựng kế hoạch là một quá trình xác định cái gì sẽ phải làm như thế nào? 1.3. Lý do cần phải lập kế hoạch 1.4. Tầm quan trọng của lập kế hoạch 1.5. Các phương pháp lập kế hoạch	08	1. Trình bày được một số khái niệm liên quan đến xây dựng kế hoạch 2. Trình bày được các bước lập kế hoạch 3. Áp dụng lập kế hoạch được chương trình dinh dưỡng tại địa phương	CLO 1

	2. Các bước lập kế hoạch 2.1. Phân tích tình hình 2.2. Xây dựng chiến lược/các biện pháp can thiệp (Các giải pháp, các hoạt động)			
2	Bài 2. Tính tiêu hao năng lượng 1. Tính tiêu hao năng lượng 2. Xác định nhu cầu năng lượng 2.1. Dinh dưỡng của người trưởng thành 2.2. Dinh dưỡng của phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú 2.3. Dinh dưỡng trẻ em 2.4. Dinh dưỡng của người cao tuổi	08	1. Tính tiêu hao năng lượng 2. Xác định nhu cầu năng lượng cho các đối tượng	CLO 1
3	Bài 3. Tính tiêu hao năng lượng 1. Tính tiêu hao năng lượng 2. Xác định nhu cầu năng lượng 2.1. Dinh dưỡng của người trưởng thành 2.2. Dinh dưỡng của phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú 2.3. Dinh dưỡng trẻ em 2.4. Dinh dưỡng của người cao tuổi	08	1. Tính tiêu hao năng lượng 2. Xác định nhu cầu năng lượng cho các đối tượng	CLO 1
4	Bài 4. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng 1. Kỹ thuật thu thập số liệu 2. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em bằng các chỉ số CN/T, CC/T, CN/CC theo Z-Score. 3. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người trưởng thành bằng chỉ số BMI 4. Thực hành bài tập	08	1. Trình bày được các kỹ thuật để đánh giá tình trạng dinh dưỡng 2. Mô tả một số kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng 3. Thực hành các thao tác để đánh giá tình trạng dinh dưỡng 4. Nhận định kết quả trong các tình huống cụ thể	CLO 4

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm:

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa.
- Hỏi - đáp trực tiếp.
- Giao bài đọc về nhà.

- Hướng dẫn tự học.

2. Thực hành: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm:

- Hướng dẫn thực hiện.

- Cầm tay chỉ việc.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa.

- Máy chiếu Projector, bảng, phấn.

2. Thực hành:

- Sách thực hành.

- Bài tập trường hợp

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	1	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, đúng giờ		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm	CLO 1	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	1	Bài tập thực hành	Thang điểm	CLO 4	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm	CLO 1,2,3,4	10

Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0

Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/ tiết học
Đi muộn	Trừ 0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng câu hỏi <39%	Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 %	Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69%	Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84%	Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

1. Tài liệu học tập:

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, NXB Y học.
2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2014), Giáo trình thực hành dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng, Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam 2017, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016). Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ.
- Chuẩn bị bài học.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	5/2019	
2.	Lần 2	5/2021	
3.	Dự kiến	5/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng việt: **Sức khỏe nghề nghiệp 1**

Tên tiếng anh: Occupational health

Mã số học phần: 3120OCCHLT1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	34
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1
Giữa học phần:	1

Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sức khỏe môi trường, dịch tễ học đại cương, Sức khỏe môi trường 1
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Dịch tễ học cộng đồng,
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Sức khỏe nghề nghiệp 1 là một môn học nghiên cứu về môi trường lao động, sự tác động qua lại giữa môi trường lao động và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường lao động đến sức khỏe con người. Đồng thời qua học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Quốc Tiến	PGS. TS	0913564374		Tham gia
4.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
5.	Trương công Đạt	BSCKII. Ths	0989650075		Tham gia
6.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia
7.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia

8.	Đặng Thị Thu Ngà	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia
9.	Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham gia
10.	Nguyễn Thị Thanh Phương	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongytb@gmail.com	Tham gia
11.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Nhận biết được các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp trong môi trường lao động. Phân loại được các bệnh nghề nghiệp	PEO: 1,2
2.	Trình bày được ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe	PEO: 1,2
3.	Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp. Lập được kế hoạch quản lý sức khỏe	PEO: 2,3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe người lao động	S/PLO 3 H/PLO 1,5
2.	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người, lập được kế hoạch quản lý sức khỏe	S: H/PLO: 7,8,13
3.	CLO 3. Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện	S:

	lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp.	H/PLO: 1, 3,4,7
--	---	-----------------

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1: Đại cương về sức khỏe nghề nghiệp 1. Đại cương y học lao động 2. Các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp 3. Bệnh nghề nghiệp	4	1. Trình bày được nhiệm vụ và đối tượng của Y học lao động 2. Mô tả cách phân loại và các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp 3. Trình bày được định nghĩa và các nguyên tắc chẩn đoán bệnh nghề nghiệp 4. Nhận thức được vai trò của ngành y học lao động và công tác chăm sóc sức khỏe người lao động	CLO: 1,2
2	Bài 2: Các tác hại nghề nghiệp và biện pháp phòng chống tác hại nghề nghiệp 1. Đại cương về tác hại nghề nghiệp 2. Các biện pháp dự phòng các tác hại nghề nghiệp	4	1. Trình bày được các biện pháp và nguyên tắc phòng chống các tác hại nghề nghiệp 2. Hướng dẫn được các biện pháp dự phòng	CLO: 3
3	Bài 3 : Yếu tố sinh học trong lao động và bệnh nghề nghiệp liên quan 1. Đại cương 2. Một số bệnh nghề nghiệp do	4	1. Trình bày được các yếu tố THNN vì sinh vật các ảnh hưởng của các yếu tố vi sinh vật trong môi trường lao động đến sức khỏe người lao động.	CLO: 1,2,3

	các yếu tố sinh học 3. Dự phòng phơi nhiễm HIV nghề nghiệp 4. Dự phòng phơi nhiễm Lao nghề nghiệp		2. Nhận thức được tầm quan trọng của việc giám sát môi trường lao động và phòng tránh các tác hại nghề nghiệp về mặt vi sinh vật. 4. Đề xuất được các giải pháp phòng chống tác hại của các yếu tố vi sinh vật trong môi trường lao động và các BNN do vi sinh vật	
4	Bài 4: Vi khí hậu 1. Đại cương 2. Các yếu tố của vi khí hậu 3. Điều hoà nhiệt 4. Các chỉ tiêu theo dõi và đánh giá ảnh hưởng của vi khí hậu nóng tới sức khoẻ người lao động 5. Các biện pháp phòng chống ảnh hưởng của Stress nhiệt	4	1. Trình bày được các yếu tố đánh giá vi khí hậu trong sản xuất 2. Nêu được đặc điểm của vi khí hậu nóng và vi khí hậu lạnh 3. Trình bày được cơ chế điều nhiệt của cơ thể 4. Mô tả được những biến đổi sinh lý của cơ thể trong lao động 5. Giải thích được các rối loạn bệnh lý trong lao động 6. Đề xuất được các biện pháp phòng chống vi khí hậu bất lợi	CLO: 1,2,3

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1: Các nguyên tắc chung trong khảo sát môi trường lao động 1. Thu thập thông tin 2. Chuẩn bị giám sát môi trường lao	4	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ	CLO: 1,2,3

	động 3. Tiến hành khảo sát môi trường lao động		3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh	
2	Bài 2: Một số phương pháp đánh giá chức năng hệ tim mạch trong lao động 1. Ý nghĩa 2. Nghiệm pháp Martinet 3. Nghiệm pháp Letunop 4. Nghiệm pháp trèo bụi Harvard	4	1. Trình bày được mục đích của việc đánh giá chức năng tim mạch 2. Thực hiện được các nghiệm pháp và đánh giá được kết quả	CLO: 1,2,3
3	Bài 3: Xác định một số yếu tố vi khí hậu 1. Đo nhiệt độ không khí 2. Xác định độ ẩm tương đối 3. Xác định tốc độ lưu chuyển không khí 4. Đo độ chiếu sáng	4	1. Hiểu được nguyên lý hoạt động của các máy đo 2. Biết cách sử dụng các dụng cụ đo 3. Đọc được kết quả và đánh giá được môi trường lao động	CLO: 1,2,3
4	Bài 4: Thực địa đo và khảo sát môi trường lao động	4	1. Thu thập được các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động 2. Đo được điều kiện vi khí hậu tại môi trường lao động 3. Phân tích điều kiện môi trường lao động và đưa ra một số giải pháp	CLO: 1,2,3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa

- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác	CLO: 1,2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,4	1	Tiến hành các xét nghiệm	Thực hiện được các xét nghiệm	CLO: 1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả	CLO: 1,2,3	10

				lời câu hỏi		
--	--	--	--	-------------	--	--

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{Đ.HP=ĐCC \times 0,1 + ĐGHP \times 0,1 + ĐTH \times 0,4 + ĐKTHP \times 0,4}$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Thực tập sức khỏe môi trường*, Tài liệu phát tay

2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.

2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.

3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.

4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

2. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.

- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	Năm 2019	
2.	Lần 2	Năm 2021	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÁI BÌNH

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: **Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1**

Tên tiếng Anh: Behavioral Science and Health Education

Mã học phần: 3120HLTEDU1T

Ngành: Bác sỹ Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm thứ 3
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2 (1/1)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	16

Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	18
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	15
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	3
Giữa học phần:	1
Thực hành:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Kỹ năng giao tiếp
Học phần tiên quyết:	Không có
Học phần song hành:	Không có
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

2. Mô tả chung về học phần:

Giáo dục sức khỏe là một môn học của Y tế công cộng. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe đang là một chức năng, nhiệm vụ bắt buộc của ngành y tế, của tất cả các cán bộ y tế, là giải pháp hàng đầu, có hiệu quả nhất trong các giải pháp bảo vệ và tăng cường sức khỏe nhân dân, là nội dung số 1 trong các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu tại Việt Nam và thế giới. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học bác sỹ y học dự phòng trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

STT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Đức	PGS. TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Phụ trách

	Thanh				
2.	Trần Đình Thoan	Tiến sỹ	0979895118	trandinhthoantb@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Văn Nghiễm	Tiến sỹ	0904269378	nghiemdv1961@gmail.com	Tham gia
4.	Phan Thu Nga	Thạc sỹ	0976625250	phanthunga2710@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Ái	Thạc sỹ	0984391406	nguyenai198@gmail.com	Tham gia
6.	Nguyễn Hà My	Thạc sỹ	0976599971	hamy0359@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Văn Tiến	Thạc sỹ	0972213609	tiennv@tbump.edu.vn	Tham gia
8.	Nguyễn Quỳnh Hoa	Thạc sỹ	0987324899	quynhhoanckh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe	PEO 1
2.	Phân tích được hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe, các phương pháp, phương tiện, kỹ năng TT-GDSK	PEO 2 PEO 4
3.	Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động cho một chương trình TT-GDSK tại cộng đồng, nơi làm việc	PEO5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần Sau khi học xong học phần này	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1: Vận dụng được kiến thức TT-GDSK trong thực hành chuyên môn	S/PLO1

	YHDP	H/PLO3
2.	CLO 2: Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng và đưa ra được các giải pháp để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng	H/PLO1 H/PLO11
3.	CLO 3: Tham gia đào tạo cán bộ YHDP và nhân viên y tế	S/PLO9 H/PLO13
4.	CLO 4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp	H/PLO7 H/PLO8
5.	CLO 5: Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	H/PLO4 H/PLO5 H/PLO9 S/PLO13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Đại cương về truyền thông giáo dục sức khỏe 1. Một số khái niệm 2. Mục đích cơ bản của TT – GDSK	4	MT 1	CLO 1

	3. Các mô hình TT – GDSK 4. Vị trí, vai trò của TT – GDSK trong CSSKBĐ 5. Trách nhiệm thực hiện TT – GDSK 6. Hệ thống tổ chức TT – GDSK 7. Mười điều cần ghi nhớ khi làm TT – GDSK 8. Các nguyên tắc TT – GDSK			
2	Bài 2: Sức khỏe, Hành vi sức khỏe, Quá trình thay đổi hành vi sức khỏe 1. Sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng 2. Hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	4	MT 2	CLO 1
3	Bài 3: Phương pháp, phương tiện, nội dung truyền thông giáo dục sức khỏe 1. Sáu nguyên tắc lựa chọn phương pháp, phương tiện TT – GDSK 2. Các phương pháp TT – GDSK 3. Các phương tiện TT – GDSK 4. Nội dung TT – GDSK	2	MT 3	CLO 2,3
4	Bài 4: Kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe 1. Giới thiệu về kỹ năng TT – GDSK 2. Các kỹ năng TT – GDSK cơ bản	2	MT 3	CLO 2,3
5	Bài 5: Quản lý truyền thông giáo dục sức khỏe 1. Chu trình quản lý 2. Lập kế hoạch TT – GDSK 3. Thực hiện kế hoạch TT – GDSK 4. Đánh giá kết quả TT - GDSK	4	MT 3	CLO 4,5

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục	CDR HP
-----	---------	---------	-----	--------

			tiêu học tập	
1	Bài 1. Hành vi sức khỏe quá trình thay đổi hành vi sức khỏe	4	MT2	CLO 2,3
2	Bài 2. Phương pháp TT-GDSK	4	MT2	CLO 2,3
3	Bài 3. Kỹ năng tư vấn TT-GDSK	4	MT2	CLO 2,3
4	Bài 4. Lập kế hoạch TT-GDSK	4	MT3	CLO 4,5

III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector
- Bảng, phấn
- Câu hỏi phát vấn

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa

Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1	Theo quy chế của Nhà trường	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của SV	CLO 4	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CLO 1,2,3	10
Điểm thực hành (ĐTH)	40%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CLO 2,3,4,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	40%	1	Bài kiểm tra test	≥ 4 : Đạt	CLO 1,2,3,4,5	10

Công thức tính điểm:

Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,1 + Điểm TH x 0,4 + Điểm kết thúc HP x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	2
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thi viết (thực hành): 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubric 3: Thi test (lý thuyết): 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo**1. Tài liệu học tập:**

1. Trương Quang Tiên (2012), *Truyền thông sức khỏe*, Nhà xuất bản lao động xã hội, Hà Nội

2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế - Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2019), *Truyền thông – Giáo dục sức khỏe*

2. Tài liệu tham khảo:

1. Klaus Krickeberg, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Bích (2014), *Giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

2. Nguyễn Văn Dịp (2001), *Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội

3. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho giảng viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

4. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho học viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1	Lần 1	05/2019	
2	Lần 2	05/2021	
3	Lần 3	05/2023	
4	Dự kiến	05/2025	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y TẾ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tổ chức và quản lý y tế

Tên tiếng Anh: Organization and Management Health

Mã học phần: 3130HEAMAN1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm thứ 4
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	32
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	68
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	0
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	2
Giữa học phần:	1
Thực hành:	0
Kết thúc học phần:	1

Học phần học trước:	Không có
Học phần tiên quyết:	Không có
Học phần song hành:	Không có
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

2. Mô tả chung về học phần:

Tổ chức & Quản lý Y tế là một khoa học của chuyên ngành Y xã hội học. Kiến thức về Tổ chức & Quản lý Y tế sẽ giúp cho cán bộ y tế sử dụng các nguồn lực của đơn vị, cộng đồng một cách có hiệu quả cao. Nội dung môn học Tổ chức & Quản lý Y tế được biên soạn theo phương châm: Kiến thức cơ bản, hệ thống, nội dung chính xác, khoa học, cập nhập các tiến bộ khoa học, kỹ thuật hiện đại và thực tiễn ở Việt Nam.

Tập tài liệu Tổ chức & Quản lý Y tế gồm 9 bài, đề cập đầy đủ đến các nội dung về tổ chức và quản lý các hoạt động y tế, cụ thể: Hệ thống Y tế và hệ thống tổ chức ngành Y tế Việt Nam; Các chỉ số sức khỏe cộng đồng và quản lý thông tin Y tế; Đại cương về quản lý và quản lý Y tế. Lập kế hoạch Y tế; Tổ chức thực hiện, điều hành, giám sát và đánh giá các hoạt động chăm sóc sức khỏe; Quản lý nguồn lực Y tế; Bảo hiểm Y tế; Đại cương về kinh tế học và kinh tế Y tế; Đánh giá kinh tế Y tế.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Đức Thanh	PGS. TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Phụ trách
2.	Trần Quốc Kham	GS.TS	0913348626	khamtqvn@hotmail.com	Tham gia
3.	Trần Đình Thoan	Thạc sỹ	097 9895118	trandinhthoanb@gmail.com	Tham gia
4.	Phan Thu Nga	Thạc sỹ	0976625250	phanthunga2710@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Ái	Thạc sỹ	0984391406	nguyenai198@gmail.com	Tham gia
6.	Nguyễn Hà My	Thạc sỹ	0976599971	hamy0359@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Văn Tiến	Thạc sỹ	0972213609	tiennv@tbump.edu.vn	Tham gia
8.	Nguyễn Quỳnh Hoa	Thạc sỹ	0987324899	quynhhoanckh@gmail.c	Tham gia

				om	
--	--	--	--	----	--

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được những ưu, nhược điểm của các mô hình hệ thống y tế trên Thế giới và hệ thống tổ chức ngành y tế Việt Nam; các chỉ số đánh giá sức khỏe cộng đồng và các phương pháp nghiên cứu tỷ lệ mắc bệnh; hệ thống y tế	PEO 1 PEO 3
2.	Phân tích được hệ thống tổ chức y tế, nhiệm vụ và hoạt động của các cơ sở y tế	PEO 3
3.	Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động nhân lực, tài chính cho một chương trình y tế tại cộng đồng, nơi làm việc	PEO 4 PEO 5
4.	Thực hiện được các quy định về BHYT	PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần Sau khi học xong học phần này	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1: Vận dụng được kiến thức TCQLYT trong thực hành chuyên môn y học dự phòng và chăm sóc người bệnh	H/PLO2 S/PLO4 S/PLO5
2.	CLO 2: Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương dựa trên các mô hình tổ chức y tế	H/PLO5 H/PLO7
3.	CLO 3: Tham gia đào tạo cán bộ y học dự phòng và nhân viên y tế	H/PLO5 H/PLO7
4.	CLO 4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động	H/PLO5 H/PLO7 S/PLO9

	nghề nghiệp	
5.	CLO 5: Có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ CSSK tại cộng đồng, nơi làm việc	H/PLO5 H/PLO7 H/PLO8
6.	CLO 6: Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, tài chính đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động CSSK	H/PLO8 H/PLO12

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1. Hệ thống tổ chức y tế Việt Nam 1. Hệ thống y tế 2. Nguyên tắc tổ chức mạng lưới y tế việt nam 3. Mô hình chung của mạng lưới y tế việt nam 4. Tổ chức và nhiệm vụ của từng tuyến 5. Y tế tư nhân	4	MT 1	CLO 1
2	Bài 2. Tổ chức bệnh viện và ứng dụng nguyên tắc 5S trong y tế 1. Tổ chức bệnh viện 2. Ứng dụng nguyên tắc 5S trong y tế	4	MT 1, MT 2	CLO 1
3	Bài 3. Các chỉ số sức khỏe cộng đồng và quản lý thông tin y tế 1. Thống kê tình trạng sức khỏe cộng đồng: 2. Quản lý thông tin y tế	4	MT 1	CLO 2,3
4	Bài 4. Đại cương về quản lý và quản lý y tế. Lập kế hoạch y tế 1. Đại cương về quản lý và quản lý 2. Lập kế hoạch y tế	4	MT 4	CLO 3,4,5

5	Bài 5. Tổ chức thực hiện, điều hành, giám sát và đánh giá các hoạt động chăm sóc sức khỏe 1. Một số khái niệm 2. Giám sát các hoạt động CSSK 3. Đánh giá các hoạt động y tế	4	MT 4	CLO 4,5
6	Bài 6. Bảo hiểm y tế 1- Một số khái niệm liên quan đến BHYT 2- Quá trình hình thành và phát triển 3. Nguyên tắc BHYT 4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về BHYT 5. Đối tượng, mức đóng, trách nhiệm và phương thức đóng BHYT 6. Quản lý và sử dụng thẻ BHYT 7. Phạm vi được hưởng BHYT 8. Tổ chức khám, chữa bệnh cho người tham gia BHYT 9. Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh BHYT 10. Quỹ BHYT 11. Quyền và trách nhiệm các bên liên quan đến BHYT 12. Thanh tra, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm về BHYT	4	MT 5	CLO 4,6

III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector
- Bảng, phấn
- Câu hỏi phát vấn

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1	Theo quy chế của Nhà trường	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của SV	CLO 4	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	20%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CLO 1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	70%	1	Bài kiểm tra test	≥ 4 : Đạt	CLO 1,2,3,4,5,6	10

Công thức tính điểm:

Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,2 + Điểm kết thúc HP x 0,7

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	2
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thi viết (GHP): 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm

đánh giá	(0-3.9)	(4.0-5.4)	(5.4-6.9)	(7.0-8.4)	(8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubric 3: Thi test (kết thúc HP): 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

1. Phạm Trí Dũng (2014), *Nguyên lý và các kỹ năng quản lý*, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2006), *Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế*, Nhà xuất bản Y học.
3. Vũ Xuân Phú (2012), *Khái niệm cơ bản về Kinh tế y tế và tài chính y tế*, Nhà xuất bản lao động.
4. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế (2018), *Giáo trình Tổ chức và Quản lý y tế*, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (*lưu hành nội bộ*)

2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Văn Hiến (2013), *Quản lý và lãnh đạo*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trương Việt Dũng (2015), *Quản trị bệnh viện* (Giáo trình dùng cho đào tạo sau đại học), Nhà xuất bản Y học.
3. Trần Quốc Kham, Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã* (sách dùng cho giảng viên), Nhà xuất bản y học.

4. Trần Quốc Kham, Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã* (sách dùng cho học viên), Nhà xuất bản y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 4 trở lên mới được thi hết học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Dự kiến	05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ Y**TẾ****ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Kinh tế y tế

Tên tiếng Anh: Medical Economics

Mã học phần: 3130MEDECO0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính.**1.Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm thứ 4
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2 (1/1)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	0
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	3
Giữa học phần:	1
Thực hành:	1
Kết thúc học phần:	1

Học phần học trước:	Tổ chức và quản lý y tế
Học phần tiên quyết:	Không có
Học phần song hành:	Không có
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

2. Mô tả chung về học phần:

Môn học Kinh tế Y tế là ngành khoa học vận dụng các quy luật của kinh tế học vào việc quản lý ngành y tế, giúp các nhà hoạch định các chính sách y tế nâng cao chất lượng hoạch định các chính sách, lập kế hoạch các hoạt động chăm sóc sức khỏe và ra các quyết định quản lý trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Nguyên lý cơ bản của kinh tế y tế là sử dụng một cách tối ưu các nguồn lực của ngành y tế để cải thiện sức khỏe cộng đồng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

S T T	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Nguyễn Đức Thanh	PGS. TS	091235 7575	bsthanh@hotmail.com	Phụ trách
2.	Trần Đình Thoan	Tiến sỹ	097989 5118	trandinhthoantb@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Văn Nghiễm	Tiến sỹ	090426 9378	nghiemdv1961@gmail.com	Tham gia
4.	Phan Thu Nga	Thạc sỹ	097662 5250	phanthunga2710@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Thị Ái	Thạc sỹ	098439 1406	nguyenai198@gmail.com	Tham gia
6.	Nguyễn Hà My	Thạc sỹ	097659 9971	hamy0359@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Văn	Thạc	097221	tiennv@tbump.edu.vn	Tham

	Tiến	sỹ	3609		gia
8.	Nguyễn Quỳnh Hoa	Thạc sỹ	098732 4899	quynhhoanckh@gmail.c om	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được cơ sở của kinh tế học và định nghĩa kinh tế y tế	PEO 1
2.	Phân tích được các đặc điểm cơ bản của thị trường CSSK và chi phí y tế	PEO 2 PEO 4
3.	Đánh giá được chi phí y tế cho 1 chương trình can thiệp	PEO5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần Sau khi học xong học phần này	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1: Vận dụng được kiến thức KTYT trong thực hành chuyên môn YHDP	S/PLO1 H/PLO3 H/PLO5
2.	CLO 2: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến kinh tế y tế	H/PLO3 H/PLO5 H/PLO7 H/PLO8
3.	CLO 3: Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động về tài chính y tế	H/PLO4 H/PLO5 H/PLO9 S/PLO13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1. Những khái niệm cơ bản của kinh tế học 1. Cơ sở của kinh tế học 2. Một số khái niệm của kinh tế học	2	MT 1	CLO 1
2	Bài 2. Kinh tế y tế 1. Khái niệm 2. Chức năng, nhiệm vụ của kinh tế y tế 3. Trọng tâm nghiên cứu và ứng dụng các kết quả nghiên cứu về kinh tế y tế vào thực tiễn hoạt động của ngành y tế 4. Các phương pháp nghiên cứu kinh tế 5. Các câu hỏi cơ bản của kinh tế y tế 6. Đặc điểm cơ bản của thị trường CSSK	2	MT 1	CLO 1
3	Bài 3. Phân tích chi phí 1. Mở đầu 2. Các khái niệm về chi phí 3. Phân loại chi phí 4. Tiến trình phân tích chi phí 5. Tính toán chi phí 6. Lợi nhuận 7. Lợi ích (U- Utility)	4	MT 3	CLO 2,3
4	Bài 4. Đo lường kết quả can thiệp 1. Đo lường kết quả	2	MT 3	CLO 2,3

	2. Đánh giá gánh nặng bệnh tật trong cộng đồng			
5	Bài 5. Đánh giá kinh tế y tế 1. Đánh giá kinh tế là gì? 2. Các phương pháp đánh giá kinh tế y tế	4	MT 3	CLO 2,3
	Bài 6. Lập kế hoạch ngân sách và tài chính y tế 1. Ngân sách là gì ? 2. Các dạng ngân sách 3. Lập ngân sách 4. Mẫu ngân sách 5. Tính toán và theo dõi ngân sách	2	MT 3	CLO 2,3

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1. Phân tích chi phí	4	MT2	CLO 2,3
2	Bài 2. Đo lường kết quả can thiệp	4	MT2	CLO 2,3
3	Bài 3. Đánh giá kinh tế y tế	4	MT2	CLO 2,3
4	Bài 4. Lập kế hoạch ngân sách và tài chính y tế	4	MT3	CLO 2,3

III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
 - Hỏi - đáp trực tiếp;
 - Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector
- Bảng, phấn
- Câu hỏi phát vấn

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1	Theo quy chế của Nhà trường	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của SV	CLO 2	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CLO 1,2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	40%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CLO 2,3	10
Điểm kết thúc học	40%	1	Bài kiểm tra	≥ 4 : Đạt	CLO 1,2,3	10

phần (ĐKTHP)			tra test			
---------------------	--	--	-------------	--	--	--

Công thức tính điểm:

Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,1 + Điểm TH x 0,4 + Điểm kết thúc HP x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	2
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thi viết: 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo**1. Tài liệu học tập**

Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế (2018), Giáo trình *Kinh tế y tế*, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (*lưu hành nội bộ*)

2. Tài liệu tham khảo:

1. Nguyễn Đức Thanh (2015). Giáo trình Kinh tế Y tế (Sách đào tạo Sau đại học), Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, (Lưu hành nội bộ)
2. Trường Đại học Y tế công cộng (2012). Khái niệm cơ bản về Kinh tế y tế & Tài chính y tế, Nhà xuất bản lao động xã hội.
3. Nguyễn Thị Kim Chúc (2007), Kinh tế y tế và Bảo hiểm y tế (Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, Trường Đại học Y Hà Nội). Nhà xuất bản Y học.
4. Vũ Xuân Phú (2008), Kinh tế y tế, Nxb Y học
5. Đào Văn Dũng (2003), Kinh tế y tế (Giáo trình giảng Sau đại học), Nxb Quân đội nhân dân
6. Trường Đại học Y tế Công cộng (2002), Những vấn đề cơ bản của Kinh tế y tế, Nxb Y học
7. Ceri J. Phillips (2005). Health economics: An introduction for health professionals, BMJ Books.
8. Michael F.Drummond, Mark J.Sculpher, et al. (2005), “Methods for the Economic Evaluation of Health care Programmes”. Oxford University Press.
9. Sophie Witter, Tim Ensor, Matthew Jowett, Robin Thompson (2000), Health Economics for developing countries: A practical guide. Royal Tropical Insitute, Amsterdam
10. Nguyễn Hoàng Lan, Nguyễn Thị Bạch Yến (2013), Ứng dụng một số mô hình trong đánh giá kinh tế y tế. Nhà xuất bản Y học

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Lần 3	Dự kiến 5/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Sức khoẻ lứa tuổi

Tên tiếng anh: Age-specific Health

Mã số học phần: 3130AGEHLT0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	34
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1

Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sức khỏe môi trường, dịch tễ học đại cương, SKNN 1
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Dịch tễ học cộng đồng,
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Học phần Sức khỏe lứa tuổi nghiên cứu về thời kỳ phát triển tâm sinh lý và thể chất giúp cho sinh viên hiểu được mỗi giai đoạn lứa tuổi tìm hiểu đặc trưng của từng độ tuổi khác nhau. Từ đó xây dựng được các phương pháp tối ưu nhất để chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho từng độ tuổi.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
7.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
8.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
9.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
10.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia
11.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia
12.	Đặng Thị Thu Nga	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia
13.	Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham gia
14.	Nguyễn Thị	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongytb	Tham

	Thanh Phương			@gmail.com	gia
15.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongytb@gmail.co m	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được đặc điểm sức khỏe của từng lứa tuổi và mối quan hệ với môi trường	PEO: 1,2
2	Xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe con người	PEO: 2,3
3	Tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho từng lứa tuổi	PEO: 2,3,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm sức khỏe của từng lứa tuổi	S/PLO: 2 H/PLO: 1,4,5,6,7,8,
2	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe từng lứa tuổi	S: H/PLO: 4,5,6,8,13,14
3	CLO 3. Tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe theo từng lứa tuổi	S/PLO: 10 H/PLO: 3,4,5,7,8,13,14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Đại cương sức khỏe người cao tuổi	4	1. Trình bày được đặc	CLO:

	4. Những khái niệm về người cao tuổi 5. Tình hình người cao tuổi trên thế giới và Việt Nam 6. Đặc điểm sức khỏe người cao tuổi 7. Thực trạng cung ứng dịch vụ y tế cho người cao tuổi trên thế giới và Việt Nam		- điểm sức khỏe của người cao tuổi 2. Trình bày được mô hình bệnh tật của người cao tuổi và thực trạng cung ứng dịch vụ y tế cho người cao tuổi	1,2
2	Bài 2: Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 3. Mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 4. Các chế độ chính sách dành cho người cao tuổi 5. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo vấn đề sức khỏe cụ thể 6. Xây dựng kế hoạch giám sát và đánh giá	4	1. Trình bày được các mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi 2. Lập kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo vấn đề sức khỏe cụ thể	CLO: 2,3
3	Bài 3 : Vệ sinh trường học 1. Đại cương về sức khỏe trường học 2. Tiêu chí xây dựng trường học 3. Các yêu cầu chung của vệ sinh trường học 4. Yêu cầu về xây dựng trường học 5. Các công trình vệ sinh trong trường học 6. Trang thiết bị trong trường học 7. Sức khỏe của học sinh và các yếu tố liên quan 8. Các yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh trường học	2	1. Trình bày được các cầu chung của vệ sinh trường học 2. Trình bày được các yêu cầu trang thiết bị trong trường học 3. Xác định được các yếu tố nguy cơ trong trường học và đưa ra các biện pháp dự phòng	CLO: 1,2
	Bài 4. Mô hình bệnh tật trong trường học một số giải pháp dự phòng 1. Một số bệnh phổ biến của học sinh	2	1. Trình bày được các bệnh phổ biến và yếu tố nguy cơ	CLO: 2,3

	2. Các yếu tố nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe trường học 3. Các giải pháp dự phòng và nâng cao sức khỏe trường học		2. Xây dựng được các biện pháp dự phòng nâng cao sức khỏe trong trường học	
	Bài 5: Các chương trình y tế trường học 1. Tầm quan trọng của việc thực hiện các chương trình y tế trường học 2. Nhiệm vụ của y tế trường học 3. Các chương trình y tế trường học	2	1. trình bày được tầm quan trọng và nhiệm vụ của y tế trường học 2. Lập được kế hoạch xây dựng các chương trình y tế trường học	CLO: 2,3
4	Bài 6: Vệ sinh lao động nữ 1. Đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ 2. Các yếu tố tác hại nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe phụ nữ 3. Các biện pháp chăm sóc sức khỏe phụ nữ	2	1. Trình bày được các tác hại nghề nghiệp ảnh hưởng đến sức khỏe phụ nữ 2. Trình bày được các biện pháp chăm sóc sức khỏe phụ nữ	CLO: 1,2,3

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1: Các kỹ thuật điều tra các điều kiện vệ sinh trường học - Kỹ thuật đo diện tích trường học - Kỹ thuật đo diện tích trường học - Kỹ thuật đo ánh sáng trong lớp học - Kỹ thuật đo tốc độ gió trong lớp học - Kỹ thuật đo kích thước bàn ghế	4	1. Thực hành đo được các chỉ số vệ sinh trong trường học 2. Đánh giá được vệ sinh trường học 3. Đưa ra được các biện pháp dự phòng	CLO: 1,2,3
2	Bài 2: Đo lường các chỉ số vệ sinh trường học tại cơ sở thực địa - Đo tại trường mầm non - Đo tại trường tiểu học và trung học cơ	4	1. Thực hành đo được các chỉ số vệ sinh trong trường học 2. Đánh giá được vệ	CLO: 1,2,3

	sở		sinh trường học 3. Đưa ra được các biện pháp dự phòng	
3	Bài 3: Thiết kế điều tra vệ sinh trường học, lớp học - Xác định các yếu tố nguy cơ từ trường học, lớp học không đủ tiêu chuẩn - Xây dựng câu hỏi đánh giá vệ sinh trường học và các yếu tố liên quan đến trường học	4	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh	CLO: 1,2,3
4	Bài 4: Thiết kế điều tra mô hình bệnh tật trong trường học - Xác định các yếu tố nguy cơ gây bệnh trường học - Xây dựng câu hỏi đánh giá thực trạng mô hình bệnh tật của học sinh trong trường học		1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh	CLO: 1,2,3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác	CLO: 1,2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,4	1	Bộ câu hỏi	Đánh giá được vệ sinh trường học và xây dựng được thiết kế điều tra	CLO: 1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả lời câu hỏi	CLO: 1,2,3	10

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{\text{Đ.HP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,4 + \text{ĐKTHP} \times 0,4}$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe lứa tuổi*, Nhà xuất bản y học

2. Tài liệu tham khảo

- Ngô Thị Nhu, Vũ Phong Túc (2015), *Giáo trình sức khỏe lứa tuổi*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam.
- Đào Ngọc Phong, Lê Quang Hoàn (1998), *Sức khỏe lứa tuổi*, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

3. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
-----------	-----------------------------------	-----------------------	-----------------------

1.	Lần 1	Năm 2021	
2.	Dự kiến lần 2	Năm 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN:SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Sức khỏe môi trường 2

Tên tiếng anh: Environmental Health 2

Mã số học phần: 3130ENVHLT2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	4
Số tiết Lý thuyết:	44
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	106
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	34
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1
Giữa học phần:	1

Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sinh lý bệnh, miễn dịch; Sinh hóa; Vi sinh; Ký sinh trùng, sức khỏe môi trường 1
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Dịch tễ
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Học phần Khoa học môi trường và Sức khỏe môi trường là môn học gồm học phần SKMT1 và SKMT2. Học phần SKMT 2 nghiên cứu về môi trường, sự tác động qua lại giữa môi trường và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên phân tích, đánh giá được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Học phần SKMT 2 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tác động qua lại giữa môi trường với sức khỏe con người, sinh vật và các biện pháp dự phòng, khắc phục

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
16.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
17.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
18.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
19.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia
20.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia
21.	Đặng Thị Thu Nga	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmai.com	Tham gia

22.	Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham gia
23.	Nguyễn Thị Thanh Phương	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongytb@gmail.com	Tham gia
24.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được ảnh hưởng của môi trường quy hoạch đến sức khỏe con người	PEO: 1,2
2.	Có khả năng làm việc nhóm phân tích các yếu tố nguy cơ môi trường tác động đến sức khỏe con người	PEO: 4,5
3.	Xây dựng được các biện pháp dự phòng giảm thiểu ô nhiễm môi trường và chăm sóc sức khỏe con người	PEO:2,3,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của môi trường quy hoạch đến sức khỏe con người và tham gia phát hiện và tổ chức giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên	S: H/PLO: 1,4,5
2.	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích được các yếu tố nguy cơ và đề xuất được các biện pháp can thiệp cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý được các nguy cơ	S: H/PLO: 2,4,5,7,8

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Vệ sinh khu dân cư đô thị, 1. Các yếu tố thiên nhiên với ý nghĩa vệ sinh trong việc thiết kế và xây dựng khu dân cư 2. Chọn địa điểm của vùng dân cư và phân vùng ở thành phố 3. Vệ sinh nhà ở 4. Những biện pháp thực hiện yêu vệ sinh nhà ở	4	1. Trình bày được các yếu tố thiên nhiên ảnh hưởng đến vệ sinh nhà ở 2. Trình bày được những biện pháp dự phòng giảm thiểu yếu tố nguy cơ nhà ở không hợp vệ sinh đến sức khỏe	CLO:1
2	Bài 2 : Vệ sinh nhà ở 1. Tổng quan và xu hướng phát triển nhà ở 2. Các yếu tố thiên nhiên ảnh hưởng đến vệ sinh nhà ở 3. Các yếu tố nguy cơ và mức độ nguy hại của nhà ở không hợp vệ sinh đến sức khỏe 4. Các biện pháp dự phòng giảm thiểu yếu tố nguy cơ trong nhà ở	4	1. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến vệ sinh nhà ở 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ và mức độ nguy hại của nhà ở không hợp vệ sinh 3. Xây dựng được các biện pháp dự phòng nguy cơ trong nhà ở	CLO: 1
3	Bài 3. Vệ sinh cơ sở điều trị - Rác thải y tế 1. Phân loại, ý nghĩa và vai trò của vệ sinh các cơ sở điều trị 2. Yêu cầu vệ sinh bệnh viện 3. Yêu cầu vệ sinh khoa lâm 4. Phân loại, thu gom, vận chuyển và lưu giữ rác thải y tế	4	1. Trình bày được tầm quan trọng của bệnh viện 2. Xác định được vệ sinh các cơ sở điều trị ảnh hưởng đến kết quả điều trị 3. Trình bày các biện	CLO: 1

	5. Một số biện pháp xử lý rác thải y tế		pháp phòng chống nhiễm trùng và phòng chống lây chéo 4. Một số biện pháp xử lý rác thải y tế	
4	Bài 4: Xử lý chất thải 1. Tầm quan trọng của xử lý chất thải 2. Phân loại các chất thải bỏ 3. Kỹ thuật xử lý chất thải 3.1. Xử lý phân 3.2. Xử lý rác 3.3. Xử lý chất thải lỏng	4	1. Trình bày được tầm quan trọng của xử lý các chất thải 2. Trình bày được các phương pháp xử lý chất thải góp phần phòng bệnh cho con người	CLO: 2
5	Bài 5: Biến đổi khí hậu và chương trình mục tiêu Quốc gia biến đổi khí hậu 1. Tác động của BĐKH đến toàn cầu 2. Tác động của BĐKH đến Việt Nam 3. Ứng phó với BĐKH 4. Chương trình mục tiêu Quốc gia BĐKH	4	1. Trình bày được tác động củ biến đổi klhis hậu đến toàn cầu và Việt Nam 2. Trình bày được các bước ứng phó với biến đổi khí hậu 4. Hiểu và tư vấn được chương trình mục tiêu quốc gia về biến đổi khí hậu	CLO: 2
6	Bài 6: Đại cương thảm họa và thiên tai 1. Định nghĩa và phân loại 2. Tác hại của thảm họa và thiên tai 2.1. Trên thế giới 2.2. Tại Việt Nam	4	1. Trình bày được các loại thảm họa thiên tai 2. Trình bày được ảnh hưởng của thảm họa thiên tai	CLO: 2
7	Bài 7: Chuẩn bị đối phó trước thảm họa	4	1. Trình bày được các nguyên tắc xây dựng	CLO: 2

	1. Hiệp định về quản lý thảm họa và ứng phó khẩn cấp 2. Các nguyên tắc xây dựng chiến lược 3. Xây dựng hệ thống quản lý thảm họa tại địa phương 4. Công tác cứu trợ và khắc phục hậu quả		chiến lược ứng phó và xây dựng được hệ thống quản lý thiên tai thảm họa 2. Lập được kế hoạch cứu trợ và khắc phục hậu quả củ thảm họa thiên tai	
8	Bài 8: Quản lý nguy cơ sức khỏe môi trường trong thảm họa 1. Các biện pháp quản lý nước ăn uống, vệ sinh môi trường trong thảm họa 2. Các nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong thảm họa	4	1. Trình bày được các biện pháp quản lý nước ăn uống, vệ sinh môi trường trong thảm họa 2. Trình bày được nguyên tắc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong thảm họa	CLO: 2
9	Bài 9: Các biện pháp xử lý vấn đề sức khỏe sau thảm họa 1. Xử lý nước sau thảm họa 2. Đảm bảo vệ sinh môi trường sau thảm họa 3. Các nguyên tắc và biện pháp kiểm soát các vecto truyền bệnh sau thảm họa	5	1. Trình bày các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường và nước sạch sau thảm họa 2. Trình bày được nguyên tắc và biện pháp kiểm soát các vecto truyền bệnh sau thảm họa	CLO: 2
10	Bài 10. Đại cương về tai nạn thương tích 1. Khái niệm và phân loại tai nạn thương tích 2. Tình hình tai nạn thương tích trên	4	1. Trình bày được khái niệm và phân loại tai nạn thương tích 2. Trình bày được các biện pháp dự phòng tai	CLO: 2

	thế giới và Việt Nam 3. Chiến lược phòng chống tai nạn thương tích		nạn thương tích	
11	Bài 11. Tai nạn thương tích trong cộng đồng 1. Khái niệm và phân loại 2. Xu hướng tai nạn thương tích trong cộng đồng 3. Một số tai nạn thương tích trong cộng đồng 4. Biện pháp phòng chống tai nạn thương tích trong cộng đồng 5. Mô hình an toàn phòng chống tai nạn thương tích ở trẻ em	4	1. Mô tả được các yếu tố nguy cơ gây tai nạn thương tích trong cộng đồng 2. Lựa chọn một số biện pháp phòng chống tai nạn thương tích trong cộng đồng phù hợp	CLO: 2

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Thiết kế điều tra vệ sinh nhà ở - Xác định các yếu tố nguy cơ từ môi trường nhà ở - Xây dựng câu hỏi đánh giá vệ sinh nhà ở và các yếu tố liên quan đến nhà ở	4	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh	CLO: 1,2
2	Bài 2: Thiết kế điều tra vệ sinh nguồn nước tại hộ gia đình - Xác định được yếu tố nguy cơ từ nguồn nước - Xây dựng câu hỏi đánh giá vệ sinh nguồn nước hộ gia đình và các yếu tố liên quan đến nguồn nước	4	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh	CLO: 1,2

3	Bài 3: Thiết kế điều tra vệ sinh nhà tiêu tại hộ gia đình - Xác định được yếu tố nguy cơ từ nhà tiêu - Xây dựng câu hỏi đánh giá vệ sinh nhà tiêu hộ gia đình và các yếu tố liên quan đến nhà tiêu	4	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh	CLO: 1,2
4	Bài 4: Thiết kế điều tra phân loại và xử lý rác thải hộ gia đình - Xác định được yếu tố nguy cơ từ rác thải - Xây dựng câu hỏi đánh giá phân loại và xử lý rác thải hộ gia đình và các yếu tố liên quan đến nhà tiêu	4	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Xây dựng được câu hỏi hoàn chỉnh	CLO: 1,2

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
-----------------	--------------------	--------------	--------------------	-------------------	-------------------	-------------

Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác	CLO: 1	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	1	Bộ câu hỏi	Xây dựng được thiết kế điều tra	CLO: 1,2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả lời câu hỏi	CLO: 1,2	10

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{Đ.HP=ĐCC \times 0,1 + ĐGHP \times 0,1 + ĐTH \times 0,2 + ĐKTHP \times 0,6}$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu	Không giải được hoặc	Giải chưa hết các câu	Giải đầy đủ các câu hỏi	Giải đầy đủ và đúng tất cả các	Giải đầy đủ và đúng tất cả

hỏi	giải một số câu hỏi còn sai sót	hỏi	nhưng còn một số sai sót	câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	các câu hỏi và trình bày rõ ràng
-----	---------------------------------	-----	--------------------------	--------------------------------------	----------------------------------

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản giáo dục
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.
4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

4. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	Năm 2019	
2.	Lần 2	Năm 2021	
3.	Dự kiến cập nhật lần 3	Năm 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN:SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Sức khoẻ nghề nghiệp 2

Tên tiếng anh: Occupational health 2

Mã số học phần: 3130OCCHLT2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	60 tiết
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	40 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1
Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1

Học phần học trước:	Dịch tễ học đại cương, Sức khỏe môi trường 1, Sức khỏe nghề nghiệp 1
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Dịch tễ học cộng đồng, sức khỏe môi trường 2
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Sức khỏe nghề nghiệp 2 là một trong nhiều môn học nghiên cứu về môi trường lao động, sự tác động qua lại giữa môi trường lao động và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường lao động đến sức khỏe con người. Đồng thời qua học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Quốc Tiến	PGS. TS	0913564374		Tham gia
4.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
5.	Trương Công Đạt	BSCKII. Ths	0989650075		Tham gia
6.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia
7.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia

8.	Đặng Thị Thu Ngà	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia
9.	Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham gia
10.	Nguyễn Thị Thanh Phương	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongytb@gmail.com	Tham gia
11.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe	PEO: 1,3,
2.	Xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người	PEO: 1,2
3	Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp. Lập được kế hoạch quản lý sức khỏe	PEO:2,3,4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe người lao động	S: H/PLO: 1,2,3
2	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người, lập được kế hoạch quản lý sức khỏe	S/PLO: 10, H/PLO: 1,4,5,7,8,13,
3	CLO 3. Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự	S: H/PLO: 4,7,8,11,13

	phòng tác hại nghề nghiệp.	
--	----------------------------	--

Chủ thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Đại cương về bụi và các bệnh bụi phổi 1. Đại cương 2. Đặc tính của bụi 3. Ảnh hưởng của bụi với cơ thể 4. Biện pháp phòng chống bụi 5. Các bệnh bụi phổi 6. Bệnh bụi phổi Silic 7. Bệnh bụi phổi bông 8. Bệnh bụi phổi Amiang	4	1. Nêu định nghĩa và phân loại bụi trong môi trường sản xuất 2. Trình bày được những tác hại của bụi trên cơ thể người lao động. 3. Phân tích được các biện pháp phòng chống ô nhiễm bụi	CLO: 1,2,3
2	Bài 3. Hoá chất bảo vệ thực vật 1. Đại cương 2. Bệnh sinh nhiễm độc hoá chất bảo vệ thực vật 3. Biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc HCBVTV 4. Ảnh hưởng của hoá chất trừ sâu lân hữu cơ với cơ thể 5. Dự phòng nhiễm độc hoá chất bảo vệ thực vật	2	1. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc HCBVTV 2. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dự phòng nhiễm độc HCBVTV 3. Đề xuất và tư vấn được các biện pháp dự phòng nhiễm độc HCBVTV	CLO: 1,2,3
3	Bài 3 : Tiếng ồn và điếc nghề nghiệp 5. Đại cương 6. Khái niệm về tiếng ồn 7. Ảnh hưởng của tiếng ồn tới cơ thể 8. Bệnh điếc nghề nghiệp 9. Các biện pháp phòng chống	4	3. Trình bày được các tác hại của tiếng ồn trong môi trường lao động. 4. Trình bày được nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh của bệnh điếc nghề nghiệp 5. Trình bày được phương pháp chẩn đoán, lâm sàng và cận	CLO: 1,2,3

			lâm sàng của bệnh điếc nghề nghiệp 4. Đề xuất được các giải pháp phòng chống tiếng ồn trong sản xuất	
4	Bài 4: Nhiễm độc CO trong lao động 1. Đại cương nhiễm độc CO trong lao động 2. Bệnh sinh nhiễm độc CO trong lao động 3. Biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc CO trong lao động 4. Dự phòng nhiễm độc CO trong lao động	4	1. Mô tả được bệnh sinh nhiễm độc carbon monoxide (CO) trong lao động. 2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc CO trong lao động. 3. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dự phòng nhiễm độc CO trong môi trường lao động. 4. Đề xuất và tư vấn được các biện pháp dự phòng nhiễm độc CO trong môi trường lao động	CLO: 1,2,3
5	Bài 5: Nhiễm độc chì trong lao động 4. Nhiễm độc chì vô cơ 4.1. Đại cương nhiễm độc chì vô cơ trong lao động 4.2. Bệnh sinh nhiễm độc chì trong lao động 4.3. Biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc chì trong lao động 4.4. Dự phòng nhiễm độc chì trong lao động 5. Nhiễm độc chì hữu cơ 5.1. Đại cương nhiễm độc chì hữu cơ trong lao động 5.2. Biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc chì trong lao động	2	1. Mô tả được bệnh sinh nhiễm độc Chì trong lao động. 2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí nhiễm độc Chì trong lao động. 3. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dự phòng nhiễm độc Chì trong môi trường lao động. 4. Đề xuất và tư vấn được các biện pháp dự phòng nhiễm độc Chì trong môi trường lao	CLO: 1,2,3

	5.3. Dự phòng nhiễm độc chì hữu cơ		động	
--	------------------------------------	--	------	--

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Lập kế hoạch khảo sát môi trường lao động tại các cơ sở sản xuất	4	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ trong môi cơ sở 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Lập được kế hoạch tiến hành khảo sát	CLO: 1,2,3
2	Bài 2: Lập kế hoạch tổ chức khám sức khỏe cho người lao động 5.	4	3. Trình bày được mục đích của việc khám sức khỏe 4. Lập kế hoạch các bước tổ chức khám sức khỏe cho người lao động	CLO: 1,2,3
3	Bài 3: Nguyên tắc chung quản lý sức khỏe người lao động 5. Thu thập thông tin 6. Xây dựng kế hoạch quản lý sức khỏe người lao động	4	4. Hiểu được vai trò của quản lý sức khỏe người lao động 5. Trình bày được nguyên tắc chung quản lý sức khỏe người lao động	CLO: 1,2,3
4	Bài 4: Thực địa khảo sát môi trường lao động	4	4. Thu thập được các yếu tố nguy cơ trong môi trường lao động 5. Đo được điều kiện vi khí hậu tại môi trường lao động 6. Phân tích điều	CLO: 1,2,3

			kiện môi trường lao động và đưa ra một số giải pháp	
--	--	--	---	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác	CLO: 1,2	10
Điểm thực	0,4	1	Tiến	Thực hiện	CLO:	10

hành (ĐTH)			hành các xét nghị	được các xét nghị	1,2,3	
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả lời câu hỏi	CLO: 1,2,3	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Đ.HP} = \text{ĐCC} \times 0,1 + \text{ĐGHP} \times 0,1 + \text{ĐTH} \times 0,4 + \text{ĐKTHP} \times 0,4$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Thực tập sức khỏe môi trường*, Tài liệu phát tay

2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.

2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.

3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.

4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
4.	Lần 1	Năm 2019	
5.	Lần 2	Năm 2021	

6.	Dự kiến lần 3	Năm 2023	
7.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Sức khỏe nghề nghiệp 3

Tên tiếng anh: Occupational health 3

Mã số học phần: 3130OCCHLT3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành:

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	60 tiết
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	40 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1
Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1

Học phần học trước:	Sức khỏe môi trường 1, dịch tễ học đại cương, Sức khỏe nghề nghiệp 1,
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Dịch tễ học cộng đồng,
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Sức khỏe nghề nghiệp 3 là một trong nhiều môn học nghiên cứu về môi trường lao động, sự tác động qua lại giữa môi trường lao động và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường lao động đến sức khỏe con người. Đồng thời qua học phần này sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
25.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
26.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
27.	Nguyễn Quốc Tiến	PGS. TS	0913564374		Tham gia
28.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
29.	Trương công Đạt	BSCKII. Ths	0989650075		Tham gia
30.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia
31.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia
32.	Đặng Thị Thu	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmai.co	Tham

	Ngà			m	gia
33.	Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham gia
34.	Nguyễn Thị Thanh Phương	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongytb@gmail.com	Tham gia
35.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe	PEO: 1,
2.	Xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người	PEO: 2,3
3.	Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp. Lập được kế hoạch quản lý sức khỏe	PEO: 2,3

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe người lao động	S: H/PLO: 1,2
2	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người, lập được kế hoạch quản lý sức khỏe	S: H/PLO: 7,8,13
3	CLO 3. Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp.	S: H/PLO: 4,9,13

Chủ thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1: Một số độc chất trong môi trường lao động 1. Đại cương y học lao động 2. Các yếu tố nguy cơ nghề nghiệp 3. Bệnh nghề nghiệp	4	1. Trình bày được nguồn gốc, nguyên nhân gây nhiễm độc trong sản xuất và những yếu tố có tính chất quyết định tác hại của độc chất 2. Trình bày đường xâm nhập và biểu hiện nhiễm độc mỗi chất 3. Trình bày được các cách phòng chống nhiễm độc trong lao động	CLO 1
2	Bài 2: Bức xạ điện từ, bức xạ ion hoá 1. Tính chất của bức xạ điện từ, bức xạ ion hoá 2. Tiếp xúc nghề nghiệp với bức xạ điện từ và bức xạ ion hoá 3. Tác hại của bức xạ điện từ và bức xạ ion hoá 4. Các biện pháp phòng chống phóng xạ	4	1. Trình bày được tính chất và những tác hại của bức xạ điện từ và bức xạ ion hoá 2. Trình bày được tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh và đưa ra được các biện pháp phòng chống phóng xạ trong sản xuất	CLO: 1,3
3	Bài 3 : Áp lực cao và các bệnh giảm áp 1. Đại cương 2. Một số tai biến cơ học 3. Bệnh giảm áp	4	1. Trình bày được các biểu hiện tai biến cấp tính trong điều kiện làm việc áp lực cao. 2. Trình bày được cơ chế bệnh sinh, tiêu chuẩn chẩn đoán và điều trị bệnh giảm áp. 3. Đề xuất được các biện pháp phòng chống	CLO: 1,2,3

			bệnh do áp lực cao	
4	Bài 4: Stress nghề nghiệp và Ergonomics trong lao động 1. Khả năng hoạt động thần kinh tâm lý 2. Gánh nặng tâm thần trong lao động 3. Các phương pháp ước lượng và chẩn đoán mệt mỏi tâm thần trong lao động 4. Các biện pháp chính để giảm stress quá mức nơi làm việc 5. Đại cương Ergonomics 6. Ecgonomics thiết kế vị trí lao động	4	1. Trình bày được các khái niệm về stress nghề nghiệp, Ergonomics 2. Phân tích được nguyên nhân, điều kiện và tác hại do stress nghề nghiệp 3. Trình bày được các giải pháp dự phòng stress nghề nghiệp 4. Xác định được Ergonomics tại nơi làm việc 5. Trình bày được các kỹ thuật đánh giá tư thế lao động và thiết kế vị trí lao động phù hợp với nhân trắc	CLO: 1,2,3

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Phân tích các điều kiện vệ sinh tại các cơ sở sản xuất qua các bài báo 1. Thu thập thông tin 2. Chia nhóm thảo luận, phân tích các yếu tố nguy cơ	8	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Đề xuất các biện pháp cải thiện môi trường lao động	CLO: 1,2,3
2	Bài 1: Phân tích sức khỏe người lao động qua các bài báo 1. Thu thập thông tin 2. Chia nhóm thảo luận, phân tích các yếu tố nguy cơ	8	1. Xác định được các yếu tố nguy cơ 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ 3. Đề xuất các biện pháp nâng cao sức	CLO: 1,2,3

			khỏe người lao động	
--	--	--	---------------------	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác	CLO: 1,2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,4	1	Tiến hành các xét nghiệm	Thực hiện được các xét nghiệm	CLO: 1,2,3	10

Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả lời câu hỏi	CLO: 1,2,3	10
--------------------------------	-----	---	-------------------	--	---------------	----

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{Đ.HP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4}$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Thực tập sức khỏe môi trường*, Tài liệu phát tay

2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.

2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.

3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.

4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

6. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
8.	Lần 1	Năm 2019	
9.	Lần 2	Năm 2021	
10.	Dự kiến cập nhật lần 3	Năm 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

THÁI BÌNH

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**BỘ MÔN: Dịch tễ học****ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Dịch tễ học 2

Tên tiếng Anh: Epidemiology 2

Mã học phần: 3130EPIDEM2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành:

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y Tế công cộng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	03 (LT: 02, TH: 01) 32 68 32 18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Thực hành Kết thúc học phần:	 01 01 01

Học phần học trước:	01
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Dịch tễ học

2. Mô tả chung về học phần:

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống các bệnh truyền nhiễm thường gặp đặc biệt là các bệnh mới nổi và tái nổi, các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về điều tra một vụ dịch, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Khuyên	TS	0915539417	khuyendhytb@gmail.com	Phụ trách
2.	Nguyễn Hữu Ngự	ThS	0913260712	huunguytb@gmail.com	GV
3.	Đặng Bích Thủy	TS	0985201899	dangbichthuy71@gmail.com	GV
4.	Vũ T Kim Dung	ThS	0912792567	kimdung.ytb@gmail.com	GV
5.	Lê Đức Cường	TS	0938042668	cuongldvn@gmail.com	GV
6.	Trần Thị Phương	PGS.TS	0969816605	phuong170978@gmail.com	GV
7.	Lê Trần Hoàng	CN	0765891557	Hoangmata3697@gmail.com	Trợ giảng
8.	Vũ Việt Trung	BS	0966635218	Viettrung17b9@gmail.com	Trợ giảng

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Kiến thức: Vận dụng được các kiến thức về bệnh truyền nhiễm và quá trình dịch, nguyên lý phòng chống dịch, các kiến thức về giám sát dịch và bệnh	PEO 1, PEO 2

	truyền nhiễm mới nổi trong việc, các bệnh truyền từ động vật sang người trong lập kế hoạch điều tra xác định dịch bệnh và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch tại cộng đồng	
2.	• Kỹ năng: - Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch tổ chức đoàn điều tra xác định một vụ dịch cụ thể, lập kế hoạch đoàn chống dịch, kế hoạch vật tư, trang thiết bị và kinh phí cho đoàn chống dịch, - Tổ chức được một đoàn điều tra ca bệnh, điều tra thực địa với các nhiệm vụ được phân công rõ ràng - Lựa chọn được các biện pháp xử lý dịch của một vụ dịch cụ thể.	PEO 1, PEO 2
3.	• Thái độ: - Nhận thức được mức độ nguy hiểm của các bệnh truyền nhiễm mới nổi, tái nổi đối với sức khỏe cộng đồng. Vai trò của vector truyền bệnh và động vật nuôi cũng như động vật hoang dã trong việc lan truyền các bệnh dịch cho con người.	PEO 3, PEO 4

	- Xác định công tác điều tra dịch và đáp ứng phòng chống dịch là nhiệm vụ của cả cộng đồng, đòi hỏi phải có sự phối kết hợp đa ngành, sự vào cuộc của các cấp chính quyền và các ban ngành đoàn thể xã hội	
--	--	--

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1: Vận dụng kiến thức chuyên ngành trong thực hành chuyên môn Y khoa	S: PLO 1, 4 H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14
2.	CLO 2: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động Y khoa	S: PLO 1, 4 H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14
3.	CLO 3: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đầy đủ và thành thạo quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh	S: PLO 1, 4 H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14
4.	CLO 4: Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh tại cộng đồng. Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương. Đề xuất các biện pháp phối hợp để phòng chống dịch	H: PLO 3, 8 H: PLO 1,4,5,7,8,9,10,11,12,13,14
5.	CLO 5: Đề xuất các biện pháp xử lý hợp lý, phối hợp với thầy thuốc để chăm sóc và nâng cao sức khỏe người bệnh	S: PLO 1, 4 H: PLO 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh sốt xuất huyết 1. Giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue 1.1. Mục đích 1.2. Các thành phần giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue 1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh sốt Dengue 2. Muỗi Aedes aegypti 2.1. Phân bố 2.2. Vai trò y học 2.3. Sinh học của muỗi Aedes aegypti 3. Giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue 3.1. Giám sát muỗi 3.2. Giám sát bọ gậy 3.3. Tính các chỉ số 4. Biện pháp phòng chống vector sốt Dengue 4.1. Không chế môi trường sinh sống của muỗi 4.2. Chống vector khi xảy ra dịch sốt Dengue 4.3. Phương pháp sử dụng cá diệt bọ gậy	04	1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh SXH 2. Trình bày đặc điểm sinh học của muỗi Aegypti 3. Trình bày giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue 4. Trình bày các biện pháp phòng chống vector sốt Dengue	CLO 1
2	Bài 2. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh dịch hạch 1. Giám sát bệnh dịch hạch 1.1. Mục đích 1.2. Các thành phần giám sát bệnh dịch hạch	04	1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh	CLO 1

	1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh dịch hạch 2. Vật chủ bệnh dịch hạch 2.1. Vai trò của chuột trong đời sống con người 2.2. Giám sát dịch động vật 2.3. Giám sát chuột 2.4. Các biện pháp diệt chuột 3. Bộ chết truyền bệnh dịch hạch 3.1. Vai trò truyền bệnh của bộ chết 3.2. Đặc điểm sinh học, sinh thái của bộ chết 3.3. Giám sát bộ chết 3.4. Các biện pháp diệt bộ chết		dịch hạch 2. Trình bày vai trò của vật chủ bệnh dịch hạch 3. Trình bày vai trò, đặc điểm sinh học, các biện pháp giám sát bộ chết truyền bệnh dịch hạch	
3	Bài 3. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh Viêm não Nhật Bản 1. Giám sát bệnh viêm não Nhật bản B 1.1. Mục đích 1.2. Các thành phần giám sát bệnh viêm não Nhật bản B 1.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh viêm não Nhật bản B 4. Vector truyền bệnh viêm não Nhật Bản B 4.1. Mở đầu 4.2. Hình thái, sinh học, sinh thái của muỗi truyền bệnh 5. Giám sát muỗi truyền bệnh viêm não Nhật Bản 5.1. Giám sát muỗi 5.2. Giám sát bộ gậy 5.3. Tính các chỉ số	04	1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh Viêm não NB 2. Trình bày đặc điểm sinh học của muỗi truyền bệnh 3. Trình bày giám sát muỗi truyền bệnh Viêm não Nhật Bản	CLO 2
4	Bài 4. Kiểm dịch y tế biên giới 1. Sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch y tế biên	04	1. Nêu sự cần thiết của hoạt	CLO 4

	giới 1.1. Tình hình dịch bệnh trên thế giới 1.2. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam 1.3. Dự báo tình hình dịch 2. Cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 2.1. Các quy định quốc tế 2.2. Các quy định quốc gia 3. Hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam 4. Các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế biên giới 5. Đối tượng, địa điểm kiểm dịch y tế biên giới 6. Nội dung của kiểm dịch y tế biên giới 6.1. Kiểm tra y tế 6.2. Xử lý y tế 6.3. Giám sát và phòng chống một số bệnh phải kiểm dịch		động kiểm dịch y tế biên giới 2. Nêu cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 3. Trình bày về hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam 4. Trình bày về các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế biên giới 5. Nêu các đối tượng, địa điểm kiểm dịch y tế biên giới	
5	Bài 5. Dịch tễ học trong giám sát, đánh giá dự án/ hoạt động y tế 1. Giám sát 1.1. Đặt vấn đề 1.2. Khái niệm về giám sát hỗ trợ 1.3. Vai trò của giám sát trong hoạt động dự án 1.4. Giám sát viên dự án 1.4.1. Ai là giám sát viên 1.4.2. Yêu cầu đối với giám sát viên	02	1. Trình bày các khái niệm trong giám sát 2. Trình bày về xây dựng, thiết kế, quy trình đánh giá	CLO 4

	1.4.3. Nhiệm vụ của giám sát viên 1.5. Phương tiện để giám sát 1.6. Phương pháp giám sát 1.7. Quy trình giám sát 1.8. Kinh phí cho hoạt động giám sát 1.9. Những điều cần chú ý khi thực hiện giám sát 1.10. Xây dựng, chuẩn bị công cụ cho giám sát 2. Đánh giá 2.1. Mở đầu 2.2. Xây dựng khung chính sách để viết đề cương đánh giá 2.3. Thiết kế đề cương đánh giá 2.4. Quy trình đánh giá 2.4.1. Xác định mục tiêu đánh giá 2.4.2. Xác định phạm vi đánh giá 2.4.3. Chọn các chỉ số đánh giá 2.4.4. Phương pháp đánh giá			
6	Bài 6. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm mới nổi, dịch cúm ở gia cầm, đại dịch cúm ở người 1. Định nghĩa 2. Một số bệnh truyền nhiễm mới nổi 2.1. Bệnh chân - tay - miệng 2.2. Bệnh sốt xuất huyết 2.3. Bệnh tả 2.4. Bệnh cúm A (H5N1) 2.5. Cúm A (H1N1) 3. Phòng chống cúm gia cầm 3.1. Khái niệm về bệnh cúm gia cầm 3.2. Đặc điểm của vi rút cúm gia cầm 3.3. Phương thức lây truyền 3.4. Phòng lây cúm từ gia cầm sang gia cầm	02	1. Nêu một số bệnh truyền nhiễm mới nổi 2. Trình bày các biện pháp phòng chống cúm gia cầm	CLO 3

	3.5. Làm gì khi có dịch cúm gia cầm trong vùng 3.6. Phòng lây cúm A (H5N1) từ gia cầm sang người 3.7. Nhiệm vụ của cộng tác viên tham gia phòng chống dịch cúm gia cầm			
7	Bài 7. Phòng chống bệnh dại 1. Định nghĩa 2. Lịch sử nghiên cứu 3. Quá trình dịch 3.1. Mầm bệnh 3.2. Nguồn bệnh 3.3. Đường lây 3.4. Cơ thể cảm thụ 4. Cơ chế bệnh sinh 5. Lâm sàng và chẩn đoán 6. Phòng bệnh 6.1. Phòng bệnh chung 6.2. Phòng bệnh đặc hiệu	02	1. Nêu định nghĩa, lịch sử của bệnh dại 2. Trình bày quá trình dịch của bệnh dại 3. Trình bày các biện pháp phòng chống bệnh dại	CLO 2
8	Bài 8. Phòng chống bệnh Leptospirosis 1. Định nghĩa 2. Lịch sử nghiên cứu 3. Quá trình dịch 3.1. Mầm bệnh 3.2. Nguồn bệnh 3.3. Đường lây 3.4. Cơ thể cảm thụ 4. Cơ chế bệnh sinh 5. Lâm sàng và chẩn đoán 6. Phòng bệnh 6.1. Phòng bệnh chung 6.2. Phòng bệnh đặc hiệu	02	1. Nêu định nghĩa, lịch sử của bệnh Leptospirosis 2. Trình bày quá trình dịch của bệnh Leptospirosis 3. Trình bày các biện pháp phòng chống bệnh Leptospirosis	CLO 2

9	Bài 9. Phòng chống bệnh sốt mò 1. Đặc điểm dịch tễ 2. Quá trình dịch sốt mò 2.1. Mầm bệnh 2.2. Nguồn bệnh 2.3. Đường lây truyền 2.4. Cơ thể cảm thụ 3. Lâm sàng 3.1. Thể điển hình 3.2. Các thể khác 3.3. Chẩn đoán và điều trị 4. Phòng chống bệnh 4.1. Các biện pháp chung 4.2. Biện pháp đặc hiệu	04	1. Nêu đặc điểm dịch tễ của bệnh sốt mò 2. Trình bày đặc điểm dịch tễ về bệnh sốt mò 3. Trình bày các triệu chứng lâm sàng, chẩn đoán và điều trị bệnh sốt mò 4. Trình bày các biện pháp phòng bệnh sốt mò	CLO 2
10	Bài 10. Điều tra dịch và đáp ứng phòng chống dịch 1. Đặt vấn đề 2. Lập kế hoạch điều tra dịch 2.1. Nguồn thông báo dịch 2.2. Nội dung chuyên môn chủ yếu của điều tra dịch 3. Kế hoạch tổ chức đoàn điều tra dịch 4. Kế hoạch kinh phí cho đoàn chống dịch 5. Chuẩn bị cho điều tra thực địa 6. Xác định sự tồn tại của dịch 7. Xác định chẩn đoán 8. Thực hiện nghiên cứu mô tả và hình thành giả thuyết	04	1. Trình bày về lập kế hoạch điều tra dịch 2. Trình bày lập kế hoạch tổ chức đoàn điều tra dịch 3. Trình bày kế hoạch kinh phí cho đoàn chống dịch 4. Trình bày các bước	CLO 4,5

	9. Đánh giá giả thuyết 10. Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch 11. Báo cáo điều tra dịch 12. Đáp ứng phòng chống dịch		chuẩn bị cho điều tra thực địa 5.	
--	---	--	--	--

2. Thực hành : Bao gồm 25 bài tập, 2 ngày đi điều tra thực địa và viết chuyên đề

Stt	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài tập từ bài 1 đến bài 25: 1. Phân tích tình hình dựa vào báo cáo 2. Tham mưu sơ bộ với lãnh đạo 3. Lập kế hoạch điều tra 4. Lập kế hoạch kinh phí 5. Xác định nội dung điều tra 6. Dự thảo báo cáo	08		CLO 4
2	Thực địa điều tra vụ dịch: - Lập kế hoạch thực địa - Chuẩn bị, phân công (Công cụ thu thập sl, phương tiện,...) - Tổ chức đi thực địa - Thu thập thông tin - Tổng hợp, phân công viết báo cáo	16		CLO 4
3	Thực hiện viết chuyên đề (mỗi sinh viên lựa chọn và viết 01 chuyên đề về một bệnh truyền nhiễm) - Hướng dẫn viết chuyên đề - Thảo luận về các mục của chuyên đề - Phân công viết chuyên đề - Báo cáo chuyên đề - Thảo luận, góp ý	08	1. Thực hành thiết kế nghiên cứu 2. Làm được các bài tập	CLO 3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm
2. Thực hành: Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Lý thuyết: Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints

Thực hành: Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1	Theo quy định	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của SV	CĐR 4	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1	Theo quy định	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3,5	10
Điểm Thực hành (ĐTH)	20%	1	Theo quy định	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	60%	1	Theo quy định	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3,5	10

Công thức tính điểm: 1:1:2:6

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	2
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thi viết (GHP): 10 điểm

Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3,9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubric 3: Thi test (kết thúc học phần): 10 điểm

Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3,9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Bộ môn Dịch tễ học, Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2013). Bài giảng dịch tễ học
2. Lã Ngọc Quang và cộng sự (2016). Điều tra một vụ dịch. Giáo trình dành cho cử nhân y tế công cộng. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội .
3. Phạm Ngọc Đính (2013). Dịch tễ học, giáo trình giảng dạy sau đại học Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương. Nhà xuất bản y học (tr 143-165).

4. Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế (2010). Dịch tễ học thực địa. Tài liệu tập huấn
5. Klaus Krickeberg, Phạm Thị Mỹ Hạnh, Phạm Văn Trọng (2014). Dịch tễ học - Chìa khóa của dự phòng. Nhà xuất bản Y học (Tr. 39-73)

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi
2. Quy định điều kiện dự thi: Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1	Lần 1	05/2019	Trần Thị Khuyên
2	Lần 2	05/2021	Trần Thị Khuyên
3	Lần 3 dự kiến	05/2023	Trần Thị Khuyên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

BỘ MÔN/KHOA: DINH DƯỠNG & ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DINH DƯỠNG VÀ VỆ SINH AN TOÀN****THỰC PHẨM 2 (AN TOÀN THỰC PHẨM)****Năm 2021**

Tên học phần: Dinh dưỡng & VSATTP 2 (An toàn thực phẩm)

Tên tiếng Việt: Dinh dưỡng và VSATTP2

Tên tiếng Anh: Nutrition and Food Safety 2

Mã học phần: 3130NUTSFE2T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 5
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	03 (2/1)
Số tiết Lý thuyết:	32
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	68
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	32
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	03
Giữa học phần:	01

Thực hành	01
Kết thúc học phần:	01
Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm 1
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Dinh dưỡng cơ bản và khoa học thực phẩm sẽ cung cấp cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức cơ bản có cập nhật về lĩnh vực an toàn thực phẩm, biết được giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh một số thực phẩm thường sử dụng, biết được mối quan hệ thiết yếu giữa thức ăn và cơ thể con người, để có thể thực hiện tư vấn lựa chọn, bảo quản, chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh cho đối tượng trong cộng đồng cũng như trong bệnh viện. Đồng thời giúp sinh viên có kiến thức về khái niệm, phân loại, phân tích được một số ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm thường gặp, từ đó biết cách phân tích nguy cơ và xử lý được một số ngộ độc thực phẩm. Học phần này cũng sẽ giúp sinh viên áp dụng kiến thức vào việc điều tra khẩu phần, xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho người bình thường và người bệnh.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Phạm Thị Dung	PGS.TS	0989981359	dungpt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
3.	Phạm Ngọc Khái	PGS.TS	0983090927	phamngoekhaiydtb@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Xuân Ngọc	TS		xuannngoc@gmail.com	Tham gia
5.	Tạ Thúy Loan	BSCCKII	0915585415	loantt@tbmc.edu.vn	Tham gia
6.	Phạm Thị Kiều Chinh	ThS	0389987259	huanchinh225@gmail.com	Tham gia
7.	Đinh Thị Kim Anh	ThS	0985585636	kimanh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được thành phần các chất dinh dưỡng có chứa	PEO 1,2,3,4,5

	trong thực phẩm, quá trình biến đổi của các chất dinh dưỡng trong quá trình thu hái, vận chuyển, bảo quản và chế biến. Áp dụng hướng dẫn cộng đồng sử dụng các loại thực phẩm trong khẩu phần một cách hợp lý, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng.	
2	Trình bày được các loại ô nhiễm thực phẩm và các con đường gây ô nhiễm thực phẩm.	PEO 1,2,3
3	Trình bày được cách phân loại, nguyên nhân, đặc điểm và biện pháp dự phòng của một số ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm thường gặp tại cộng đồng.	PEO 1,2,3,4,5
4	Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm.	PEO 1,2,3
5	Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động và quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm	PEO 1,2,4,5
6	Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng cùng tham gia thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm. Hướng dẫn cộng đồng áp dụng các phương pháp bảo quản thực phẩm hợp lý.	PEO 1,2,3,4,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	CLO1: Trình bày được thành phần các chất dinh dưỡng có chứa trong thực phẩm, quá trình biến đổi của các chất dinh dưỡng trong quá trình thu hái, vận chuyển, bảo quản và chế biến.	S: PLO 4 H: PLO 1,2

2.	CLO2: Trình bày được các loại ô nhiễm thực phẩm và các con đường gây ô nhiễm thực phẩm.	S: PLO 4 H: PLO 1,2,3
3.	CLO3: Trình bày được cách phân loại, nguyên nhân, đặc điểm và biện pháp dự phòng của một số ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền quan thực phẩm thường gặp tại cộng đồng.	S: PLO 4,6 H: PLO 1,2,3,5,7,8
4.	CLO4: Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm.	S: PLO 4 H: PLO 1,2,3,5,7,8
5.	CLO5: Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động và quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm	S: PLO 5 H: PLO 1,3,7,13,14
6.	CLO6: Trình bày được khái niệm, ưu nhược điểm, phân loại các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố.	S: PLO 4 H: PLO 1,7
7.	CLO7: Áp dụng những kiến thức đã học để hướng dẫn cộng đồng cùng tham gia thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm phòng chống ô nhiễm thực phẩm, ngộ độc thực phẩm. Hướng dẫn cộng đồng áp dụng các phương pháp bảo quản thực phẩm hợp lý. Hướng dẫn cộng đồng thực hiện đảm bảo an toàn thức ăn đường phố.	S: PLO 3 H: PLO 1,4,5,7,9,10,11,12,13,14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1. Ô nhiễm thực phẩm <i>1. Một số khái niệm cơ bản</i> <i>2. Phân loại ô nhiễm thực phẩm</i> 2.1. Ô nhiễm sinh học	04	1. Trình bày được khái niệm, phân loại ô nhiễm thực phẩm 2. Áp dụng kiến thức đã học để phòng ngừa các tác nhân và con	CLO2, 7

	2.2. Ô nhiễm hóa học 2.3. Ô nhiễm thực phẩm do các yếu tố vật lý		đường gây ô nhiễm thực phẩm	
2	Bài 2. Bảo quản thực phẩm 1. Ý nghĩa tầm quan trọng của bảo quản thực phẩm 2. Các nguyên nhân làm hư hỏng thực phẩm 3. Nguyên lý và yêu cầu bảo quản thực phẩm 4. Các phương pháp bảo quản thực phẩm	04	1. Trình bày được vai trò, mục đích của bảo quản thực phẩm, các phương pháp và yêu cầu vệ sinh trong bảo quản thực phẩm. 2. Hướng dẫn được cộng đồng áp dụng các biện pháp bảo quản thực phẩm hợp lý	CLO4, 7
3	Bài 3. Ngộ độc thực phẩm 1. Một số khái niệm về ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm 2. Đặc điểm DTH ngộ độc thực phẩm 3. Phân loại NĐTP 4. Một số ngộ độc thực phẩm thường gặp 4.1. Ngộ độc thực phẩm do Salmonella 4.2. Ngộ độc thực phẩm do tụ cầu 4.3. Ngộ độc thực phẩm do Botulism 4.4. Ngộ độc thực phẩm do Aflatoxin 4.5. Ngộ độc thực phẩm do hóa chất bảo vệ thực vật 4.6. Ngộ độc thực phẩm do bản thân thức ăn có chất độc 5. Chẩn đoán và xử trí NĐTP	04	1. Trình bày một số về khái niệm ngộ độc thực phẩm và bệnh truyền qua thực phẩm. 2. Phân tích được các đặc điểm của DTH ngộ độc thực phẩm 3. Phân loại được ngộ độc thực phẩm 4. Phân tích được một số ngộ độc thực phẩm thường gặp 5. Xử lý được một số ngộ độc thực phẩm thường gặp	CLO3, 7
4	Bài 4. Thanh tra an toàn thực phẩm 1. Khái niệm về thanh tra, kiểm tra 2. Mục đích của hoạt động thanh tra 3. Các nguyên tắc trong hoạt động thanh tra 4. Giới thiệu khái quát về hệ thống thanh tra y tế và thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm 5. Nội dung, hình thức và phương pháp thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm 6. Quy trình tiến hành một cuộc thanh tra 7. Một số vấn đề cần lưu ý trong quá trình	04	1. Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc hoạt động của thanh tra an toàn thực phẩm 2. Trình bày được quy trình tiến hành một cuộc thanh tra an toàn thực phẩm	CLO5

	thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm			
5.	Bài 5. Bệnh truyền qua thực phẩm 1. Bệnh cúm gia cầm 2. Bệnh bò điên 3. Bệnh tai xanh ở lợn 4. Bệnh lở mồm, long móng 5. Bệnh liên cầu khuẩn ở lợn	04	1. Trình bày được các biện pháp phòng chống một số bệnh truyền qua thực phẩm 2. Hướng dẫn cộng đồng tham gia phòng chống một số bệnh truyền qua thực phẩm	CLO3, 7
6	Bài 6. Vệ sinh an toàn thức ăn đường phố 1. Khái niệm, phân loại thức ăn đường phố 2. Lợi ích và nhược điểm của thức ăn đường phố 3. Các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố 4. Yêu cầu điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các loại hình thức ăn đường phố 5. Các biện pháp cải thiện vệ sinh an toàn thức ăn đường phố	04	1. Trình bày được khái niệm, ưu nhược điểm và phân loại của thức ăn đường phố 2. Trình bày được các mối nguy và yêu cầu vệ sinh của thức ăn đường phố 3. Hướng dẫn cộng đồng thực hiện đảm bảo an toàn thức ăn đường phố.	CLO 6,7
7	Bài 7. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của thực phẩm <i>1. Định nghĩa, cách phân loại thực phẩm</i> 1.1. Định nghĩa 1.2. Phân loại <i>2. Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh thực phẩm</i> 2.1. Thịt 2.2. Cá 2.3. Trứng 2.4. Sữa 2.5. Gạo, bột mì, khoai, sắn, hạt có dầu 2.6. Rau quả	08	1. Nêu được định nghĩa, cách phân loại thực phẩm. 2. Nêu được giá trị dinh dưỡng chính của thực phẩm nguồn gốc động vật và thực vật. 3. Trình bày được những đặc điểm vệ sinh của một số thực phẩm thường sử dụng và biện pháp phòng chống bệnh gây ra do các thực phẩm này.	CLO2, 3,7

2. Thực hành

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1. Xây dựng khẩu phần	08	1. Trình bày được các nguyên	CLO1

	1. Tình hình khẩu phần thực tế hiện nay 2. Phương pháp xây dựng khẩu phần 3. Một số biện pháp nâng cao chất lượng khẩu phần trong cộng đồng 4. Thực hành bài tập		tác xây dựng khẩu phần 2. Trình bày các bước xây dựng khẩu phần. 3. Xây dựng được khẩu phần ăn hợp lý cho các đối tượng.	
2	Bài 2. Điều tra khẩu phần 1. Phương pháp điều tra trọng lượng lương thực thực phẩm 2. Phương pháp hỏi ghi 3. Điều tra tập quán ăn uống 4. Thực hành bài tập	08	1. Trình bày được ứng dụng, ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp cơ bản điều tra khẩu phần. 2. Áp dụng thực hành điều tra khẩu phần bằng phương pháp nhớ lại 24 giờ qua và phương pháp hỏi ghi tần suất tiêu thụ lương thực, thực phẩm.	CLO1
3	Bài 3. Đánh giá khẩu phần 1. Cách sử dụng bảng thành phần thực phẩm Việt Nam 2. Các bước đánh giá khẩu phần 3. Thực hành bài tập	08	1. Sử dụng được bảng thành phần dinh dưỡng thực phẩm Việt Nam. 2. Đánh giá được giá trị dinh dưỡng của một khẩu phần ăn cụ thể. 3. Phát hiện được các đối tượng có nguy cơ dinh dưỡng không hợp lý.	CLO1
4	Bài 4. Kiểm tra test thực phẩm 1. Phương pháp phát hiện nhanh hàn the 2. Phương pháp phát hiện nhanh phẩm màu 3. Phương pháp phát hiện nhanh acid vô cơ trong giấm ăn 4. Phương pháp phát hiện nhanh Formol 5. Phương pháp phát hiện nhanh Nitrit 6. Phương pháp phát hiện nhanh Nitrat 7. Phương pháp phát hiện nhanh Ethanol	08	1. Thực hành được các phương pháp phát hiện nhanh thực phẩm bị ô nhiễm hóa học	CLO7

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm:

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học.

2. Thực hành: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm :

- Hướng dẫn thực hiện;
- Cầm tay chỉ việc.

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa;
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn.

2. Thực hành:

- Sách thực hành;
- Bài tập trường hợp..

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	1	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, đúng giờ		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm	CLO3	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	1	Bài tập thực hành	Thang điểm	CLO1,7	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm	CLO 1,2,3,4,5 ,6,7	10

Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/ tiết học
Đi muộn	Trừ 0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng câu hỏi <39%	Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 %	Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69%	Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84%	Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)**1. Tài liệu học tập:**

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2009), Bài giảng vệ sinh an toàn thực phẩm, NXB Y học.
2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2014), Giáo trình thực hành dinh dưỡng và an toàn thực phẩm.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế, Viện Dinh dưỡng, Bảng thành phần thực phẩm Việt Nam 2017, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2016). Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Quy định với sinh viên:**

1. Nhiệm vụ của sinh viên:
 - Đi học đúng giờ.
 - Chuẩn bị bài học.

- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Dự kiến	05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: DINH DƯỠNG & ATTP

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Dinh dưỡng và VSATTP3

Tên tiếng Anh: Nutrition and Food Safety 3

Mã học phần: 3130NUTSFE3T

Ngành: Y học dự phòng năm thứ 6

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 1 (Dinh dưỡng cơ sở)	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 6
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	02 (1/1)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	32
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	18
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	03
Giữa học phần:	01
Thực hành	01
Kết thúc học phần:	01

Học phần học trước:	
Học phần tiên quyết:	Dinh dưỡng & ATTP1, Dinh dưỡng & ATTP2
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Dinh dưỡng & an toàn thực phẩm

2. Mô tả chung về học phần:

Học phần Dinh dưỡng & VSATTP 3 (Dinh dưỡng lâm sàng) cung cấp cho sinh viên ngành Y học dự phòng những kiến thức, kỹ năng cần thiết để có thể thực hiện sàng lọc, đánh giá tình trạng dinh dưỡng và các rối loạn dinh dưỡng thường gặp; Thực hiện Khám - tư vấn dinh dưỡng theo hướng thực hành tại các bệnh viện, các cơ sở khám, chữa bệnh. Xây dựng và nâng cao hiệu quả công tác dinh dưỡng lâm sàng và dinh dưỡng điều trị; Xây dựng được thực đơn dinh dưỡng cho các đối tượng có bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng; Đào tạo cán bộ có năng lực phù hợp cho các Khoa Dinh dưỡng - Tiết chế tại các bệnh viện theo qui định của thông tư 18/2020/TT-BYT của Bộ Y Tế.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Phạm Thị Dung	PGS.TS	0989981359	dungpt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
2.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
3.	Phạm Ngọc Khái	PGS.TS	0983090927	phamngockhaiydtb@gmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Xuân Ngọc	TS		xuanngoc@gmail.com	Tham gia
5.	Tạ Thúy Loan	BSCKII	0915585415	loantt@tbmc.edu.vn	Tham gia
6.	Phạm Thị Kiều Chinh	ThS	0389987259	huanchinh225@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Trình bày được các khái niệm, cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng và các bước trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng.	PEO 1,2, 5
2	Trình bày được một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng	PEO 1,2
3	Trình bày được mô hình tổ chức, hoạt động, cách triển khai sắp xếp các bộ phận của khoa dinh dưỡng, tiết chế	PEO 1,2,4,5

	trong bệnh viện	
4	Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc, nhu cầu dinh dưỡng và một số chế độ ăn cơ bản trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh	PEO 1,2,3
5	Áp dụng được các kỹ thuật và các thang phân loại đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện	PEO 1,2,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO1: Trình bày được các khái niệm, cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng và các bước trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng.	S: PLO 4,7 H: PLO 1
2.	CLO2: Trình bày được một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng	S: PLO 4,7 H: PLO 1,6,11
3.	CLO3: Trình bày được mô hình tổ chức, hoạt động, cách triển khai sắp xếp các bộ phận của khoa dinh dưỡng, tiết chế trong bệnh viện	S: PLO 4,6,5 H: PLO 11,3,14
4.	CLO4: Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc, nhu cầu dinh dưỡng và một số chế độ ăn cơ bản trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh	S: PLO 4 H: PLO 1,7,11
5.	CLO5: Áp dụng được các kỹ thuật và các thang phân loại đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện	S: PLO 5 H: PLO 1,4,12

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
----	---------	---------	------------------	--------

1	Bài 1. Quy trình chăm sóc dinh dưỡng 1. Cơ sở của can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng 1.1. Khái niệm 1.2. Hoạt động dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện hiện nay 1.3. Mô hình chăm sóc dinh dưỡng tiết chế trong bệnh viện 1.4. Quá trình can thiệp/chăm sóc dinh dưỡng trong bệnh viện 2. Quy trình can thiệp dinh dưỡng cho người bệnh 2.1. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng 2.2. Chẩn đoán dinh dưỡng 2.3. Can thiệp dinh dưỡng 2.4. Theo dõi và đánh giá chăm sóc dinh dưỡng 2.5. Ghi chép hồ sơ chăm sóc dinh dưỡng	02	1. Trình bày được các khái niệm của quy trình chăm sóc dinh dưỡng. 2. Trình bày được cách ghi chép, yếu tố ảnh hưởng tới chăm sóc dinh dưỡng. 3. Trình bày được các bước trong quá trình chăm sóc dinh dưỡng.	CLO1
2	Bài 2. Một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng 1. Suy dinh dưỡng Protein năng lượng 2. Thiếu VitaminA và bệnh khô mắt 3. Thiếu máu dinh dưỡng: 4. Bệnh béo phì 5. Các bệnh khác: bướu cổ do thiếu Iod, Beri- Be	04	1. Trình bày được đặc điểm dịch tễ học thiếu dinh dưỡng protein năng lượng. 2. Mô tả được các thang phân loại và đánh giá TTDD. 3. Trình bày được các nội dung triển khai hoạt động phòng chống SDD trẻ em. 4. Mô tả được một số bệnh lý liên quan đến dinh dưỡng.	CLO2
3	Bài 3. Dinh dưỡng trong điều trị một số bệnh 1. Dinh dưỡng trong bệnh lý đường tiêu hoá 2. Dinh dưỡng trong bệnh lý thận 3. Dinh dưỡng trong bệnh lý tim mạch 4. Dinh dưỡng trong bệnh lý nội tiết chuyển hoá	04	1. Trình bày được cơ sở khoa học và các nguyên tắc trong dinh dưỡng điều trị một số bệnh 2. Trình bày được nhu cầu dinh dưỡng của người bệnh. 3. Mô tả được một số chế độ ăn cơ bản trong bệnh viện.	CLO2, 3
4	Bài 4. Tổ chức khoa dinh dưỡng	02	1. Mô tả được chức năng và tổ	CLO3

	1. Các văn bản pháp luật liên quan 2. Xác định chức năng của khoa dinh dưỡng 3. Tổ chức khoa dinh dưỡng 4. Chức năng nhiệm vụ các thành viên 4.1. Trưởng khoa 4.2. Bác sỹ dinh dưỡng 4.3. Cử nhân kinh tế (Kế toán) 4.4. Điều dưỡng trưởng 4.5. Điều dưỡng, kỹ thuật viên tiết chế 4.6. Kỹ thuật, Nhân viên nấu ăn 4.7. Nhân viên phục vụ 5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ 6. Tổ chức các hoạt động khoa dinh dưỡng 7. Khoa dinh dưỡng và các đơn vị khác trong bệnh viện		chức của khoa dinh dưỡng trong bệnh viện. 2. Mô tả được hoạt động khoa dinh dưỡng trong bệnh viện.	
5	Bài 5. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh 1. Khái niệm 2. Các kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng 3. Các công cụ sàng lọc và đánh giá dinh dưỡng	02	1. Trình bày được các kỹ thuật đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện 2. Trình bày được các thang phân loại đánh giá tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân trong bệnh viện	CLO5

2. Thực hành

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Lâm sàng khoa Nội tiết	4 tuần	1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh. 2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng 3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.	CLO1,2,4,5
2	Lâm sàng khoa Thận nhân tạo	4 tuần	1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh. 2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng 3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người	CLO1,2,4,5

			bệnh.	
3	Lâm sàng khoa tim mạch	4 tuần	1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh. 2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng 3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.	CLO1,2,4,5
4	Lâm sàng khoa ngoại	4 tuần	1. Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh. 2. Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng 3. Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.	CLO1,2,4,5

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa

- Hỏi - đáp trực tiếp

- Giao bài đọc về nhà

- Hướng dẫn tự học

2. Lâm sàng: tại bệnh viện

- Giảng đầu giường

- Thảo luận nhóm

- Dạy - học theo nghiên cứu từng ca bệnh

- Bình bệnh án

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, bài giảng PP, bảng, phấn

2. Thực hành: Bệnh nhân, ca bệnh, tình huống lâm sàng, hồ sơ, bệnh án

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa

Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	1	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, đúng giờ		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm	CLO2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	1	Bệnh án dinh dưỡng	Thang điểm	CLO 1,2,4,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	1	Hỏi thi bệnh án	Thang điểm	CLO 1,2,4,5	10

Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/ tiết học
Đi muộn	Trừ 0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng câu hỏi <39%	Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 %	Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69%	Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84%	Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có)

1. Tài liệu học tập:

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2017), Bài giảng Dinh dưỡng điều trị, NXB Y học.
2. Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP (2016), Giáo trình dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, nhà xuất bản y học.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Đại học Y Hà Nội, Dinh dưỡng lâm sàng, nhà xuất bản y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ.
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp.
- Chấp hành các nội quy của lớp học.
- Tiếp cận với các thao tác trên phần mềm.
- Tiếp cận với bệnh nhân và người nhà bệnh nhân để nắm bắt được các thông tin cần thiết về bệnh lý mà bệnh nhân đang điều trị.
- Khám bệnh và theo dõi diễn biến của người bệnh.
- Hỏi bệnh, khám, đánh giá tình trạng dinh dưỡng người bệnh.
- Xây dựng được bệnh án dinh dưỡng.
- Tư vấn dinh dưỡng được cho người bệnh.
- Tham gia các buổi giảng lâm sàng.
- Tham gia các buổi sinh hoạt khoa học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
	Lần 1	5/2019	
1.	Lần 2	5/2021	
2.	Lần 3	5/2023	
3.	Dự kiến	5/2025	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: Tổ chức và quản lý y tế

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Giáo dục sức khỏe 2

Tên tiếng Anh: Health Education 2

Mã học phần: 2130PTRADR0P

Ngành: Bác sỹ Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

III. Hành chính.

3. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm thứ 6
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2 (1/1)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	15
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	15
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	3
Giữa học phần:	1
Thực hành:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe 1
Học phần tiên quyết:	Không có
Học phần song hành:	Không có
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

4. Mô tả chung về học phần:

Giáo dục và nâng cao sức khỏe nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về các phương tiện, phương pháp, cách thức trong truyền thông giáo dục sức khỏe để từ đó cán bộ y tế vận dụng các kiến thức trong truyền thông giáo dục sức khỏe cho người dân. Hiện nay, Giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe là một môn học nằm trong chương trình chính khoá được giảng dạy cho sinh viên ngành học bác sỹ y học dự phòng trong tất cả các trường Đại học Y trên toàn quốc.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
36.	Nguyễn Đức Thanh	PGS. TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Phụ trách
37.	Trần Quốc Kham	GS.TS	0913348626	khamtqvn@hotmail.com	Tham gia
38.	Ngô Văn Đông	Thạc sỹ	0915025119	dongytb@yahoo.com	Tham gia
39.	Trần Đình Thoan	Thạc sỹ	097 9895118	trandinhthoanb@gmail.com	Tham gia
40.	Phan Thu Nga	Thạc sỹ	0976625250	phanthunga2710@gmail.com	Tham gia
41.	Nguyễn Thị Ái	Thạc sỹ	0984391406	nguyenai198@gmail.com	Tham gia
42.	Nguyễn Hà My	Thạc sỹ	0976599971	hamy0359@gmail.com	Tham gia
43.	Nguyễn Văn Tiến	Thạc sỹ	0972213609	tiennv@tbump.edu.vn	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
6.	Trình bày được khái niệm, bản chất, vị trí, vai trò của truyền thông – giáo dục sức khỏe	PEO 1
7.	Phân tích được hành vi sức khỏe, quá trình thay đổi hành vi sức khỏe, các phương pháp, phương tiện, kỹ năng TT-GDSK	PEO 2 PEO 4
8.	Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động cho một chương trình TT-GDSK tại cộng đồng, nơi làm việc	PEO4
9.	Thực hiện được một chương trình truyền thông	PEO4

	tại cộng đồng	
--	---------------	--

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần Sau khi học xong học phần này	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
3.	CLO 1: Vận dụng được kiến thức TT-GDSK trong thực hành chuyên môn YHDP	S/PLO1 H/PLO3 H/PLO5 H/PLO11
4.	CLO 2: Tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và cộng đồng và đưa ra được các giải pháp để giải quyết vấn đề sức khỏe cộng đồng	H/PLO1 H/PLO5 H/PLO11
5.	CLO 3: Tham gia đào tạo cán bộ YHDP và nhân viên y tế	S/PLO9 H/PLO13
6.	CLO 4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp	H/PLO5 H/PLO7 H/PLO8 H/PLO11
7.	CLO 5: Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	H/PLO4 H/PLO5 H/PLO9 S/PLO13
8.	CLO 6: Thực hiện được chương trình truyền thông giáo dục sức khỏe trong các lĩnh vực về YHDP	H/PLO8 H/PLO9 S/PLO13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1. Khái niệm về Truyền thông - giáo dục sức khỏe và nâng cao sức khỏe, chiến lược và địa điểm nâng cao sức khỏe.	2	MT 1	CLO 1

	1. Một số khái niệm 2. Mục đích cơ bản của TT-GDSK là giúp cá nhân và mọi thành viên trong cộng đồng 3. Các mô hình truyền thông giáo dục sức khỏe 4. Vị trí, vai trò của TT-GDSK trong CSSKBD 5. Trách nhiệm thực hiện TT-GDSK 6. Hệ thống tổ chức TT-GDSK 7. Mười điều cần ghi nhớ khi làm TT-GDSK 8. Mô hình PRECEDE/PROCEED 9. Tại sao dùng mô hình PRECEDE/PROCEED trong GD&NCSK 10. Nâng cao sức khỏe			
2	Bài 2: Mô hình truyền thông và kỹ năng truyền thông giao tiếp trong GDSK 1. Mô hình truyền thông 2. Các yêu cầu giúp TTGDSK đạt hiệu quả 3. Các kỹ năng giao tiếp cơ bản 4. Ứng dụng các kỹ năng TTGDSK và một tình huống cụ thể	4	MT 2	CLO 1
3	Bài 3. Cách sử dụng một số tài liệu truyền thông tại cộng đồng 1. Tầm quan trọng của tài liệu truyền thông tại cộng đồng 2. Cách sử dụng các tài liệu truyền thông 3. Lựa chọn tài liệu truyền thông 4. Bảng kiểm sử dụng tài liệu truyền thông trực tiếp	4	MT 3	CLO 2,3
4	Bài 4. Một số hình thức truyền thông tại cộng đồng 1. Tư vấn sức khỏe 2. Thảo luận nhóm 3. Thăm hộ gia đình 4. Tổ chức chiến dịch truyền thông 5. Một số hình thức truyền thông khác	2	MT 3	CLO 2,3
5	Bài 5. Giám sát và đánh giá các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe 1. Giám sát các hoạt động TT-GDSK 2. Đánh giá các hoạt động TT-GDSK 3. Những vấn đề cơ bản của đánh giá một chương trình TT-GDSK 4. Các bước cơ bản của quá trình đánh giá 5. Các bước đánh giá	4	MT 3,4	CLO 4,5,6
6	Bài 6. Đào tạo cán bộ TT-GDSK tại cộng đồng 1. Các đối tượng có thể đào tạo để thực hiện truyền thông giáo dục sức khỏe ở cộng đồng		MT 3,4	CLO 4,5,6

	2. Các nội dung cần thực hiện trong đào tạo cán bộ truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng 3. Thực hiện kế hoạch đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo 4. Giới thiệu một số phương pháp dạy/học sử dụng trong các khóa đào tạo TT-GDSK			
7	Bài 7: Xã hội hoá các hoạt động truyền thông – GDSK tại cộng đồng 1. Khái niệm, mục đích của xã hội hóa hoạt động TT-GDSK 2. Các đối tác và các ban ngành có thể tham gia hoạt động TT-GDSK 3. Các biện pháp thực hiện xã hội hóa TT-GDSK 4. Một số nguyên tắc chỉ đạo thực hiện xã hội hóa TT-GDSK		MT 3,4	CLO 4,5,6

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Viết bài truyền thông – nâng cao sức khỏe	2	MT2	CLO 2,3
2	Thảo luận nhóm: các mô hình truyền thông	2	MT2	CLO 2,3
3	Thảo luận nhóm: lựa chọn tài liệu truyền thông	2	MT2	CLO 2,3
4	Đóng vai: Thực hành các kỹ năng truyền thông	2	MT3	CLO 4,5
5	Lập kế hoạch giám sát	4	MT4	CLO 6
6	Lập kế hoạch đào tạo cán bộ truyền thông	4	MT4	CLO 6

III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector
- Bảng, phấn
- Câu hỏi phát vấn

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh	Điểm tối đa
-----------------	--------------------	--------------	----------------	-------------------	---------------	-------------

			giá		giá	
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1	Theo quy chế của Nhà trường	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của SV	CĐR 4	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3	10
Điểm thực hành (ĐTH)	40%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CĐR 2,3,4,5,6	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	40%	1	Bài kiểm tra test	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3,4,5,6	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm CC} \times 0,1 + \text{Điểm GHP} \times 0,1 + \text{Điểm TH} \times 0,4 + \text{Điểm kết thúc HP} \times 0,4$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	2
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thi báo cáo chuyên đề (thực hành): 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội	Không giải	Chưa giải	Giải đầy đủ	Giải đầy đủ và	Giải đầy đủ,

dung câu hỏi	được	hết các câu hỏi	các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng
-----------------	------	--------------------	--	--	---

Rubric 3: Thi viết (lý thuyết): 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

1. Trương Quang Tiến (2012), *Truyền thông sức khỏe*, Nhà xuất bản lao động xã hội, Hà Nội
2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế - Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2019), *Truyền thông – Giáo dục sức khỏe*

2. Tài liệu tham khảo:

1. Klaus Krickeberg, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Bích (2014), *Giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
2. Nguyễn Văn Dịp (2001), *Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội
3. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho giảng viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
4. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho học viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
11.	Lần 1	05/2019	
12.	Lần 2	05/2021	
13.	Dự kiến	05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN XÃ HỘI HỌC SỨC KHỎE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NĂM 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Y xã hội học và Nhân học Y học

Tên tiếng Anh: Social Medical and Anthropology

Mã học phần: 3130SOCMED0T

Ngành: Y học Dự phòng

Mã ngành: 7720110

I.Hành chính.

1.Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	Số tiết Lý thuyết: 16 Thảo luận : 0 Số giờ tự học: 34 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 16 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 34
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	Giữa học phần: 0 Kết thúc học phần: 01

Học phần học trước:	Tổ chức và quản lý y tế, Tâm lý học – Y đức
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Xã hội học sức khỏe

2. Mô tả chung về học phần:

Y xã hội học và Nhân học Y học là một trong những vấn đề được quan tâm hiện nay trên thế giới và Việt Nam. Môn học giúp cho học viên xác định được các vấn đề sức khỏe của địa phương. Vận dụng được các khái niệm về sức khỏe cộng đồng trong CSSK nhân dân. Triển khai được các hoạt động lồng ghép trong CSSK cộng đồng. Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc, quy tắc chuẩn mực xã hội giúp mỗi người chúng ta chủ động, tự giác điều chỉnh hành vi, cách ứng xử cho phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng. Vận dụng kiến thức, tâm lý - đạo đức y học sẽ góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Thu Hà	Thạc sỹ - BSCCKII	0989535028	hatlyd@gmail.com	Phụ trách
2.	Nguyễn Văn Thịnh	Thạc sỹ	0989187178	thinhnv6374@gmail.com	Tham gia
3.	Bùi Thị Huyền Diệu	Tiến sỹ	0889581410	huyendieu1410@gmail.com	Tham gia
4.	TS. Vũ Trung Kiên	Tiến sỹ	0913019533	Vutrongkien-ori@yahoo.com	Tham gia
5.	Đặng Thị Bích Hằng	Thạc sỹ	0977267116	dangbichhang@gmail.com	Tham gia
6.	Phạm Thị Hương Ly	Thạc sỹ	098110678	phamly2504@gmail.com	Tham gia
7.	Nguyễn Thị Hà Phương	Trợ giảng	0384507552	hphuong.950522@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Kiến thức: 1. Phân tích được các hoạt động	PEO 1, 4

	lồng ghép các ban ngành đoàn thể trong CSSKCD, huy động được sự tham gia của cộng đồng 2.Trình bày được phương hướng chăm sóc bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, quan điểm, chính sách CSSK 3.Xác định được các yếu tố về văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân ở các vùng nông thôn và thành thị.	
2.	Kỹ năng: 4.Áp dụng kết quả nghiên cứu của nhân học và xã hội học y tế để xây dựng các chính sách can thiệp phù hợp với văn hóa –xã hội tại cộng đồng 5.Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên cụ thể tại cộng đồng	PEO 4, 5
3.	Mức tự chủ và chịu trách nhiệm 6.Nâng cao vai trò trách nhiệm của mình trong các mối quan hệ chủ yếu của người cán bộ y tế. Trung thực khách quan khiêm tốn, có tinh thần học tập vươn lên. 7.Có ý thức tự học, có phương pháp học tập. Tôn trọng chân thành, hợp tác với đồng nghiệp.	PEO 3, 4, 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng các kiến thức và kỹ năng Y xã hội học và nhân học y học vào việc tiếp cận, quan sát, giao tiếp trong thực hành nghề Y	S: PLO 1, 2, 9 H: 11, 12
2.	Phân tích được các hoạt động lồng ghép các ban ngành đoàn thể trong CSSKCD, huy động được sự tham gia của cộng đồng Xác định được các yếu tố về văn hóa - Xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân ở các vùng nông thôn và thành thị	S: PLO 1, 2, 8, H: PLO 10, 12, 14
3.	Người học có kiến thức, có kỹ năng và gắn với thái độ học tập tích cực thông qua bài giảng của thầy cô, kết hợp cùng phương pháp học tích cực là cơ sở để trau dồi và tích lũy tri thức. Trên cơ sở đó, học viên tự nhìn nhận và tự điều chỉnh bản thân trong suốt quá trình rèn giũa kỹ năng và phát triển chuyên môn. Quan trọng hơn, giúp họ nhìn nhận được vai trò và giá trị của các nhân viên y tế trong sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hướng tới sự hài lòng của người bệnh, cộng đồng và đồng nghiệp.	S: PLO 1, 2, 8, 9 H: PLO 10, 11, 12, 13, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1. Tổng quan về Y xã hội học và nhân học Y học 1. Sơ lược hình thành xã hội học Y tế 2. Một số lý thuyết khoa học xã hội sử dụng trong xã hội học Y tế 3. Một số nội dung trọng tâm trong nghiên cứu và ứng dụng của xã hội học Y tế 4. Nhân học 5. Nhân học y tế 6. Một số khái niệm cơ bản trong nhân học y tế	2	1. Trình bày được quan điểm, khái niệm cơ bản của xã hội học sức khỏe. 2. Trình bày được phương pháp nghiên cứu của xã hội học sức khỏe. 3. Áp dụng được lý thuyết về xã hội học sức khỏe để giải thích nguyên nhân của bệnh tật, đau ốm.	1, 3
2	Bài 2. Xã hội hoá công tác y tế và chăm sóc sức khỏe ban đầu 1. Khái niệm “xã hội hoá” và “xã hội hoá công tác y tế” 2. Những cơ sở nền tảng của việc xã hội hoá công tác y tế 3. Nguyên tắc và quá trình tiến hành xã hội hoá công tác y tế 4. Lồng ghép và phối hợp các hoạt động liên ngành trong xã hội hoá công tác y tế	2	1. Trình bày được khái niệm xã hội hóa, xã hội hóa công tác y tế. 2. Trình bày được những nguyên tắc và quá trình tiến hành xã hội hóa công tác y tế	1, 2, 3

	5. Những trở lực đối với việc xã hội hoá công tác y tế 6. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu 7. Lồng ghép các hoạt động CSSKBĐ 8. Một số biện pháp chủ yếu để thực hiện lồng ghép trong hoạt động CSSKBĐ		3. Phân tích được một số chủ trương biện pháp thực hiện xã hội hóa công tác y tế và những trở lực đối với việc xã hội hóa công tác y tế	
3	Bài 3. Các phương pháp nghiên cứu nhân học 1. Các bước của quá trình nghiên cứu nhân học y tế: 2. Những nguyên tắc cơ bản của nghiên cứu định tính trong nhân học y tế 3. Các dạng thông tin cần thu thập trong nghiên cứu nhân học y tế 4. Các kỹ thuật thu thập thông tin định tính 4.1. Quan sát hoà nhập 4.2. Phỏng vấn và nói chuyện 4.3. Nghiên cứu trường hợp 4.4. Kỹ thuật ghi chép thông tin 5. Phân tích dữ liệu định tính và trình bày kết quả định tính 5.1. Phân tích dữ liệu định tính 5.2. Trình bày dữ liệu định tính	4		1, 2, 3
4	Bài 4. Chẩn đoán cộng đồng 1. ĐẠI CƯƠNG CDCĐ 1.1. Khái niệm CDCĐ 1.2. Thời điểm cần CDCĐ 1.3. Mục đích của CDCĐ 2. 4. VẤN ĐỀ CẦN ĐIỀU TRA TRONG	4	3. Trình bày được khái niệm và mục đích của chẩn đoán cộng đồng. 4. Phân tích được 4 vấn đề cần	1, 2, 3

	CDCD 2.1. 12 chỉ số về KT-XH 2.2. 4 nhóm yếu tố nguy cơ cho sức khỏe 2.3. Các chỉ số sức khỏe 2.4. Hệ thống chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế 3. PHƯƠNG PHÁP CHẨN ĐOÁN CỘNG ĐỒNG 3.1. Điều tra cộng đồng 3.2. Phương pháp dịch tễ học 4. LẬP KẾ HOẠCH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ SỨC KHOẺ ƯU TIÊN		điều tra trong chẩn đoán cộng đồng 5. Trình bày 3 bước tiến hành chẩn đoán cộng đồng 6. Lập được kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên cụ thể tại cộng đồng.	
5	Bài 5. Các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe 1. Ảnh hưởng của yếu tố xã hội đến sức khỏe 2. Ảnh hưởng của yếu tố văn hóa đến sức khỏe	2	1. Trình bày được ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với sức khỏe. 1. Phân tích được ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với một số bệnh cụ thể.	1, 2, 3

6	Bài 6. Hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế <i>Số tiết 5 (LT: 1; TH: 4)</i> 1. Khái niệm 2. Hệ thống chăm sóc sức khoẻ theo quan điểm của nhân học y tế 3. Các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân	2	1. Trình bày được mô hình khu vực chăm sóc sức khoẻ cộng đồng (theo quan điểm của Arthur Kleinman) 2. Trình bày được các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân	1, 2, 3
---	--	---	---	---------

3. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Các phương pháp nghiên cứu nhân học 1. Khái quát vấn đề 2. Thực hành theo nhóm 3. Tổng kết và lượng giá	4	Thiết kế được khung nghiên cứu cho một vấn đề của nhân học y tế	1, 2, 3
2	Bài 2: Chẩn đoán cộng đồng 1. Khái quát vấn đề 2. Thực hành theo nhóm 3. Tổng kết và lượng giá	4	Lựa chọn được vấn đề sức khoẻ ưu tiên	1, 2, 3

			và đưa ra được giải pháp	
3	Bài 3: Các yếu tố văn hóa xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe 1. Khái quát vấn đề 2. Thực hành theo nhóm 3. Tổng kết và lượng giá	4	Xác định được ảnh hưởng của yếu tố văn hoá - xã hội đối với một số bệnh cụ thể.	1, 2, 3
4	Bài 4: Hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế 1. Khái quát vấn đề 2. Thực hành theo nhóm 3. Tổng kết và lượng giá	4	Phân tích được các yếu tố chi phối hành vi tìm kiếm dịch vụ y tế của người dân tại một địa phương cụ thể	1, 2, 3

3. Lâm sàng

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, thảo luận nhóm

2. Thực hành: Thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, case, phấn, bảng, câu hỏi lượng giá

2. Thực hành: Máy chiếu Projector, chuyên đề

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	Hàng ngày	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn.	1,2,3	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1 bài kiểm tra 45 phút gồm 3 câu hỏi ngắn bao gồm các nội dung kiến thức đã học	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 3,5 điểm/2 câu, 3 điểm/1 câu. 3 câu là 10 điểm	1,2,3	10

Điểm thực hành (ĐTH)	0,4	Theo hình thức Làm bài tập tình huống	Bài tập	Qua kết quả làm bài	1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	1 bài kiểm tra 40 phút gồm 40 câu hỏi ngắn	Thi trắc nghiệm khách quan	tổng 40 câu là 10 điểm	1,2,3	10

Công thức tính điểm: ĐHP = 0,1xĐCC+0,1xĐGHP+0,4xĐGHP+0,4 ĐGHP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	Không trừ
Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do điều động của Nhà trường)
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết
Đi muộn	0,5 điểm/lần (nếu đi muộn >15 phút sẽ tính vắng không lí do)

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu nhưng còn 1	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và

			số câu sai sót	trình bày chưa rõ ràng	trình bày rõ ràng
--	--	--	----------------	------------------------	-------------------

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

Nguyễn Đức Hình (2012), *Đại cương nhân học và xã hội học y tế*, Nhà xuất bản Y học.

2. Tài liệu tham khảo:

- Phùng Kim Bảng, Lê Quang Hoàn (1997), *Y tế công cộng và chăm sóc sức khỏe ban đầu*, Nhà xuất bản Y học.
- Phạm Văn Linh, Võ Văn Thắng (2008), *Nhân học y tế*, Nhà xuất bản Đại học Huế.
- Nguyễn Quang Uẩn (2005), *Tâm lý Đại cương*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn Nhận (2006), “*Tâm lý học Y học*”, Nhà xuất bản Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

8.1. Nhiệm vụ của sinh viên

- Ban cán sự lớp liên hệ với Giáo vụ Bộ môn để nhận kế hoạch học tập và các quy định của bộ môn về học phần, hướng dẫn học tập sau đó phổ biến lại cho lớp.
- Sinh viên thực hiện nghiêm túc quy chế và quy định của Nhà trường.
- Sinh viên phải chuẩn bị đầy đủ tư trang cần thiết cho việc học thực hành (Tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, áo blouse, thẻ sinh viên).
- Sinh viên phải nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị nội dung cho mỗi buổi học theo hướng dẫn tự học trước khi dự lớp, hoàn thành các bài tập được giao.
- Sinh viên có trách nhiệm phản hồi và có quyền thắc mắc (có tổ chức) về các nội dung học tập cũng như cách quản lý, đánh giá của giảng viên trong quá trình học tập (mọi ý kiến thắc mắc của sinh viên sẽ được Bộ môn xét giải quyết).

8.2. Quy định về điều kiện dự thi

Sinh viên phải tham gia đầy đủ giờ thực hành, giờ thảo luận, giờ học lý thuyết (theo quy chế của Nhà trường). Cụ thể, điều kiện để sinh viên được dự kiểm tra/thi kết thúc học phần khi: Tham dự trên 80% số tiết học lý thuyết, 100% số tiết học thực hành,

có giấy xin phép nghỉ học (nếu có), có điểm thực hành và kiểm tra giữa học phần đạt ≥ 4 điểm.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2017	Trần Thị Thu Hà
2.	Lần 2	05/2019	Trần Thị Thu Hà
3.	Lần 3	05/2021	Trần Thị Thu Hà
4.	Lần 4	Dự kiến 05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/ KHOA****TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****THÁI BÌNH****Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc****BỘ MÔN/KHOA: Y TẾ CÔNG CỘNG****ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng

Tên tiếng Anh: Public health research methods

Mã học phần: 3130COMREM0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 1/3 Số tiết Lý thuyết: 16 Thảo luận : Số giờ tự học: 34 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 48 Thảo luận: Số giờ tự học: 102	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: 1 Kết thúc học phần: 1	

Học phần học trước:	Dịch tễ học; Phương pháp nghiên cứu khoa học
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa Y tế công cộng

2. Mô tả chung về học phần:

Môn Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng.

Học phần/module Phương pháp nghiên cứu sức khỏe cộng đồng thuộc khối kiến thức kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 11 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kỹ năng làm nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, Nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	tucvp@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Phạm Văn Trọng	PGS.TS	0912111921	phamvantrong56@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Bích Thủy	TS	0985201899	dangbichthuy71@gmail.com	Tham gia
4.	Nguyễn Hữu Ngự	ThS	0988347506	huunguytb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Xác định được PPNC định tính và các loại thiết kế nghiên cứu định tính	PEO 1, PEO 2, PEO 3
2.	Chọn mẫu trong NCĐT, Phân tích thống kê suy luận	PEO 1, PEO 2
3.	Phương pháp NC phi thực nghiệm, thực nghiệm	PEO 1, PEO 2, PEO 3

4.	Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng, Phân tích số liệu định tính	PEO 1, PEO 2, PEO 3
----	---	---------------------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	Nắm được các kiến thức cơ bản về xây dựng đề cương nghiên cứu định tính, nghiên cứu định lượng và sự kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng trong nghiên cứu 1 vấn đề tại cộng đồng	S: PLO H: PLO 1, PLO 2, PLO 3
2.	Thực hiện được việc chọn mẫu, thiết kế nghiên cứu phù hợp với các vấn đề nghiên cứu cụ thể	S: PLO 7, PLO 8 H: PLO 4, PLO 5
3.	Phân tích được các số liệu dạng định tính và định lượng theo chủ đề nghiên cứu	S: PLO 7, PLO 8 H: PLO 4, PLO 5
4.	Có ý thức học tập và vận dụng kiến thức học tập vào thực tiễn.	S: PLO 10, PLO 12 H: PLO 11

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Đại cương về PPNC định tính + Thiết kế NCĐT 7. Đại cương về phương pháp nghiên cứu định tính 8. Thiết kế nghiên cứu định tính	04	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 1, PLO 2, PLO 3, PLO10, PLO12,

	2.3. Xác định mục đích nghiên cứu 2.4. Xác định câu hỏi nghiên cứu 2.5. Lựa chọn phương pháp thu thập thông tin 2.6. Một số vấn đề về độ tin cậy và khái quát hóa 2.7. Các câu hỏi đưa ra khi thiết kế NC			PLO 11
2	Bài 2: Chọn mẫu trong NCDT + Phân tích số liệu 3. Chọn mẫu trong nghiên cứu định tính 1.1. Lựa chọn thực địa nghiên cứu 1.2. Lựa chọn đối tượng nghiên cứu 1.3. Một số phương pháp chọn mẫu thường sử dụng 1.4. Các điểm chú ý về cỡ mẫu 4. Phân tích thống kê suy luận 2.1 ứng dụng của ước lượng điểm, ước lượng khoảng trong phân tích số liệu nghiên cứu 2.2 Các sai lầm có thể xảy ra khi tiến hành kiểm định giả thuyết	04	PEO 1, PEO 2	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11
3	Bài 3: Phương pháp NC phi thực nghiệm, thực nghiệm 6. Phương pháp nghiên cứu phi thực nghiệm 7. Phương pháp quan sát tự nhiên 8. Phương pháp trắc nghiệm 9. Phương pháp chuyên gia 10. Phương pháp tiếp cận lịch sử 11. Phương pháp logic 12. Phương pháp thống kê 13. Phương pháp nghiên cứu thực nghiệm. 4. Khái niệm 5. Phân loại 6. Địa điểm tiến hành PPNC thực nghiệm	04	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11

	7. Thiết kế thực nghiệm 8. Phương pháp nghiên cứu trên động vật 9. Phương pháp thử nghiệm lâm sàng			
4	Bài 4: Nghiên cứu kết hợp định tính, định lượng + Phân tích số liệu định tính 3. Nghiên cứu kết hợp phương pháp định tính và định lượng 1.1. Khái niệm 1.2. Lý do sử dụng kết hợp NC định tính và định lượng 1.3. Các câu hỏi cần lưu ý khi kết hợp NC định tính và định lượng 1.4. Các phương pháp NC kết hợp định tính và định lượng a. Thiết kế kết hợp đồng thời để đối chiếu kết quả b. Thiết kế kết hợp giải thích theo trình tự c. Thiết kế kết hợp khám phá theo trình tự d. Thiết kế kết hợp để đánh giá theo trình tự 1.5. Các bước của quá trình kết hợp NC định tính và định lượng 4. Phân tích số liệu 2.7. Các bước phân tích số liệu định tính 2.8. Xây dựng bảng mã trong nghiên cứu định tính 2.9. Thực hiện mã hóa một đoạn số liệu dạng văn bản 2.10. Tóm tắt và tổng hợp số liệu định tính vào bảng theo chủ đề	04	PEO 1, PEO 2, PEO 3	PLO 7, PLO 8 PLO 4, PLO 5, PLO10, PLO12, PLO 11

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học	CDR
-----	---------	---------	--------------	-----

1. Lý thuyết: Thuyết trình, Thảo luận nhóm
2. Thực hành: Hướng dẫn, thảo luận nhóm

1. Lý thuyết: Bảng phân, máy chiếu

2. Số bài kiểm tra giữa học phần: 01
3. Thực hành : bảng phân, máy chiếu

V. Phương pháp lượng giá

1. Lý thuyết: Trắc nghiệm khách quan
2. Thực hành : báo cáo đề cương

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá thực hành (ĐCC)	40%	1 bài viết	Kiểm tra viết			10
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Điểm danh hằng ngày	Điểm danh	Điểm danh hằng ngày Đi học đúng giờ Đảm bảo nội quy của bộ môn		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1 bài viết	Kiểm tra viết	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm	PLO 2, 13, 14	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	40%	1 bài viết	Thi viết cải tiến	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 2.5 điểm, tổng 4 câu được 10 điểm	PLO 2, 11, 13, 14, 16, 17	10

Công thức tính điểm:

Điểm tổng kết môn học=0,4*thực hành+0,1*chuyên cần+0,1 *GHP+0,4*CHP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	

Nghỉ học có phép	
Nghỉ học không phép	
Đi muộn	

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi					

VI. Tài liệu học tập và tham khảo**1. Tài liệu học tập**

Phương pháp nghiên cứu định tính trong chương trình y tế (1997), Nhà xuất bản Đại học y

2. Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Y Hà Nội (2011), Tài liệu hướng dẫn xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học y học, NXB Y học.
2. Trường Đại học Y tế công cộng (2014), Phương pháp nghiên cứu định tính, Nhà xuất bản Lao động xã hội.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Quy định với sinh viên:**

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

2. Quy định điều kiện dự thi: Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)

- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Dự kiến	Năm 2023	
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: Dịch tễ học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thống kê y học

Tên tiếng Anh: Statistics

Mã học phần:

Ngành: Bác sĩ Y học dự phòng

Mã ngành:

IV. Hành chính.

5. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	03 (LT: 01, TH: 02) 16 44
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	 01 01
Học phần học trước:	01
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	

Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Dịch tễ học
------------------------	--------------------

6. Mô tả chung về học phần:

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng những khái niệm liên quan tới thống kê y học và những phép phân tích số liệu nhằm mô tả hoặc suy luận về toàn bộ hay 1 phần của quần thể mà chúng ta nghiên cứu

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/ học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
44.	Đặng Bích Thủy	TS	0985201899	dangbichthuy71@gmail.com	GV
45.	Vũ Thị Kim Dung	ThS	0912792567	kimdung.ytb@gmail.com	GV
46.	Lê Đức Cường	TS	0938042668	cuongldvn@gmail.com	GV
47.	Lê Trần Hoàng	CN	0765891557		Trợ giảng
48.	Vũ Việt Trung	BS	0966635218		Trợ giảng

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
10.	<i>* Kiến thức:</i> - Trình bày được khái niệm, các ứng dụng của thống kê y học. - Trình bày được các đặc trưng của 1 số phân phối xác suất thường gặp trong thống kê. - Trình bày được các tham số đo lường độ tập trung, độ phân tán của số liệu - Trình bày được các nguyên tắc khi chọn kiểm định sự khác biệt trong phân tích số liệu.	PEO 1, PEO 2
11.	<i>* Kỹ năng:</i> - Tính toán được một số phép thống kê mô tả, thống kê suy luận trong từng số liệu cụ thể. - Phiên giải được các kết quả tính được từ kiểm định thống kê.	PEO 1, PEO 2
12.	<i>* Thái độ:</i>	PEO 3, PEO 4

	Nhận thức được tầm quan trọng của thống kê y học là một môn y học cơ sở nền tảng cho các nghiên cứu về y tế công cộng, liên quan đến quá trình thu thập, tổ chức, tóm tắt và phân tích số liệu nhằm đưa ra các suy luận về quần thể nghiên cứu dựa trên các kết quả quan sát thu được từ mẫu nghiên cứu	
--	---	--

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
9.	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành trong thực hành phân tích số liệu	S: PLO 1, 4
10.	Vận dụng được các phương pháp thu thập thông tin nhằm đảm bảo chất lượng của số liệu thu thập	S: PLO 1, 4
11.	Vận dụng được kiến thức về thống kê mô tả, thống kê suy luận trong việc phân tích số liệu nhằm đưa ra các suy luận về quần thể nghiên cứu	S: PLO 1, 4
12.	Phát hiện sớm các nguy cơ gây bệnh tại cộng đồng dựa trên phân tích các yếu tố nguy cơ	H: PLO 3, 8
13.	Đề xuất các biện pháp can thiệp áp dụng tại cộng đồng nhằm nâng cao sức khỏe cho cộng đồng dựa trên phân tích các kết quả điều tra	S: PLO 1, 4

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

V. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
-----	---------	---------	------------------	-----

1	Bài 1. Đại cương về thống kê y học 6. Khái niệm về thống kê y học 7. Phân biệt thống kê mô tả, thống kê suy luận a. Thống kê mô tả b. Thống kê suy luận 8. Một số ví dụ về ứng dụng của thống kê y học	01	1. Trình bày được khái niệm, ứng dụng của thống kê y học 2. So sánh sự khác nhau giữa thống kê mô tả, thống kê suy luận	1
2	Bài 2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến thống kê 1. Số liệu, nguồn số liệu 1.1. Số liệu 1.2. Các dạng số liệu 1.3. Các nguồn số liệu 1.4. Phân biệt về số liệu, thông tin, bằng chứng 2. Phân loại biến số 2.1. Phân loại theo bản chất 2.1.1. Biến định lượng 2.1.2. Biến định tính 2.2. Phân loại theo mối tương quan 2.1.1. Biến phụ thuộc 2.1.2. Biến độc lập 2.1.3. Yếu tố nhiễu 3. Một số khái niệm khác 3.1. Quần thể 3.2. Mẫu nghiên cứu	01	1. Trình bày được khái niệm về số liệu, dạng số liệu, nguồn số liệu 2. Phân biệt được các loại biến số theo bản chất, theo mối liên quan giữa các biến số 3. Trình bày được khái niệm về quần thể, mẫu nghiên cứu	1
3	Bài 3. Đo lường độ tập trung, độ phân tán của số liệu 1. Trình bày số liệu 2. Đo lường độ tập trung của số liệu 2.1. Giá trị trung vị 2.2. Giá trị trung bình 2.3. Giá trị Mode 2.4. Đặc điểm của các số đo tập trung 3. Đo lường độ phân tán của số liệu	04	1. Trình bày được các tham số đo lường độ tập trung, độ phân tán của số liệu 2. Tính toán được các giá trị trung vị, trung bình,	2

			mode, phương sai, độ lệch chuẩn, sai số chuẩn của 1 dãy số liệu cho trước 3. Phiên giải được các kết quả từ việc tính toán các tham số đo lường độ tập trung, độ phân tán của số liệu	
4	Bài 4. Một số phân phối xác suất thường gặp 1. Một số phân phối xác suất thông dụng 1.1. Phân phối nhị thức 1.2. Phân phối siêu bội 1.3. Phân phối Poisson 1.4. Phân phối chuẩn 1.4.1. Đặc điểm của phân phối chuẩn 1.4.2. Kiểm định tính chuẩn 1.5. Phân phối Khi bình phương 1.6. Phân phối Student 2. Giới hạn sinh lý bình thường 2.1. Trường hợp phân phối đối xứng 2.2. Trường hợp phân phối không đối xứng 2.3. Nguy cơ sai lầm	01	1. Trình bày được các đặc trưng của 1 số phân phối xác suất thường gặp trong thống kê 2. Xác định và sử dụng được giới hạn sinh lý bình thường của phân phối đối xứng và phân phối không đối xứng	4
5	Bài 5. Ước lượng thống kê 1. Ước lượng 1.1. Tham số quần thể và tham số mẫu 1.2. Ước lượng điểm 1.3. Ước lượng khoảng 2. Khoảng tin cậy cho số trung bình của quần thể 2.1. Trường hợp đã biết phương sai	01	1. Trình bày được được ước lượng điểm, ước lượng khoảng 2. Tính toán được ước lượng điểm,	4

	2.2. Trường hợp không biết độ lệch chuẩn 2.3. Khoảng tin cậy của tỷ lệ 3. Xác định kích thước mẫu 3.1. Trong trường hợp ước lượng khoảng tin cậy của trung bình quần thể 3.2. Trong trường hợp khoảng tin cậy của tỷ lệ		ước lượng khoảng 3. Phiên giải được ý nghĩa của ước lượng điểm và khoảng tin cậy trong nghiên cứu các vấn đề sức khỏe	
6	Bài 6. Kiểm định sự khác biệt – Kiểm định các giá trị trung bình 1. Những khái niệm cơ bản về kiểm định thống kê 1.1. Giả thuyết thống kê 1.2. Kiểm định giả thuyết thống kê 1.3. Các loại sai lầm trong việc kiểm định giả thuyết thống kê 2. Lựa chọn kiểm định thích hợp để so sánh sự khác biệt 2.1. Loại biến số khảo sát 2.2. Số mẫu khảo sát 2.3. Tính chất của mẫu khảo sát 2.4. Tính chất phân phối của mẫu khảo sát 2.5. Chọn kiểm định thích hợp 3. Một số kiểm định sự khác biệt 3.1. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa 2 phương sai 3.2. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa 2 số trung bình 3.2.1. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa trung bình quan sát và trung bình lý thuyết 3.2.2. Kiểm định giả thuyết về sự khác biệt giữa 2 trung bình trên 2 mẫu độc lập 3.2.3. Kiểm định giả thuyết về sự khác biệt của 2 số trung bình trên 2 mẫu điều tra từng cặp 3.3. Phân tích phương sai 1 chiều	04	1. Trình bày được các nguyên tắc khi lựa chọn kiểm định sự khác biệt trong phân tích số liệu 2. Chọn lựa được kiểm định thống kê thích hợp để so sánh các số trung bình trong từng trường hợp cụ thể 3. Phiên giải được các kết quả tính được từ kiểm định thống kê so sánh các số trung bình	3

7	Bài 7. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa 2 tỷ lệ - Các kiểm định khác 1. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau giữa tỷ lệ quan sát và tỷ lệ lý thuyết 2. Kiểm định giả thuyết về sự bằng nhau của 2 tỷ lệ trên 2 mẫu điều tra độc lập 3. Kiểm định phi tham số 3.1. Kiểm định Khi bình phương 3.2. Kiểm định McNemar 3.3. Kiểm định dấu 3.4. Kiểm định dấu và hạng Wilcoxon 3.5. Kiểm định Mann – Whitney 3.6. Kiểm định Kruskal - Wallis	04	1. Trình bày được các nguyên tắc khi lựa chọn kiểm định khi bình phương 2. Chọn lựa được kiểm định thống kê thích hợp để so sánh các tỷ lệ trong từng trường hợp cụ thể 3. Phiên giải được các kết quả tính được từ kiểm định thống kê so sánh các tỷ lệ	2
---	--	----	--	---

2. Thực hành

Stt	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1. Hướng dẫn sử dụng phần mềm SPSS Các nội dung bắt buộc: - Cài đặt được phần mềm - Mở được các giao diện của phần mềm để thao tác các nội dung theo bài học	04	Cài đặt và sử dụng được phần mềm SPSS	4
2	Bài 2. Nhập liệu trên SPSS Nhập liệu từ các phiếu điều tra thu thập từ cộng đồng	04	Nhập số liệu từ các phiếu ghi thông tin	4
3	Bài 3. Quản lý, khai thác số liệu 5. Quản lý được số liệu 6. Làm sạch số liệu	04	Làm sạch được số liệu	4

4	Bài 4. Đo lường độ tập trung của số liệu 1. Trung bình 2. Trung vị 3. Mode 4. Min 5. Max	04	Tính toán được các giá trị đo lường độ tập trung của dữ liệu	3
5	Bài 5. Kiểm định tính chuẩn 1. Phân phối chuẩn 2. Phân phối không chuẩn	04	Vẽ được đường cong phân phối chuẩn của 1 dãy số liệu nhận định được kết quả	3
6	Bài 6 +7. Thực hành thống kê mô tả 1. Bảng đơn chiều 2. Bảng đa chiều 3. Các dạng biểu đồ	08	Thiết kế được các bảng số liệu đơn chiều, đa chiều, biểu đồ	3
7	Bài 8+9. Kiểm định các giá trị trung bình - Thực hiện được các lệnh kiểm định - Trình bày, phiên giải được kết quả	08	Thực hiện được các kiểm định trung bình, phiên giải kết quả	4
8	Bài 10+11. Kiểm định các tỷ lệ - Thực hiện được các lệnh kiểm định - Trình bày, phiên giải được kết quả	08	Thực hiện được các kiểm định tỷ lệ, phiên giải kết quả	5

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm
2. Thực hành: Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Lý thuyết: Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints

Thực hành: Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần:

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%		Theo quy định	x	x	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	X	Theo quy định	x	x	10
Điểm thực hành (ĐTH)	20%	X	Theo quy định	x	x	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	60%	x	Theo quy định	x	x	10

Công thức tính điểm:

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Trường Đại học Y tế công cộng (2005), Giáo trình thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học, Nhà xuất bản y học.
2. Trường Đại học Y Hà Nội (2010), Thống kê cơ bản trong y sinh học, Nhà xuất bản y học.
3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), Giáo trình thống kê ứng dụng trong y học, Nhà xuất bản y học.
4. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2015), Bài giảng Thực hành Thống kê ứng dụng Y học
5. <https://www.fao.org/3/w7295e/w7295e08.htm> basic statistical tools

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi
2. Quy định điều kiện dự thi: Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
14.	Lần 1	05/2017	Đặng Bích Thủy

15.	Lần 2	05/2019	Đặng Bích Thủy
16.	Lần 3	06/2022	Đặng Bích Thủy

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
KHOA: Y TẾ CÔNG CỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH Y TẾ QUỐC GIA

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Chương trình y tế quốc gia

Tên tiếng Anh: Medical international program

Mã học phần: 3130NAHEPR0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.

1. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 3 (2;1) Số tiết Lý thuyết: 30 Thảo luận : 0 Số giờ tự học: 70 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 16 Thảo luận: 0 Số giờ tự học: 34	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): 3 Giữa học phần: 1 Thực hành: 1 Kết thúc học phần: 1	

Học phần học trước:	Xác suất thống kê
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa Y tế công cộng

2. Mô tả chung về học phần:

Môn Chương trình y tế quốc gia là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ Y học dự phòng.

Học phần/module Chương trình y tế quốc gia thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở năm học thứ 6 của CTĐT. Học phần/module này sẽ trang bị cho người học kiến thức về các chương trình y tế quốc gia đã và đang được thực hiện trên các lĩnh vực môi trường, dinh dưỡng, các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm. Đồng thời môn học cũng trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc lập kế hoạch và tham gia thực hiện các chương trình này. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm /học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	tucvp@tbump.edu.vn	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn@gmail.com	Tham gia
3.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
4.	Nguyễn Đức Thanh	PGS.TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Tham gia
5.	Đặng Bích Thủy	TS	0985201899	dangbichthuy71@gmail.com	Tham gia
6.	Nguyễn Hữu Ngự	ThS	0988347506	huunguytb@gmail.com	Tham gia
7.	Đặng Thị Thu Nga	ThS	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	PEO 1, PEO 2, PEO 5
2.	Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.	PEO 2, PEO 4, PEO 5
3.	Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh	PEO 2, PEO 3, PEO 4

	lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng.	
4.	Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe	PEO 2, PEO 3, PEO 4, PEO 5
5.	Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	PEO 1, PEO 2, PEO 3, PEO 4, PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng, trong thực hiện các hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn.	S: PLO 1, 2 H: PLO 5, 7, 8, 12, 13
2.	Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng	S: PLO 1,2 H: PLO 3, 5, 8, 13
3.	Thực hiện được kỹ năng tổ chức phát hiện ca bệnh và quản lý khu dịch đối với bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng.	S: PLO 1, 2, 3 H: PLO 5, 7, 8, 13, 14
4.	Thực hiện được các kỹ năng đánh giá nguy cơ trong đánh giá nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe, từ đó đề xuất và thực hiện các biện pháp dự phòng nguy cơ.	S: PLO 1, 2, 3 H: PLO 5, 7, 8, 13, 14
5.	Nhận thức được sức khỏe con người được đặt trong mối quan hệ tổng hòa giữa môi trường, dinh dưỡng và các yếu tố hành vi khác, do đó cần giải quyết vấn đề không chỉ tập trung vào cá nhân mà cần thực hiện trên mức độ vĩ mô toàn quốc để đạt đến sự toàn diện và thống nhất trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.	S: PLO 1, 2, 3 H: PLO 5, 7, 8, 13, 14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Quản lý, theo dõi và đánh giá dự án 5. Một số khái niệm cơ bản 1.1. Chương trình, dự án 1.2. Quản lý dự án 1.3. Đánh giá 1.4. Theo dõi 6. Quy trình thiết kế dự án 2.6. Phân tích tình hình 2.7. Phân tích các bên liên quan 2.8. Xác định mục tiêu của dự án 2.9. Xác định kết quả mong đợi của dự án 2.10. Xác định các hoạt động và nguồn lực cần thiết 2.11. Xác định các chỉ số 2.12. Xác định các giả định và rủi ro khi thực hiện DA 2.8. Xác định phương án tổ chức, quản lý và thực hiện DA	4	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng.	CLO 1,5
2	Bài 2: Chiến lược Quốc gia phòng chống SDD trẻ em giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn đến 2030 1. Các vấn đề dinh dưỡng cần giải quyết đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 2. Đối tượng và phạm vi thực hiện dự án 3. Mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể	4	1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Vận dụng được các kiến	CLO 1,4, 5

	4. Nội dung chương trình		thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	
	Bài 3: Các chương trình vệ sinh môi trường 1. Biến đổi khí hậu và chương trình mục tiêu Quốc gia 1.1. Tác động của BĐKH đến toàn cầu 1.2. Tác động của BĐKH đến Việt Nam 1.3. Ứng phó với BĐKH 1.4. Chương trình mục tiêu Quốc gia BĐKH 2. Các Chương trình vệ sinh trường học 2.1. Chương trình Nha học đường 2.2. Chương trình VSMT 2.3. Chương trình Mắt học đường. 2.4. Chương trình phòng chống giun sán 2.5. Chương trình Phòng chống các bệnh truyền nhiễm gây dịch 2.6. Chương trình phòng chống sốt rét 2.7. Một số chương trình khác được triển khai	4	1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	CLO 1, 4, 5
	Bài 4: Chiến lược quốc gia phòng chống các bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 1. Quan điểm 2. Mục tiêu 3. Giải pháp thực hiện	8	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức	CLO 1, 2, 5

	Một số chương trình phòng chống các bệnh không lây nhiễm 1. Chương trình PC bệnh tăng huyết áp 1.1. Mục tiêu 1.2. Nội dung hoạt động 1.3. Quản lý THA tại cộng đồng 2. Chương trình PC bệnh đái tháo đường 2.1. Mục tiêu 2.2. Nội dung hoạt động 2.3. Quản lý ĐTĐ tại cộng đồng 3. Chương trình PC bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính 3.1. Mục tiêu 3.2. Nội dung hoạt động Quản lý COPD tại cộng đồng		các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	
	Bài 5: Các chương trình phòng chống bệnh truyền nhiễm 1. Một số quy định chung trong luật phòng chống bệnh truyền nhiễm 2. Chương trình tiêm chủng mở rộng 2.1. Mục đích 2.2. Nội dung của chương trình tiêm chủng mở rộng 3. Chương trình phòng chống sốt xuất huyết 3.8. Đặc điểm chung của bệnh sốt xuất huyết 3.9. Các biện pháp phòng chống sốt xuất huyết 4. Chương trình phòng chống bệnh	6	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	CLO 1, 3, 5

	dại 4.4. Đặc điểm chung của bệnh đại 2.5. Các biện pháp phòng chống bệnh dại			
	Bài 6: Các chương trình phòng chống và sàng lọc sớm ung thư 4. Các chương trình y tế quốc gia về phòng chống ung thư 1.5. Chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế giai đoạn 2011- 2015 1.6. Chương trình mục tiêu quốc gia ngành y tế giai đoạn 2016 - 2020 1.7. Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015 – 2025. 5. Đặc điểm bệnh ung thư và các bệnh không lây nhiễm 6. Các yếu tố nguy cơ của ung thư 3.10. Hút thuốc lá 3.11. Lạm dụng rượu 3.12. Dinh dưỡng không hợp lý 3.13. Ít vận động 7. Các hoạt động phòng chống ung thư tại Việt Nam 4.5. Hoạt động giám sát 4.6. Sàng lọc	4	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	CLO 1,2,5

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP

1	Quản lý, theo dõi và đánh giá dự án Xây dựng/ lập kế hoạch cho một chương trình y tế về dân số. Chiến lược quốc gia phòng chống các bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2025 Lập kế hoạch phòng chống ung thư Lập kế hoạch phòng chống tăng huyết áp, béo phì, hen phế quản, ... (bệnh mới nổi) Các chương trình phòng chống và sàng lọc sớm bệnh ung thư Lập kế hoạch phòng chống một số bệnh ung thư phổ biến (phổi, vú, đại tràng, dạ dày...) Chương trình an toàn lao động Lập Chương trình về phòng chống tai nạn lao động	4	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng.	CLO 1,2,5
2	Chiến lược Quốc gia phòng chống SDD trẻ em giai đoạn 2010-2020 tầm nhìn đến 2030 Lập kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em Các chương trình vệ sinh môi trường Lập kế hoạch phòng chống biến đổi khí hậu Lập kế hoạch phòng chống bệnh học đường	4	1. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 2. Nắm được hoạt động của các chương trình can thiệp về y tế tại địa bàn hoạt động chuyên môn. 3. Vận dụng được	CLO 1,4, 5

			các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng	
	Các chương trình phòng chống bệnh truyền nhiễm Lập kế hoạch xây dựng các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm đang lưu hành	4	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường và dinh dưỡng đến sức khỏe 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	CLO 1, 3, 5
	Bài 7 Chương trình quốc gia về an toàn-vệ sinh lao động	4	1. Vận dụng được các kiến thức về các chương trình y tế quốc gia trong thực hành chăm sóc sức	CLO 1,5

			khỏe cộng đồng 2. Lập kế hoạch, tổ chức các hoạt động sàng lọc các bệnh lây nhiễm và không lây nhiễm tại cộng đồng. 3. Đánh giá được nguy cơ môi trường đến sức khỏe người lao động 4. Đề xuất được các biện pháp dự phòng nguy cơ tại thời điểm học học phần	
--	--	--	--	--

V. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết : thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm
2. Thực hành : phân tích các chương trình, phân tích văn bản và làm bài báo cáo, thuyết trình báo cáo
3. Lâm sàng :

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết : bảng, phấn, máy chiếu, giấy A4
2. Thực hành : máy tính, máy chiếu
3. Lâm sàng :

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
------------------------	---------------------------	---------------------	---------------------------	--------------------------	--------------------------	--------------------

Đánh giá thực hành (ĐTH)	40%	1 bài viết	Kiểm tra viết		CLO 1,2,3,4,5	10
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Điểm danh hằng ngày	Điểm danh	Điểm danh hằng ngày Đi học đúng giờ Đảm bảo nội quy của bộ môn		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1 bài viết	Kiểm tra viết	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm	CLO 1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	40%	1 bài viết	Thi viết cải tiến	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 2.5 điểm, tổng 4 câu được 10 điểm	CLO 1,2,3,4,5	10

Công thức tính điểm:

$$\text{Điểm tổng kết môn học} = 0,1 * \text{chuyên cần} + 0,1 * \text{GHP} + 0,4 * \text{TH} + 0,4 * \text{CHP}$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5đ/ 2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5đ/ 1 tiết học
Đi muộn	0,5đ/ 1 lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Thủ tướng chính phủ (2015), Chiến lược quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015-2025
2. Bộ môn tổ chức y tế (2018), Giáo trình Tổ chức và quản lý y tế, Trường đại học Y Dược Thái Bình, (Lưu hành nội bộ).
3. Bộ môn Dịch tễ học (2013), Dịch tễ học, trường Đại học Y Dược Thái Bình (lưu hành nội bộ)
4. Bộ y tế - Viện dinh dưỡng (2012), Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà xuất bản y học.

2. Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Y tế (2015), Quyết định Số: 346/QĐ-BYT ngày 30/1/2015 về việc ban hành kế hoạch phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2015-2020.
2. Quản lý dự án, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.
3. Thủ tướng chính phủ (2019), đề án đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực cho trẻ em, học sinh, sinh viên để nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính giai đoạn 2018-2025
4. Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.
5. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm, Trường Đại học Y tế Công cộng, 2010.
6. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý y tế và chính sách y tế, NXB Y học
7. Ban quản lý dự án- Bộ Y tế. Cẩm nang quản lý chương trình dự án
8. Bộ Y tế, Vụ Khoa học Đào tạo, 2004, Xây dựng và triển khai các dự án y tế. Nhà xuất bản Y học.
9. A Guide to the Project Management Body of Knowledge. PMBOK® Guide. Third Edition.
10. Medical school Quenland University - Australia. Project Planning & design for Developing.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

2. Quy định điều kiện dự thi: Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Dự kiến	Dự kiến 05/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

BỘ MÔN/KHOA: Y TẾ CÔNG CỘNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: Một sức khỏe

Tên tiếng Việt: Một sức khỏe

Tên tiếng Anh: One health

Mã học phần: 3130ONEHLT1T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính.**1. Thông tin chung:**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): 1/1 Số tiết Lý thuyết: 15 Thảo luận : Số giờ tự học: 35 Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: 32 Thảo luận: Số giờ tự học: 18	
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): 2 Giữa học phần: 1 Kết thúc học phần: 1	
Học phần học trước:	

Học phần tiên quyết:	Dịch tễ học cơ sở và Vi sinh
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa Y tế công cộng

2. Mô tả chung về học phần:

Môn Một sức khỏe/One health là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ bác sĩ chuyên ngành Y học dự phòng

Học phần/module Một sức khỏe/One health thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy - học ở kỳ học 12 của CTĐT. Học phần/module này sẽ cung cấp cho sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng những khái niệm liên quan tới cách tiếp cận Một sức khỏe đối với các bệnh truyền lây giữa động vật và người, kiến thức về ứng dụng phương pháp tư duy hệ thống để giải quyết vấn đề trên cơ sở cân nhắc các yếu tố văn hóa đặc thù. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là học lý thuyết trên lớp, thảo luận nhóm, nghiên cứu và nêu vấn đề. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm viết chuyên đề và báo cáo chuyên đề. Học phần/module này đóng góp vào chuẩn đầu ra mức độ cao của chương trình đào tạo.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	tuctbmc@gmail.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Đức Thanh	PGS.TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Tham gia
4.	Trần Thị Thu Hà	BS CKII	0989535028	hatlyd@gmail.com	Tham gia
5.	Nguyễn Hữu Ngự	TS	0988347506	huunguytb@gmail.com	Tham gia
6.	Đặng Thị Thu Ngà	ThS	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Xác định được nguyên lý hệ sinh thái và mối liên quan của hệ sinh thái đến sức khỏe con người và sức khỏe động vật	PEO 1, PEO2
2.	Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa	PEO 1, PEO 2

	động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở	
3.	Trình bày được một số đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, đường lây truyền và kỹ thuật xét nghiệm cơ bản xét nghiệm cơ bản xác định nhanh căn nguyên vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng trong Một sức khỏe	PEO 1, PEO 2, PEO 3
4.	Xác định các thành phần chính trong tư duy hệ thống và giải thích sự kết hợp giữa các thành phần này để giải quyết các vấn đề Một sức khỏe	PEO3, PEO 4, PEO 5
5.	Hiểu được vai trò của chính sách và phân tích chính sách liên quan đến Một sức khỏe	PEO2, PEO3
6.	Xác định các yếu tố văn hóa trong xây dựng các chương trình Y tế dự phòng	PEO 5
7.	Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật	PEO 1, PEO 2, PEO 3, PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng được các kiến thức về Một sức khỏe trong giải quyết các vấn đề sức khỏe của con người mà ở đó có sự liên quan đến sức khỏe vật nuôi và sức khỏe môi trường.	S: PLO 1,2 H: PLO 3, 5, 13
2.	Thực hiện được kỹ năng lập kế hoạch tổ chức đoàn chuyên gia một sức khỏe để điều tra xác định một	S: PLO 1, 2 H: PLO 3, 5, 7, 8, 13, 14

	vấn đề sức khỏe cộng đồng, lập kế hoạch vật tư, trang thiết bị và kinh phí cho đoàn chuyên gia.	
3.	Xây dựng được sơ đồ giải pháp giải quyết vấn đề sức khỏe	S: PLO 1 H: PLO 2, 3, 4
4.	Xác định được các yếu tố nguy cơ và phân tích nguy cơ trong bệnh truyền nhiễm	S: PLO 5 H: PLO 7
5.	Nhận thức được cách tiếp cận một sức khỏe là cách tiếp cận toàn diện trong giải quyết các vấn đề sức khỏe liên quan đến các bệnh truyền lây giữa động vật và con người.	S: PLO 1, 2 H: PLO 10, 11, 13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: 7. Tổng quan và các khái niệm cơ bản về Một sức khỏe 1.1. Khái niệm và lịch sử tiếp cận 1.2. Các năng lực cơ bản của cách tiếp cận « Một sức khỏe » 1.3. Ứng dụng của phương pháp tiến cận « Một sức khỏe » trong y học dự phòng. 8. Sức khỏe hệ sinh thái 2.13. Nguyên lý cơ bản của sức khỏe hệ sinh thái liên quan đến sức khỏe con người và sức khỏe động vật	4	Xác định được nguyên lý hệ sinh thái và mối liên quan của hệ sinh thái đến sức khỏe con người và sức khỏe động vật	CLO 1

	2.14. Mối tương quan qua lại giữa sức khỏe con người, sức khỏe động vật và sức khỏe hệ sinh thái 2.15. Biến đổi khí hậu và sức khỏe con người, vật nuôi. 9. Tư duy hệ thống và Một sức khỏe 3.1. Khái niệm và vai trò của tư duy hệ thống 3.2. Sơ đồ hóa các giải pháp giải quyết vấn đề Một sức khỏe theo phương pháp tư duy hệ thống			
2	Bài 2: Tác nhân gây bệnh truyền nhiễm và các kỹ thuật cơ bản chẩn đoán nhanh tại cộng đồng trong Một sức khỏe 10. Một số đặc điểm sinh học chính, khả năng gây bệnh, đường lây truyền của các căn nguyên VSV gây bệnh truyền nhiễm a. Căn nguyên gây bệnh đường tiêu hóa b. Căn nguyên gây bệnh đường hô hấp c. Căn nguyên gây bệnh đường máu 11. Nguyên tắc và ứng dụng của một số kỹ thuật xét nghiệm cơ bản xác định nhanh tại cộng đồng	2	Trình bày được một số đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, đường lây truyền và kỹ thuật xét nghiệm cơ bản xét nghiệm cơ bản xác định nhanh căn nguyên vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng trong Một sức khỏe	CLO 1
3	Bài 3 : Bệnh lây truyền giữa động vật và người 3. Đại cương về bệnh truyền lây giữa động vật và người 1.1. Định nghĩa và lịch sử	2	Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận	CLO 1

	tên gọi bệnh truyền lây giữa động vật và người 1.2. Phân loại các bệnh truyền lây giữa động vật và người 4. Một số bệnh truyền lây giữa động vật và người 2.8. Bệnh dại 2.9. Bệnh cúm gia cầm 2.10. Bệnh xoắn khuẩn 2.11. Bệnh liên cầu ở lợn 2.12. Bệnh than 2.13. Bệnh sán lá gan lớn		dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở	
4	Bài 4: Phân tích nguy cơ và quản lý các bệnh truyền nhiễm 1. Khái niệm cơ bản về dây truyền dịch và các yếu tố nguy cơ 1.1. Phân loại dịch 1.2. Động lực bên trong 1.3. Động lực bên ngoài 2. Khái niệm về phân tích nguy cơ và đánh giá nguy cơ hướng tới Một sức khỏe 2.1. Phân tích nguy cơ 2.2. Đánh giá nguy cơ 3. Các yếu tố nguy cơ liên quan tới đường lây truyền, mắt xích dịch tễ và mô hình lây truyền 4. Các bước trong quản lý nguy cơ bùng phát một vụ dịch	2	Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật	CLO 1, 4
5	Bài 5: Các chính sách liên quan đến Một	2	Hiểu được vai trò	CLO 5

	sức khỏe – kinh tế Một sức khỏe 1. Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe 1.1. Một số điều lệ, chiến lược liên quan đến Một sức khỏe do cơ quan quốc tế ban hành 1.2. Phân tích một số chính sách, các quy định, điều lệ, hướng dẫn liên quan đến Một sức khỏe do cơ quan quốc tế ban hành. 1.3. Phân tích một chính sách cụ thể 2. Kinh tế Một sức khỏe 2.3. Nhắc lại một số khái niệm cơ bản về kinh tế 2.4. Các yếu tố về môi trường tạo điều kiện cho những vấn đề sức khỏe 2.5. Logic kinh tế của đầu tư vào một sức khỏe Hậu quả và hiệu suất từ Một sức khỏe		của chính sách và phân tích chính sách liên quan đến Một sức khỏe	
6	Bài 6: Nội dung 1. Các yếu tố văn hóa và Một sức khỏe 1. Khái niệm văn hóa 1.2. Các khái niệm cơ bản về văn hóa liên quan đến môi trường và sức khỏe 1.2.1. Văn hóa là cách con người thích nghi với môi trường (Nanda & Warms) 1.2.2. Khoa học, công nghệ và sự thích 1.2.3. Văn hóa là hệ thống các chuẩn mực và giá trị	3	Xác định các yếu tố văn hóa trong xây dựng các chương trình Y tế dự phòng	CLO 5

1.2.4. Niềm tin và quan niệm về sức khỏe, nguyên nhân bệnh tật từ góc độ văn hóa 2. Quan niệm và hành vi của con người đối với môi trường thuộc các nền văn hóa khác nhau 2.1. Môi trường, sự sống và văn hóa 2.1.1. Mối liên quan giữa môi trường và sự đa dạng văn hóa 2.1.2. Chiến lược sinh tồn và thích ứng với môi trường 2.1.3. Thiên tai và các yếu tố tâm linh thần thánh 2.2. Quan niệm âm dương ngũ hành của người châu Á 2.3. Quan niệm, niềm tin và thái độ đối với động vật thuộc các nền văn hóa khác nhau 2.3.1. Bò (trâu) trong các nền văn hóa khác nhau 2.3.2. Gà và các mục đích sử dụng gà 2.3.3. Lợn và thịt lợn 2.3.4. Chó và quan niệm khác biệt văn hóa Đông - Tây 2.4. Quan niệm về tác hại, tác dụng của cây cối 3. Một số thói quen, tập quán của Việt nam và vấn đề “Một sức khỏe” 3.1. Thói quen ăn uống 3.1.1. Ăn gỏi cá (cá sống) 3.1.2. Ăn tiết canh: 3.1.3. Văn hóa ăn uống đường phố (ảnh hưởng và bị ảnh hưởng môi trường) 3.2. Thói quen sử dụng thuốc bảo vệ thực			
--	--	--	--

	vật trong nông nghiệp 3.3. Thói quen nhốt giữ vật nuôi gần nhà ở 3.4. Thói quen không dùng nhà vệ sinh và sử dụng chất thải tươi trong trồng trọt 3.5. Vai trò giới và ‘một sức khỏe’ 3.5.1. Vai trò giới và sự phân công lao động: 3.5.2. Ai hay ăn đồ có nguy cơ bị bệnh? 3.5.3. Những thực phẩm bổ dương, bổ âm theo quan niệm dân gian: 4. Xây dựng các chương trình can thiệp sức khỏe (dự phòng) cân nhắc yếu tố văn hóa Nội dung 2. Kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác trong cách tiếp cận Một sức khỏe 2.1. Khái niệm về nhóm và nhóm làm việc vì một sức khỏe 2.1.1. Khái niệm nhóm 2.1.2. Khái niệm nhóm làm việc vì một sức khỏe 2.1.3. Mục đích của làm việc nhóm 2.2. Quá trình nhóm làm việc vì một sức khỏe 2.2.1. Các thành phần tham gia nhóm làm việc 2.2.2. Quá trình nhóm 2.2.3. Các vai trò trong nhóm 2.3. Một số đặc điểm của nhóm làm việc hiệu quả			
7	Bài 7 : Phân tích nguy cơ và quản lý một	2	Có kiến thức	CLO 1, 2,

	số bệnh lây truyền giữa người và động vật 1. Thu thập thông tin về vấn đề Một sức khỏe tại cộng đồng 1.1.Xác định thông tin, số liệu cần thu thập 1.2.Xác định kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin 1.3.Cách xác định vấn đề: Một sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng 2. Xác định vấn đề Một sức khỏe và lựa chọn một sức khỏe ưu tiên dựa trên các thông tin đã thu thập 2.1.Cách xác định một vấn đề sức khỏe tại cộng đồng 2.2. Cách xác định một vấn đề sức khỏe ưu tiên tại cộng đồng		chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở Xác định các thành phần chính trong tư duy hệ thống và giải thích sự kết hợp giữa các thành phần này để giải quyết các vấn đề Một sức khỏe Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật	3, 4, 5
--	---	--	--	---------

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài thực hành 1: 1. Sức khỏe hệ sinh thái Nghiên cứu một trường hợp, phân tích mối quan hệ qua lại giữa sức khỏe hệ sinh thái,	6	Xác định được nguyên lý hệ sinh thái và mối liên quan của hệ sinh thái đến sức khỏe	CLO 1

	sức khỏe vật nuôi và sức khỏe con người 2. Tư duy hệ thống và Một sức khỏe Nghiên cứu một trường hợp cụ thể để áp dụng tư duy hệ thống trong giải quyết vấn đề.		con người và sức khỏe động vật	
2	Bài thực hành 2: Thực hành Case study về một số bệnh truyền nhiễm và hướng giải quyết theo phương thức tiếp cận Một sức khỏe 1. Case study về bệnh Đại 2. Case study về bệnh Zika virus Sinh viên chia nhóm thực hành	6	Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở	CLO 1
3	Bài thực hành 3 : Bệnh lây truyền giữa động vật và người 1. Bài tập tình huống về bệnh dại 1.1. Phân tích các tình huống xử trí khi bị phơi nhiễm (động vật cắn) 1.2. Phân tích các giải pháp Một sức khỏe trong phòng chống bệnh dại 2. Bài tập tình huống về bệnh cúm gia cầm 2.1. Phân tích dịch tễ, biểu hiện ở động vật trong bệnh cúm gia cầm Phân tích các giải pháp Một sức khỏe trong phòng chống bệnh cúm	6	Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở	CLO 1

	gia cầm			
4	Bài thực hành 4: Phân tích nguy cơ và quản lý các bệnh truyền nhiễm - Bài tập tình huống 1 - Phân tích nguy cơ - Đề xuất các biện pháp quản lý - Bài tập tình huống 2 - Phân tích nguy cơ - Đề xuất các biện pháp quản lý	6	Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật	CLO 1, 4
5	Bài thực hành 5: Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe – kinh tế Một sức khỏe - Các chính sách liên quan đến Một sức khỏe : Sử dụng phương pháp phân tích SWOT để phân tích 1 số nghị định, thông tư, quyết định có liên quan đến một sức khỏe - Kinh tế Một sức khỏe : Xác định chi phí can thiệp trên cách tiếp cận MSK	4	Hiểu được vai trò của chính sách và phân tích chính sách liên quan đến Một sức khỏe	CLO 5
6	Bài thực hành 6: Các yếu tố văn hóa và Một sức khỏe - Giới thiệu bài tập tình huống, hướng dẫn làm việc nhóm - Làm việc theo nhóm nhỏ - Trình bày kết quả làm việc nhóm và thảo luận chung	6	Xác định các yếu tố văn hóa trong xây dựng các chương trình Y tế dự phòng	CLO 5

7	Bài thực hành 7 : Xác định và đề xuất giải pháp giải quyết một vấn đề sức khỏe cụ thể 1. Xác định mục tiêu 2. Xác định các giải pháp giải quyết một VD SK cụ thể 3. Xác định các hoạt động cụ thể 4. Kế hoạch về thời gian, nhân lực, tài chính	6	Có kiến thức chung về bệnh lây truyền giữa động vật - người, và có khả năng vận dụng trong chương trình vì một sức khỏe tại cơ sở Xác định các thành phần chính trong tư duy hệ thống và giải thích sự kết hợp giữa các thành phần này để giải quyết các vấn đề Một sức khỏe Có kiến thức và kỹ năng trong quản lý một số bệnh lây truyền giữa người và động vật	CLO 1, 2, 3, 4, 5
---	--	---	--	-------------------

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Thuyết trình, Thảo luận nhóm
2. Thực hành: Thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:
2. Thực hành:
3. Lâm sàng:

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	Điểm danh hằng ngày				10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1 bài viết	Kiểm tra viết	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác được 5 điểm, tổng 2 câu được 10 điểm	CLO 1,2,3	10
Điểm thực hành (ĐTH)	40%	1 bài báo cáo	Báo cáo case study		CLO 1,2,3,4, 5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	40%	1 bài chuyên đề		- Nội dung đầy đủ, phù hợp theo yêu cầu - Hình thức rõ ràng mạch lạc - Báo cáo tự tin	CLO 1,2,3,4, 5	10

Công thức tính điểm:

Điểm tổng kết môn học = 0,1 * chuyên cần + 0,1 * GHP + 0,4 * TH + 0,4 * CHP

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	Học bù

Nghỉ học không phép	Nghỉ thi
Đi muộn	0.5

Rubric 2: Văn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời được	Trả lời không hết các câu hỏi	Trả lời hết các câu hỏi nhưng còn nhiều sai sót	Trả lời hết các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Trả lời hết các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Nguyễn Đức Hình, Lê Thị Hương (2015), Một sức khỏe trong Y học dự phòng và Y tế công cộng
1. Nguyễn Đức Thanh (2015). Giáo trình Kinh tế Y tế (Sách đào tạo Sau đại học), Bộ môn Tổ chức và Quản lý Y tế, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, (Lưu hành nội bộ)
2. Trường Đại học Y tế công cộng (2012). Khái niệm cơ bản về Kinh tế y tế & Tài chính y tế, Nhà xuất bản lao động xã hội.
3. WHO (2003), climate change and human health, risk and response https://iris.who.int/bitstream/handle/10665/42742/924156248X_eng.pdf?sequence=1
4. Bộ tài nguyên môi trường (2009), Kịch bản biến đổi khí hậu, nước biển dâng cho Việt Nam
5. WHO (2009), Dịch tễ học cơ bản (bản dịch)

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Quy định với sinh viên:**

1. Nhiệm vụ của sinh viên: Tham gia tối thiểu 80% các buổi học lý thuyết, nếu có lý do thì sẽ được học bù. Bù đủ sẽ được xem xét duyệt thi.

2. Quy định điều kiện dự thi: Được đánh giá văn cứ vào việc tham dự đầy đủ các buổi học, đúng giờ. Mặc định điểm chuyên cần học phần là 10 điểm, sau đó trừ dần số điểm theo số lần vi phạm. Điểm chuyên cần thấp nhất là 0 điểm, cụ thể như sau:

- Vắng không có lý do: trừ 0,5 điểm/ tiết học
- Vắng có lý do hợp lệ (có phép): trừ 0,25 điểm/ tiết học (ngoại trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường điều động...)
- Đi học muộn: trừ 0,5 điểm/lần (nếu muộn quá 15' thì sẽ tính không lý do)

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Dự kiến	05/ 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Sức khỏe môi trường 3

Tên tiếng anh: Environmental Health 3

Mã số học phần: 3130ENVHLT3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	4
Số tiết Lý thuyết:	44
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	106 tiết
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	34 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1

Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sức khỏe môi trường 1, 2.
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Sức khỏe nghề nghiệp, sức khỏe lứa tuổi
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Học phần Sức khỏe môi trường 3 là môn học giúp sinh viên phân tích, nhận thức được những ảnh hưởng của môi trường đến sức khỏe con người và đời sống sinh vật. Học phần SKMT 3 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức phân tích, đánh giá tác động môi trường. Áp dụng vào thực tiễn đưa ra các giải pháp phòng chống, giảm thiểu các yếu tố ảnh hưởng không tốt tới môi trường và sức khỏe

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
3.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
4.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia
5.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia
6.	Đặng Thị Thu Nga	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia
7.	Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham gia
8.	Nguyễn Thị	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongytb@	Tham

	Thanh Phương			gmail.com	gia
9.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongytb@gmail.co m	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Phân tích, đánh giá được tác động của môi trường tới sức khỏe con người	PEO: 2,3
2.	Có khả năng nghiên cứu khoa học đưa ra các giải pháp giảm thiểu các yếu tố ô nhiễm môi trường và nâng cao sức khỏe của con người	PEO: 1,2,3,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích đánh giá được điều kiện vệ sinh môi trường	S: H/PLO: 4, 13
2.	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích được các yếu tố nguy cơ và đề xuất được các biện pháp can thiệp cung cấp môi trường chăm sóc an toàn và quản lý được các nguy cơ	S: H/PLO 4,5,7,8, 13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Yếu tố khí tượng tác dụng lên cơ thể con người 1. Những yếu tố khí tượng tác dụng	4	1. Trình bày được yếu tố khí tượng tác dụng lên cơ thể con người 2. Trình bày được sự	CLO: 1

	lên cơ thể con người về mặt vệ sinh 2. Sinh khí tượng và sự thích ứng của cơ thể trong môi trường nóng ẩm 3. Sự thích nghi của người Việt Nam với nóng ẩm		thích ứng của cơ thể trong môi trường nóng ẩm	
2	Bài 2. Sinh thái đô thị 1. Quản lý môi trường đô thị * Các vấn đề môi trường đô thị * Quản lý chất thải rắn đô thị * Quản lý môi trường đô thị trên các nước Đông Nam Á * Môi trường đô thị ở Việt Nam 2. Đô thị sinh thái * Một số vấn đề cơ bản sinh thái đô thị * Sinh thái đô thị và phát triển bền vững * Xây dựng nhà ở sinh thái * Thực trạng nhà ở hiện nay	4	1. Trình bày được quản lý môi trường đô thị 2. Trình bày được đô thị sinh thái và nhà ở sinh thái	CLO: 1
3	Bài 3: Bảo vệ sức khỏe môi trường 1. Thực trạng ô nhiễm đất và nước 2. Nguy cơ từ môi trường đất, nước lên sức khỏe 3. Các bệnh liên quan đến nước và vệ sinh môi trường	4	1. Trình bày được nguy cơ từ môi trường lên sức khỏe con người 2. Phân tích được các yếu tố nguy cơ môi trường và đưa ra giải pháp dự phòng	CLO: 1,2

4	Bài 4. Can thiệp môi trường 1. Chiến lược phòng chống môi trường 2. Đánh giá hiệu quả một số giải pháp cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường 3. Những giải pháp can thiệp vào môi trường đất – nước 4. Bảo vệ môi trường cộng đồng 5. Phát triển môi trường bền vững	4	1. Trình bày được các chiến lược phòng chống ô nhiễm môi trường 2. Trình bày được các biện pháp can thiệp môi trường 3. Trình bày được phát triển môi trường bền vững	CLO: 2
----------	---	----------	---	-----------

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1: Tài liệu tham khảo 1. Lý thuyết 2. Thực hành	8	1. Tìm tài liệu tham khảo từ các trang tạp chí, web 2. Biết cách chèn và trích dẫn tài liệu trong các báo cáo	CLO: 1,2
2	Bài 2: Tổng hợp các nghiên cứu 1. Lý thuyết 2. Thực hành	8	1. Đọc các tài liệu NCKH 2. Tổng hợp vấn đề khoa học từ các nghiên cứu đã có	CLO: 1,2

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác	CLO: 1	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,4	1	Bộ câu hỏi	Xây dựng được thiết kế điều tra	CLO: 1,2	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả lời câu hỏi	CLO: 1, 2	10

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{Đ.HP=ĐCCx0,1+ĐGHPx0,1+ĐTHx0,4+ ĐKTHPx0,4}$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được hoặc giải một số câu hỏi còn sai sót	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo*1. Tài liệu học tập*

- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), *Sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản giáo dục
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), *Y học lao động và bệnh nghề nghiệp*, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), *Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn*, Nhà xuất bản Y học.
2. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), *Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe*, Nhà xuất bản y học.
3. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), *Bảo vệ sức khỏe môi trường*, Nhà xuất bản y học.
4. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

5. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

7. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	Năm 2021	
2.	Dự kiến lần 2	Năm 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
Khoa: Y tế công cộng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Thực tập cộng đồng 1

Tên tiếng anh: Community internship 1

Mã số học phần: 3120COMPRT1P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☒ Cơ sở ngành ☐ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	2 60 tiết 40 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1

Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sức khoẻ môi trường ¹ , Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP, XHHSK
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa y tế công cộng

2. Mô tả học phần

Học phần thực tập cộng đồng 1 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khoẻ cho người dân tại cơ sở y tế tuyến xã. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT và XHHSK về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

* **Cán bộ phụ trách** : PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 -vuphongtuc@yahoo.com

* **Cán bộ giảng dạy**: Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế.	PEO: 1
2.	Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương	PEO: 2,3
3.	Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương	PEO: 2

4.	Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã	PEO: 4
----	---	--------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng	S: H/PLO: 2,5
2.	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người dân	S: H/PLO: 4,7,13

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Tổ chức quản lý y tế 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một	CLO: 1,2

			số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
2	Bài 2 : Dịch tễ học 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã.	CLO: 1,2

			5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng.	
3	Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	CLO: 1,2
4	Bài 4: Sức khỏe môi trường 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc	CLO: 1,2

			gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
5	Bài 5: Xã hội học sức khỏe 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết	CLO: 1,2

			qua thực tập tại cộng đồng	
--	--	--	----------------------------	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		3
Điểm hoàn thành môn học (ĐTHMH)	1	-	Viết bài truyền thông, báo cáo tuần	Có bài truyền thông được phát thanh. Có báo cáo công việc từng tuần	CLO: 1,2	2

Điểm viết báo cáo thu hoạch (ĐBC)	1	1	Báo cáo	Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn	CLO: 1,2	3
Điểm hỏi vấn đáp (ĐVD)	1	-	Trả lời câu hỏi	TRẢ LỜI được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi	CLO: 1,2	2

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{\text{Đ.HP} = \text{ĐCC} + \text{ĐHTMH} + \text{ĐBC} + \text{ĐVD}}$$

Rubric 1: Chuyên cần: 3 điểm

Tiêu chí	Đánh giá	Điểm trừ
Không vắng, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ	Rất tốt	0
Nghỉ học có phép, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ		0,25 điểm (có bù)
Đi muộn, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ		0,25 điểm/2 lần
Nghỉ học không phép		Không duyệt thi

Rubric 2: Hoàn thành môn học: 2 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định				
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-0,5)	Điểm (0,5-1,0)	Điểm (1,0- 1,5)	Điểm (1,5-2,0)
Nội dung cần có	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao,	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông,	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông, có quan hệ tốt với đồng nghiệp	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông, tư vấn sức khỏe và có quan hệ tốt với

				đồng nghiệp và nhân dân
--	--	--	--	-------------------------

Rubric 3: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định				
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-0,5)	Điểm (0,5-1,0)	Điểm (1,0- 1,5)	Điểm (1,5-2,0)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo*1. Tài liệu học tập*

1. Ban chỉ đạo TTCD (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình
2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.
3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.
4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục
5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiền, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.
4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.

5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.

6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.

7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles

8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.

9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.

10. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.

11. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

12. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btntmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành
- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	Năm 2021	
2.	Dự kiến lần 2	Năm 2023	
3.			

4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
Khoa: Y tế công cộng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Thực tập cộng đồng 2

Tên tiếng anh: Community internship 2

Mã số học phần: 3130COMPRT2P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	 60 tiết 40 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1

Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sức khoẻ môi trường, Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	Các môn lâm sàng
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa y tế công cộng

2. Mô tả học phần

Học phần thực tập cộng đồng 2 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khoẻ cho người dân tại cơ sở y tế tuyến huyện. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT, XHHSK và các bộ môn lâm sàng về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

* **Cán bộ phụ trách** : PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 -vuphongtuc@yahoo.com

* **Cán bộ giảng dạy**: Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến huyện theo quy định của ngành y tế.	PEO: 2
2.	Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương	PEO: 3,4
3.	Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương	PEO: 2,4

4.	Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của trung tâm y tế huyện và bệnh viện huyện	PEO: 4,5
----	--	----------

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng	S: H/PLO: 2
2.	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người dân	S: H/PLO: 3,4,5,7
3.	CLO 3. Thực hiện được nghiên cứu khoa học, đưa ra được các giải pháp nâng cao sức khỏe cho người dân	S: H/PLO: 4, 8

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
1	Bài 1: Tổ chức quản lý y tế 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của	CLO: 1,2,3

	chủ đề		ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
2	Bài 2 : Dịch tễ học 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền	CLO: 1,2,3

			thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng.	
3	Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	CLO: 1,2,3

4	Bài 4: Sức khỏe môi trường 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	CLO: 1,2,3
5	Bài 5: Chủ đề Nội 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa	CLO: 1,2,3

			chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
6	Bài 6: Chủ đề Ngoại 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	CLO: 1,2,3
7	Bài 7: Chủ đề Sản	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách,	CLO:

	1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề		nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	1,2,3
8	Bài 8: Chủ đề Nhi 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập	CLO: 1,2,3

			kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	
9	Bài 9: Chủ đề Chấn thương 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	CLO: 1,2,3

III. Phương pháp dạy/học

1. *Lý thuyết:*

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. *Thực hành:*

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. *Lý thuyết:*

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa

- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. *Thực hành:*

- Giáo trình, dụng cụ

- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10

- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		3
Điểm hoàn thành môn học (ĐTHMH)	1	-	Viết bài truyền thông, báo cáo tuần	Có bài truyền thông được phát thanh. Có báo cáo công việc từng tuần	CLO: 1,2,3	2
Điểm viết báo cáo thu hoạch (ĐBC)	1	1	Báo cáo	Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn	CLO: 1,2,3	3

Điểm hỏi vấn đáp (ĐVĐ)	1	-	Trả lời câu hỏi	Trả lời được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi	CLO: 1,2,3	2
---------------------------	---	---	--------------------	--	---------------	---

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{\text{Đ.HP} = \text{ĐCC} + \text{ĐHTMH} + \text{ĐBC} + \text{ĐVĐ}}$$

Rubric 1: Chuyên cần: 3 điểm

Tiêu chí	Đánh giá	Điểm trừ
Không vắng, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ	Rất tốt	0
Nghỉ học có phép, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ		0,25 điểm (có bù)
Đi muộn, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ		0,25 điểm/2 lần
Nghỉ học không phép		Không duyệt thi

Rubric 2: Hoàn thành môn học: 2 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định				
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-0,5)	Điểm (0,5-1,0)	Điểm (1,0- 1,5)	Điểm (1,5-2,0)
Nội dung cần có	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao,	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông,	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông, có quan hệ tốt với đồng nghiep	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông, tư vấn sức khỏe và có quan hệ tốt với đồng nghiệp và nhân dân

Rubric 3: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định				
Tiêu chí	Điểm	Điểm	Điểm	Điểm

đánh giá	(0-0,5)	(0,5-1,0)	(1,0- 1,5)	(1,5-2,0)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Ban chỉ đạo TTCĐ (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình
2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.
3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.
4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục
5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiền, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.
4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.
5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.
6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.
7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles

8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.

9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.

10 .Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.

11. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>

12. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành
- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	Năm 2021	
2.	Dự kiến lần 2	Năm 2023	
3.			
4.			
5.			

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

THÁI BÌNH

Khoa: Y tế công cộng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN****Năm: 2021**

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Thực tập cộng đồng 3

Tên tiếng anh: Community internship 3

Mã số học phần: 3130COMPRT3P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính**1. Thông tin chung**

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	60 tiết

Thảo luận: Số giờ tự học:	40 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	1/1 1 1
Học phần học trước:	Sức khoẻ môi trường ¹ , Dịch tễ học, TCQLYT, DD&ATTP
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Khoa y tế công cộng

2. Mô tả học phần

Học phần thực tập cộng đồng 3 sinh viên tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khỏe cho người dân tại cơ sở y tế tuyến tỉnh. Học tập môn học này sinh viên tiếp cận các chủ đề của các bộ môn Dịch tễ học, DD & ATVSTP, SKMT, TCQLYT và XHHSK về phòng chống dịch bệnh cho người dân và vệ sinh môi trường. Tiếp cận khi có dịch bệnh xảy ra tại địa phương

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

* **Cán bộ phụ trách** : PGS.TS. Vũ Phong Túc – 0978626648 -vuphongtuc@yahoo.com

* **Cán bộ giảng dạy**: Cán bộ giảng viên khoa Y tế công cộng

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến Tỉnh theo quy định của ngành y tế.	PEO: 1
2.	Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe (một số bệnh có tỷ lệ hiện mắc, tử vong cao thường gặp) và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương	PEO: 2,3

3.	Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương	PEO: 3,4
4.	Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VĐSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã	PEO: 4,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được đặc điểm của các chương trình dự phòng tại cộng đồng	S: H/PLO: 2
2.	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường với sức khỏe, phòng chống dịch bệnh và tư vấn được cho cộng đồng về chăm sóc sức khỏe cho người dân	S: H/PLO: 3,4,5,7
3.	CLO 3. Thực hiện được nghiên cứu khoa học, đưa ra được các giải pháp nâng cao sức khỏe cho người dân	S: H/PLO: 4, 8

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR HP
-----	---------	---------	------------------	--------

1	Bài 1: Tổ chức quản lý y tế 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	CLO: 1,2,3
2	Bài 2 : Dịch tễ học 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa	CLO: 1,2,3

			chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng.	
3	Bài 3 : Dinh dưỡng An toàn thực phẩm 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	CLO: 1,2,3

4	Bài 4: Sức khỏe môi trường 1. Các vấn đề sức khỏe liên quan tổ chức quản lý y tế 2. Hướng dẫn học tập các chủ đề	4	1. Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của y tế tuyến cơ sở theo quy định của ngành y tế. 2. Thu thập, phân tích và xử lý các thông tin cơ bản về tình hình sức khỏe và kết quả hoạt động của một số chương trình mục tiêu y tế quốc gia đang triển khai tại địa phương. 3. Xác định vấn đề sức khỏe và lựa chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên. Lập kế hoạch giải quyết vấn đề sức khỏe ưu tiên tại địa phương. 4. Thực hiện các kỹ năng truyền thông tư vấn cho cộng đồng các VDSK. Nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử và tham gia vào các hoạt động của Trạm y tế xã. 5. Viết được bản báo cáo các kết quả thực tập tại cộng đồng	CLO: 1,2,3
---	---	---	--	---------------

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa

- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ
- Sơ đồ mẫu

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		3
Điểm hoàn thành môn học (ĐTHMH)	1	-	Viết bài truyền thông, báo cáo tuần	Có bài truyền thông được phát thanh. Có báo cáo công việc từng tuần	CLO: 1,2,3	2
Điểm viết báo cáo thu hoạch (ĐBC)	1	1	Báo cáo	Viết được báo cáo đầy đủ các phần được hướng dẫn	CLO: 1,2,3	3
Điểm hỏi vấn đáp (ĐVĐ)	1	-	Trả lời câu hỏi	TRẢ LỜI được các câu hỏi của bộ môn hỏi thi	CLO: 1,2,3	2

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{Đ.HP = ĐCC + ĐTHMH + ĐBC + ĐVĐ}$$

Rubric 1: Chuyên cần: 3 điểm

Tiêu chí	Đánh giá	Điểm trừ
----------	----------	----------

Không vắng, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ	Rất tốt	0
Nghỉ học có phép, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ		0,25 điểm (có bù)
Đi muộn, đầy đủ báo cáo tuần, ghi chép nhật ký đầy đủ		0,25 điểm/2 lần
Nghỉ học không phép		Không duyệt thi

Rubric 2: Hoàn thành môn học: 2 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định				
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-0,5)	Điểm (0,5-1,0)	Điểm (1,0- 1,5)	Điểm (1,5-2,0)
Nội dung cần có	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao,	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông,	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông, có quan hệ tốt với đồng nghiệp	Đi học đầy đủ, hoàn thành báo cáo được giao, có bài truyền thông, tư vấn sức khỏe và có quan hệ tốt với đồng nghiệp và nhân dân

Rubric 3: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định				
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-0,5)	Điểm (0,5-1,0)	Điểm (1,0- 1,5)	Điểm (1,5-2,0)
Nội dung câu hỏi	Không trả lời hoặc trả lời câu hỏi còn sai sót	Trả lời chưa hết các câu hỏi	Trả lời đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót	Trả lời đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

1. Ban chỉ đạo TTCĐ (2022), Hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch học tập tại cộng đồng, trường Đại học Y Dược Thái Bình
2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học.
3. Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2014), Sức khỏe lứa tuổi, Nhà xuất bản Y học - Hà Nội.
4. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2014), Sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản giáo dục
5. Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Y tế (2007), Thực hành cộng đồng (sách đào tạo bác sỹ đa khoa), chủ biên: PGS.TS. Nguyễn Thị Thu, PGS.TS. Nguyễn Trần Hiền, Nhà xuất bản Y học.
2. Bộ Y tế (2006), Tổ chức, quản lý và chính sách Y tế, Nhà xuất bản Y học.
3. Viện dinh dưỡng (2012), Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học, tr 57-75.
4. Viện dinh dưỡng (2015), Hướng dẫn thực hành dinh dưỡng ở cộng đồng, Nhà xuất bản Y học.
5. Viện dinh dưỡng (2017), Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của người Việt Nam, Nhà xuất bản Y học.
6. WHO (2019), Nutritional rickets: a review of disease burden, causes, diagnosis, prevention and treatment.
7. WHO (2019), Sustainable healthy diets - guiding principles
8. Đào Ngọc Phong và cộng sự (2012), Sinh thái - môi trường – nhà ở trong xây dựng đô thị và nông thôn, Nhà xuất bản Y học.
9. Trường Đại học Y dược Thái Bình (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản y học.
10. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản y học.
11. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-01-1-2018-byt-chat-luong-nuoc-sach-su-dung-cho-sinh-hoat>
12. <https://vanbanphapluat.co/qcvn-05-2013-btnmt-chat-luong-khong-khi-xung-quanh>

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 100% thời lượng học tập thực hành
- Vắng 1 buổi thực hành có lý do, Khoa YTCC sẽ tổ chức học bù vào chủ nhật, sau khi hoàn thành mới duyệt thi thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, Không được duyệt thi cùng lớp và phải học lại cùng đợt sau

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	Năm 2021	
2.	Dự kiến lần 2	Năm 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
Khoa: Y tế công cộng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Thực tập tốt nghiệp

Tên tiếng Anh: Graduation Internship

Mã số học phần: 3130GRADNR0P

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng

Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	6
Số tiết Lý thuyết:	
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	240
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	60
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	0
Giữa học phần:	
Kết thúc học phần:	0
Học phần học trước:	Tổ chức quản lý y tế, Thống kê y học, Sức khỏe môi trường, Sức khỏe nghề nghiệp, Dinh dưỡng an toàn thực phẩm, Tâm lý Y học – Y đức, Dịch tễ học
Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh

2. Mô tả học phần

Với học phần thực tập tốt nghiệp, sinh viên được tiếp cận với các hoạt động phòng chống bệnh tật, sức khỏe cho người dân tại trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh. Sinh viên được thực tế đi vào các khoa, phòng tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh để học cách quản lý bệnh tật, tiếp cận vấn đề xử lý vấn đề cụ thể tại từng khoa phòng như: khoa Dịch tễ học, Sức khỏe môi trường và y tế học đường, khoa dinh dưỡng, khoa sức khỏe nghề nghiệp, khoa truyền thông... Đây cũng được coi là bước đầu tiếp cận và làm quen với công việc thực tế sau khi ra trường.

3. Cán bộ giảng dạy

Cán bộ tại các khoa, phòng của Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh (CDC).

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Mô tả việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, công tác quản lý và phương thức hoạt động của các khoa phòng tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tuyến tỉnh	PEO 1, 2, 3
2.	Thực hiện thành thực các kỹ năng cơ bản trong công tác kiểm soát bệnh tật cũng như thu thập dữ liệu, phân tích tình hình thực tế	PEO 1, 2, 3, 4
3.	Áp dụng kiến thức đã học vào thực tế tình huống công việc tại trung tâm, từ đó nâng cao khả năng giải quyết vấn đề	PEO 1, 2, 3, 4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	Vận dụng kiến thức để xác định và phân tích được các vấn đề/tình huống tại các khoa/phòng của trung tâm	S: PLO 1, 5 H: PLO 4, 7, 8,
2.	Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm phân tích và định hướng giải quyết các vấn đề thực tế tại thực địa	S: PLO 1, 9 H: PLO 5, 7, 8, 13

3.	Có khả năng đề xuất được các biện pháp giải quyết các vấn đề cụ thể trong và sau quá trình học tập tại đơn vị	S: PLO 1, 9 H: PLO 5, 7, 8, 13
----	---	-----------------------------------

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

2. Thực hành

STT	Chủ đề	Số tiết	Mục tiêu học phần	CĐR HP
1	Các loại vắc xin sử dụng trong chương trình Tiêm chủng mở rộng	8	1,2,3	1,2,3
2	Hoạt động tiêm vaccin VGB sơ sinh tại bệnh viện	8	1,2,3	1,2,3
3	Hệ thống dây truyền lạnh và vấn đề quản lý, bảo quản vắc xin	8	1,2,3	1,2,3
4	Lập kế hoạch và chuẩn bị cho buổi tiêm chủng. Giám sát phản ứng sau tiêm chủng mở rộng	8	1,2,3	1,2,3
5	Lập kế hoạch tổ chức tập huấn về tiêm chủng mở rộng và phòng chống dịch cho CBYT tuyến xã	8	1,2,3	1,2,3
6	Lập kế hoạch hoạt động phòng chống dịch, tiêm chủng mở rộng của tỉnh	8	1,2,3	1,2,3
7	Giám sát, phòng chống cúm A	8	1,2,3	1,2,3

8	Giám sát, phòng chống sởi/rubella	8	1,2,3	1,2,3
9	Giám sát, phòng chống viêm não Nhật Bản	8	1,2,3	1,2,3
10	Giám sát, phòng chống Bệnh do vi rút Zika	8	1,2,3	1,2,3
11	Giám sát, phòng chống Sốt rét, ký sinh trùng, côn trùng	8	1,2,3	1,2,3
12	Giám sát, phòng chống Sốt xuất huyết	8	1,2,3	1,2,3
13	Giám sát, phòng chống bệnh tay chân miệng	8	1,2,3	1,2,3
14	Giám sát và phòng chống bệnh liên cầu lợn ở người	8	1,2,3	1,2,3
15	Luật phòng chống Bệnh truyền nhiễm	8	1,2,3	1,2,3
16	Thông tư về Báo cáo các bệnh truyền nhiễm (hoặc thông tư về tiêm chủng mở rộng)	8	1,2,3	1,2,3
17	Thống kê, báo cáo bệnh truyền nhiễm (theo ngày, theo tuần và theo tháng)	8	1,2,3	1,2,3
18	Tìm hiểu về công tác khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại doanh nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình/Nam Định (<i>Tổ chức khám, phân loại sức khỏe..</i>)	8	1,2,3	1,2,3
19	Tìm hiểu về công tác khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động tại doanh nghiệp thuộc tỉnh Thái Bình/Nam Định (<i>Tổ chức khám, phân loại, lập hồ sơ..</i>)	8	1,2,3	1,2,3

20	Tìm hiểu các chương trình, dự án về an toàn lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp tại tỉnh Thái Bình/Nam Định	8	1,2,3	1,2,3
21	Tìm hiểu một số chương trình y tế triển khai trong trường học tại Thái Bình/Nam Định	8	1,2,3	1,2,3
22	Tìm hiểu chương trình Vệ sinh môi trường tại tỉnh Thái Bình/Nam Định	8	1,2,3	1,2,3
23	Tìm hiểu về chương trình nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn	8	1,2,3	1,2,3
24	Xử lý môi trường nhiễm dịch	8	1,2,3	1,2,3
25	Xử lý môi trường, phòng bùng phát dịch	8	1,2,3	1,2,3
26	Tìm hiểu về triển khai chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em tại tỉnh Thái Bình/Nam Định	8	1,2,3	1,2,3
27	Tìm hiểu về triển khai chương trình phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng tại Thái Bình/ Nam Định	8	1,2,3	1,2,3
28	Tìm hiểu về chương trình YTQG phòng chống bệnh không lây nhiễm	8	1,2,3	1,2,3
29	Tìm hiểu về năng lực xét nghiệm tại TTYTDP tỉnh Thái Bình/Nam Định: Vi sinh, hoá lý, nước, ATVSTP	8	1,2,3	1,2,3
30	Tìm hiểu hoạt động KCB tại phòng khám đa khoa	8	1,2,3	1,2,3

	TTYTDP			
--	--------	--	--	--

III. Phương pháp dạy/học

1. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn, thảo luận nhóm
- Làm việc nhóm
- Cầm tay, chỉ việc

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Máy chiếu, giấy A0.

V. Phương pháp lượng giá

Sổ Nhật ký thực tập

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

11. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học tại cơ sở thực địa
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên và cán bộ cơ sở
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	Năm 2021	
2.	Dự kiến	Năm 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: DINH DƯỠNG & ATTP

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN DINH DƯỠNG
& AN TOÀN THỰC PHẨM 4 (HỌC PHẦN THAY THẾ TỐT NGHIỆP)**

Năm 2021

Tên học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm 4 (Học phần thay thế)

Tên tiếng Việt:

Tên tiếng Anh:

Mã học phần: 3130NUTSFE4T

Ngành: Bác sỹ Y học dự phòng năm thứ 6

Mã ngành:

VI. Hành chính.

7. Thông tin chung:

Học phần: Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm (Học phần thay thế)	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm thứ 6
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	3 (1/2) 16 0 15 32 0 15
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Thực hành: Kết thúc học phần:	3 1 1 1
Học phần học trước:	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm
Học phần tiên quyết:	Không có
Học phần song hành:	Không có

Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm
------------------------	---------------------------------

8. Mô tả chung về học phần:

Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có khả năng xác định và lựa chọn vấn đề sức khoẻ dinh dưỡng ưu tiên. Học phần bao gồm hướng dẫn các kỹ năng xây dựng và phát triển vật liệu truyền thông dinh dưỡng, xây dựng kế hoạch, viết chuyên đề và thực hiện truyền thông dinh dưỡng tại cơ sở y tế và cộng đồng.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
49.	Phạm Thị Dung	PGS.TS	0989981359	dungpt@tbmc.edu.vn	Phụ trách
50.	Ninh Thị Nhung	PGS.TS	0912850028	nhungntytb@yahoo.com	Tham gia
51.	Phạm Ngọc Khái	PGS.TS	0983090927	phamngockhaiydtb@gmail.com	Tham gia
52.	Trần Thị Xuân Ngọc	TS		xuanngoc@gmail.com	Tham gia
53.	Tạ Thúy Loan	BSCCKII	0915585415	loantt@tbmc.edu.vn	Tham gia
54.	Phạm Thị Kiều Chinh	ThS	0389987259	huanchinh225@gmail.com	Tham gia
55.	Đinh Thị Kim Anh	Ths	0985585636	kimanh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1	Thiết kế, thử nghiệm và sử dụng có hiệu quả một số tài liệu, thông điệp truyền thông tại cộng đồng	PEO 1,2,4
2	Trình bày được các kiến thức và kỹ năng thiết kế đề cương, xây dựng bộ công cụ	PEO 1,2,4
3	Mô tả được các kỹ thuật và công cụ thu thập số liệu, ưu nhược điểm của từng loại công cụ. Xây dựng được công cụ thu thập số liệu phù hợp	PEO 1,2,4
4	Mô tả được các phương pháp tổ chức thu thập thông tin, ưu nhược điểm của từng phương pháp và lên kế hoạch tổ chức được 1 buổi thu thập thông tin tại cộng đồng	PEO 1,2,4

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
----	--------------	---

14.	Thiết kế, thử nghiệm và sử dụng có hiệu quả một số tài liệu, thông điệp truyền thông tại cộng đồng	S: PLO 2 H: PLO 1,3
15.	Trình bày được các kiến thức và kỹ năng thiết kế đề cương, xây dựng bộ công cụ	S: PLO 8 H: PLO 3,4
16.	Mô tả được các kỹ thuật và công cụ thu thập số liệu, ưu nhược điểm của từng loại công cụ. Xây dựng được công cụ thu thập số liệu phù hợp	S: PLO 8 H: PLO 3,4
17.	Mô tả được các phương pháp tổ chức thu thập thông tin, ưu nhược điểm của từng phương pháp và lên kế hoạch tổ chức được 1 buổi thu thập thông tin tại cộng đồng	S: PLO 7,8 H: PLO 5

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1. Xây dựng thông điệp truyền thông 1. Khái niệm 2. Ý nghĩa thông điệp truyền thông 3. Các bước xây dựng thông điệp truyền thông	04	1. Trình bày được khái niệm và ý nghĩa thông điệp truyền thông 2. Trình bày được các bước xây dựng thông điệp truyền thông	1
2	Bài 2. Thiết kế đề cương và bộ công cụ 1. Các yêu cầu cơ bản đối với đề cương nghiên cứu 2. Các bước thiết kế đề cương 3. Cấu trúc chung của đề cương 4. Công cụ thu thập số liệu 4.1. Một số bộ công cụ thu thập số liệu thường gặp	08	1. Trình bày được cấu trúc của một đề cương nghiên cứu 2. Trình bày được các bước thiết kế công cụ nghiên cứu	2,3

	4.2. Lựa chọn công cụ thu thập số liệu 4.3. Các bước thiết kế công cụ nghiên cứu			
3	Bài 3. Phương pháp tổ chức thu thập thông tin 1. Khái niệm 2. Các bước của quy trình thu thập số liệu 3. Lập kế hoạch triển khai thu thập số liệu	04	1. Trình bày được khái niệm và các bước của quy trình thu thập số liệu 2. Trình bày các bước lập kế hoạch triển khai thu thập số liệu	4

2. Thực hành

TT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1. Lập kế hoạch các chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm 1. Các bước lập kế hoạch 2. Thực hành lập kế hoạch một chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm tại địa phương	08	1. Thực hành lập kế hoạch một chương trình dự án đảm bảo an toàn thực phẩm tại địa phương	1,4
2	Bài 2. Thiết kế đề cương 1. Xác định thiết kế đề cương nghiên cứu 2. Phác thảo cấu trúc đề cương: tên, nội dung chính 3. Xây dựng chi tiết đề cương đã xác định	08	1. Xây dựng chi tiết được một đề cương đã xác định	2
3	Bài 3. Thiết kế và xây dựng bộ công cụ 1. Xác định công cụ thu thập số liệu cho nghiên cứu 2. Phác thảo công cụ thu thập thông tin 3. Xây dựng chi tiết một công cụ/ một phần của công cụ đã xác định	08	1. Xây dựng chi tiết một công cụ/ một phần của công cụ đã xác định	3
4	Bài 4. Phương pháp tổ chức thu thập thông tin Xây dựng bảng kế hoạch triển khai tổ chức thu thập thông tin, số liệu cho đề tài nghiên cứu	08	1. Xây dựng được bảng kế hoạch triển khai tổ chức thu thập thông tin, số liệu cho đề tài nghiên cứu đã lựa chọn	4

	cứu đã lựa chọn			
	1. Kế hoạch về thời gian			
	2. Kế hoạch về địa điểm			
	3. Kế hoạch về hoạt động theo thời gian			
	4. Kế hoạch về nhân lực			
	5. Kế hoạch về tài chính			
	6. Kế hoạch về phương tiện, dụng cụ			

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm
2. Thực hành: Giảng dạy tích cực, lấy người học là trung tâm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết: Máy chiếu Projector, tranh
2. Thực hành: Bài tập trường hợp.

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	1	Đi học đầy đủ, đúng giờ	Đi học đầy đủ, đúng giờ		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Viết câu hỏi ngắn	Thang điểm		10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,2	1	Bài tập thực hành	Thang điểm		10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,6	1	Viết chuyên đề	Thang điểm		10

Công thức tính điểm: Đ.HP=Đ.GHPx0,1+Đ.CCx0,1+Đ.LTx0,6+Đ.THx0,2

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0

Nghỉ học có phép	0,25 điểm/tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/ tiết học
Đi muộn	Trừ 0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Trả lời đúng câu hỏi <39%	Trả lời đúng câu hỏi từ 40 đến 54 %	Trả lời đúng câu hỏi từ 54 đến 69%	Trả lời đúng câu hỏi từ 70 đến 84%	Trả lời đúng câu hỏi từ 85 đến 100%

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)**2. Tài liệu học tập:**

- Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2016), Giáo trình dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, NXB Y học.

2. Tài liệu tham khảo:

- Ninh Thị Nhung, Phạm Thị Dung, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2017) Dinh dưỡng điều trị, NXB Y học

- Phạm Ngọc Khái, Nguyễn Thị Lâm, Trường Đại học Y Dược Thái Bình, Bộ môn Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm (2016) Dinh dưỡng lâm sàng, NXB Y học

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Quy định với sinh viên:**

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

2. Quy định điều kiện dự thi:

Sinh viên phải có điểm thực hành ≥ 4 điểm (theo thang điểm 10) và đạt điểm kiểm tra giữa học phần theo quy định mới được dự thi kết thúc học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
17.	Lần 1	2019	
18.	Lần 2	2021	
19.	Dự kiến	2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH
BỘ MÔN: SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Năm: 2021

Tên học phần:

Tên tiếng việt: Sức khỏe nghề nghiệp 4 (Y học lao động)

Tên tiếng anh: Occupational health 4

Mã số học phần: 3130OCCHLT0T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

I. Hành chính

1. Thông tin chung

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	
Số giờ tự học:	34
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	
Số giờ tự học:	34 tiết
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	1/1

Giữa học phần:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Sức khỏe môi trường 1, dịch tể học đại cương, Sức khỏe nghề nghiệp 1,2,4
Học phần tiên quyết:	Sức khỏe nghề nghiệp 1,2,3
Học phần song hành:	Dịch tể học cộng đồng,
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Sức khỏe môi trường

2. Mô tả học phần

Sức khỏe nghề nghiệp 4 là một học phần môn học nghiên cứu về môi trường lao động, sự tác động qua lại giữa môi trường lao động và con người, môn học này nhằm giúp sinh viên nhận định, phân tích và đánh giá được những ảnh hưởng của môi trường lao động đến sức khỏe con người. Đồng thời qua học phần này sinh viên áp dụng được những kiến thức về y học lao động sức khỏe nghề nghiệp: xác định được nguyên nhân triệu chứng và đưa ra các biện pháp khắc phục tác hại nghề nghiệp

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Vũ Phong Túc	PGS.TS	0978626648	vuphongtuc@yahoo.com	Phụ trách
2.	Ngô Thị Nhu	PGS.TS	0912623826	nhuytbvn.@gmail.com	Tham gia
3.	Nguyễn Quốc Tiến	PGS. TS	0913564374		Tham gia
4.	Đặng Thị Vân Quý	Thạc sỹ	0912105287	vanquyytb@gmail.com	Tham gia
5.	Trương Công Đạt	BSCKII. Ths	0989650075		Tham gia
6.	Lê Thị Kiều Hạnh	Thạc sỹ	0919217848	lehanh.qn85@gmail.com	Tham gia

7.	Vũ Đức Anh	Thạc sỹ	0979098389	duc.anh1402@gmail.com	Tham gia
8.	Đặng Thị Thu Nga	Thạc sỹ	0942909348	ngadang21388@gmail.com	Tham gia
9.	Đặng Thị Ngọc Anh	Thạc sỹ	0369696014	cappu.dang@gmail.com	Tham gia
10.	Nguyễn Thị Thanh Phương	KTV	0988268910	nguyenthanhphuongtyb@gmail.com	Tham gia
11.	Nguyễn Thị Cúc Phương	KTV	0989661993	cucphuongtyb@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Trình bày được ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe	PEO: 1,2
2.	Xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người	PEO: 2,3,4,5
3.	Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp. Lập được kế hoạch quản lý sức khỏe	PEO: 2,3,4,5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
6.	CLO 1. Vận dụng kiến thức phân tích được ảnh hưởng của tác hại nghề nghiệp đến sức khỏe người lao động	S: 5,7 H: 1,2,4,9,10,11,12
7.	CLO 2. Có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các thành viên trong nhóm xác định được các mối liên quan giữa môi trường lao động với sức khỏe con người, lập được kế hoạch quản lý sức khỏe	S: 5,9 H: 3,4,6,7,8,10,13

8.	CLO3. Đánh giá được tiêu chuẩn điều kiện lao động và tư vấn được các biện pháp dự phòng tác hại nghề nghiệp.	S: 4,12,13 H: 5,6,7,8,9,10,11,14
----	--	-------------------------------------

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR Học phần
1	Bài 1: Bức xạ ion hoá trong sản xuất 8. Tính chất của bức xạ ion hoá 9. Tiếp xúc nghề nghiệp với bức xạ ion hoá 10. Tác hại của bức xạ ion hoá 11. Phòng chống phóng xạ	4	1. Đọc được các chỉ số điều kiện vệ sinh môi trường lao động. 2. Phân tích được điều kiện môi trường lao động .	CLO: 1,2
2	Bài 2: Bệnh rung chuyển nghề nghiệp 7. Cơ chế bệnh sinh 8. Biểu hiện bệnh lý 9. Các phương pháp chẩn đoán 10. Điều trị dự phòng	4	1. Mô tả được bệnh sinh của bệnh rung chuyển nghề nghiệp. 2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí bệnh rung chuyển nghề nghiệp. 3. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dự phòng bệnh rung chuyển nghề nghiệp. 4. Đề xuất và tư vấn được các biện pháp dự phòng bệnh rung chuyển nghề nghiệp.	CLO: 1,2,3

3	Bài 3 : Bệnh nhiễm xạ 10. Nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh 11. Biểu hiện bệnh lý 12. Các phương pháp chẩn đoán 13. Điều trị và dự phòng	4	1. Mô tả được bệnh sinh của bệnh nhiễm xạ. 2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí bệnh nhiễm xạ. 3. Nhận thức được tầm quan trọng của việc dự phòng bệnh nhiễm xạ. 4. Đề xuất và tư vấn được các biện pháp dự phòng bệnh nhiễm xạ	CLO: 1,2,3
4	Bài 4: Bệnh áp lực của không khí 7. Mở đầu 8. Một số tai biến cấp tính 9. Bệnh không khí nén nghề nghiệp	2	1. Mô tả được tai biến của bệnh do áp lực cao. 2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí bệnh không khí nén nghề nghiệp.	CLO: 1,2
5	Bài 5. Giám định bệnh nghề nghiệp 1. Mở đầu 2. Các văn bản pháp quy làm cơ sở cho giám định bệnh nghề nghiệp 3. Các bước chuyên môn trong giám định bệnh nghề nghiệp	2	1. Mô tả được tai biến của bệnh do áp lực cao. 2. Trình bày được biểu hiện bệnh lý, chẩn đoán, xử trí bệnh không khí nén nghề nghiệp.	CLO: 2

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR
1	Bài 1: Tài liệu tham khảo 4. Lý thuyết 5. Thực hành	8	1. Tìm tài liệu tham khảo từ các trang tạp chí, web 2. Biết cách chèn và trích dẫn tài liệu trong các báo cáo?	CLO: 1,2,3
2	Bài 2: Tổng hợp nghiên cứu 3. Lý thuyết 4. Thực hành	8	1. Đọc các tài liệu NCKH 2. Tổng hợp vấn đề khoa học từ các nghiên cứu đã có?	CLO: 1,2,3

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết:

- Thuyết trình, phát vấn, thảo luận.

2. Thực hành:

- Thuyết trình, hướng dẫn

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

1. Lý thuyết:

- Tài liệu, giáo trình, sách giáo khoa
- Máy chiếu Projector, bảng, phấn

2. Thực hành:

- Giáo trình, dụng cụ

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CLO	Điểm tối đa
-----------------	--------------------	--------------	--------------------	-------------------	-----	-------------

Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	0,1	-	Điểm danh	Đi học đầy đủ, đúng giờ, không vi phạm quy chế của bộ môn,		10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	0,1	1	Thi viết câu hỏi ngắn	Mỗi câu trả lời đầy đủ, chính xác	CLO: 1,2	10
Điểm thực hành (ĐTH)	0,4	1	Tiến hành các xét nghiệm	Thực hiện được các xét nghiệm	CLO: 1,2,3	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	0,4	1	Báo cáo chuyên đề	Hoàn thành báo cáo theo quy định Báo cáo và trả lời câu hỏi	CLO: 1,2,3	10

Công thức tính điểm:

$$\mathbf{Đ.HP=ĐCC \times 0,1 + ĐGHP \times 0,1 + ĐTH \times 0,4 + ĐKTHP \times 0,4}$$

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5 điểm/2 tiết học
Nghỉ học không phép	0,5 điểm/tiết học
Đi muộn	0,5 điểm/lần

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được hoặc giải một số	Giải chưa hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi nhưng	Giải đầy đủ và đúng tất cả các câu hỏi và

	câu hỏi còn sai sót		một số sai sót	trình bày chưa rõ ràng	trình bày rõ ràng
--	------------------------	--	----------------	---------------------------	----------------------

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập

- Trần Quốc Kham (2016), Bài giảng Y học lao động, Nhà xuất bản Y học
- Bộ môn Sức khỏe môi trường (2016), Y học lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2. Tài liệu tham khảo

1. Lê Xuân Phước (2017), Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi, Nhà xuất bản đại học Huế.
2. Trần Quốc Kham, Đào Ngọc Phong (2014), Bảo vệ sức khỏe môi trường, Nhà xuất bản Y học.
3. Đào Ngọc Phong, Lê Quang Hoành, Trần Quốc Kham (2014), Vệ sinh môi trường và nguy cơ tới sức khỏe, Nhà xuất bản Y học.
4. Đào Ngọc Phong, Lê Quang Hoành, Trần Quốc Kham (2014), Y học lao động, Nhà xuất bản Y học.
5. Đỗ Hàm (2007), Vệ sinh lao động và bệnh nghề nghiệp, Nhà xuất bản lao động xã hội.

VII. Lịch học: Theo lịch giảng dạy/học tập của khung chương trình

VIII. Quy định với sinh viên:

12. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Tham gia học tập đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành
- Thực hiện nghiêm túc theo sự hướng dẫn của giảng viên
- Tham gia thảo luận nhóm và hoàn thành các bài tập

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Thực hiện đúng nhiệm vụ của sinh viên
- Tham gia trên 80% thời lượng học tập lý thuyết và 100% thời lượng thực hành
- Vắng 01 buổi học thực hành không có lý do, không hoàn thành nhiệm bài tập sẽ phải học bù, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi.
- Vắng 1-2 buổi thực hành có lý do, bộ môn sẽ tổ chức học bù vào thứ 7, chủ nhật, sau khi hoàn thành mới được duyệt thi thực hành

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	Năm 2021	
2.	Dự kiến cập nhật lần 2	Năm 2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN/KHOA: Dịch tễ học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Dịch tễ học phần thay thế

Tên tiếng Anh: Epidemiology replacement part

Mã học phần: 3130EPIDEM3T

Ngành: Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

Hành chính.

3. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Sinh viên Y học dự phòng
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS): Số tiết Lý thuyết: Thảo luận : Số giờ tự học: Số tiết Thực hành/ Lâm sàng: Thảo luận: Số giờ tự học:	03 (01LT, 02 TH) 16 34 32 68
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS): Giữa học phần: Kết thúc học phần:	 01 01
Học phần học trước:	

Học phần tiên quyết:	
Học phần song hành:	
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Dịch tễ học

4. Mô tả chung về học phần:

Học phần dịch tễ học học phần thay thế sẽ cung cấp cho sinh viên Y học dự phòng những khái niệm liên quan tới những nguyên lý và các phương pháp cơ bản của dịch tễ học được áp dụng trong việc xác định, kiểm soát và phòng ngừa bệnh tật trong cộng đồng.

Môn học này sẽ cung cấp cho sinh viên hệ bác sĩ y học dự phòng chuyên ngành Dịch tễ học những khái niệm liên quan tới dịch bệnh, kiến thức về phòng chống các bệnh truyền nhiễm thường gặp đặc biệt là các bệnh mới nổi và tái nổi, các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về điều tra một vụ dịch, xác định, kiểm soát các vụ dịch thường xảy ra ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
1.	Trần Thị Khuyên	Tiến sĩ	0915539417	khuyendhytb@gmail.com	Phụ trách
2.	Vũ Thị Kim Dung	Thạc sĩ	0912792567		Tham gia
3.					
4.					

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
5.	<i>* Kiến thức:</i> - Giám sát phát hiện sớm các bệnh dịch tại địa phương. - Lập kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng	PEO1, PEO2

	ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp. - Xác định một số vấn đề sức khỏe, bệnh tật cần sàng tuyển phát hiện sớm tại cộng đồng. - Thiết kế cuộc điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng. - Mô tả được các vấn đề sức khỏe, bệnh tật tại cộng đồng. - Xử lý phân tích các thông tin đã thu được, biết nhận xét các kết quả đã được trình bày. - Xác định các yếu tố nguy cơ của một bệnh trạng tại cộng đồng và đề xuất được các giải pháp thích hợp loại trừ yếu tố nguy cơ. - Vận dụng được các kiến thức về bệnh truyền nhiễm và quá trình dịch, nguyên lý phòng chống dịch, các kiến thức về giám sát dịch và bệnh truyền nhiễm mới nổi trong việc, các bệnh truyền từ động vật sang người trong lập kế hoạch điều tra xác định dịch bệnh và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch tại cộng đồng	
6.	<i>* Kỹ năng:</i> - Thiết kế được một cuộc	PEO 1, PEO 2

	điều tra, lập kế hoạch điều tra, thiết kế được một số công cụ thu thập thông tin phục vụ cho việc xác định các vấn đề sức khỏe cần can thiệp ở cộng đồng. -Xây dựng được kế hoạch bao vây dịch và đề xuất các biện pháp phòng ngừa, dập tắt và thanh toán dịch phù hợp.	
7.	<i>* Thái độ:</i> Nhận thức được tầm quan trọng của dịch tễ học là một môn y học cơ sở nền tảng cho các nghiên cứu về y tế công cộng, liên quan đến quá trình đặt câu hỏi về tình trạng sức khỏe cũng như bệnh tật của quần thể, đưa ra phương pháp để tiến hành điều tra những vấn đề sức khỏe, tìm ra những yếu tố căn nguyên có thể của vấn đề để đưa ra các giải pháp can thiệp nâng cao sức khỏe và đánh giá hiệu quả của các giải pháp can thiệp đó.	PEO 3, PEO 4
8.		

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CĐR Học phần	Mức độ đạt (S, H)/CĐR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành trong thực hành chuyên môn y học dự	S: PLO 1, 4 H: 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14

	phòng	
2.	CLO 2: Vận dụng được kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát có hiệu quả các hoạt động Y khoa	S: PLO 1, 4 H: 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14
3.	CLO 3: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện đầy đủ và thành thạo quy trình điều dưỡng khi chăm sóc người bệnh	S: PLO 1, 4 H: 3,5,7,8,9,10,11,12,13,14
4.	CLO 4: Thực hiện được các kỹ năng quản lý, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động các chương trình mục tiêu y tế quốc gia về y tế dự phòng, các chương trình bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng.	S: PLO 5 H1,3,4,7,8,9,10,11,12,13,14
5.	CLO 5: Thực hiện được công tác tập huấn, giám sát, hỗ trợ cho y tế cơ sở và y tế dự phòng. Tham gia giám sát, phát hiện sớm các bệnh dịch phổ biến và tổ chức phòng chống dịch.	S: PLO 7 H1,3,4,5,8,9,10,11,12,13,14

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CDR HP
1	Bài 1. Nguyên lý dịch tễ học các Bệnh truyền nhiễm I. Bệnh truyền nhiễm 1. Khái niệm, phân loại bệnh truyền nhiễm 2. Đặc điểm chung của các bệnh truyền nhiễm 2.1. Bệnh truyền nhiễm phải do một loại vi sinh	04	1. Nêu được đặc điểm chung của các bệnh	CLO 4

vật ký sinh gây nên 2.2. Bệnh truyền nhiễm thường phát triển theo mùa, mang tính chu kỳ và trải qua 4 thời kỳ 2.3. Bệnh truyền nhiễm thường lây lan và phát triển thành dịch 2.4. Hầu hết các bệnh truyền nhiễm đều để lại miễn dịch sau khi mắc bệnh 3. Ý nghĩa lâm sàng và dịch tễ học của 4 thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm 3.1. Thời kỳ ủ bệnh 3.2. Thời kỳ khởi phát 3.3. Thời kỳ toàn phát 3.4. Thời kỳ lui bệnh II. Quá trình dịch 1. Khái niệm 2. Các yếu tố của quá trình dịch * Động lực trực tiếp - Nguồn truyền nhiễm - Yếu tố truyền nhiễm - Khỏi cơ thể cảm thụ * Động lực gián tiếp - Yếu tố của môi trường tự nhiên - Yếu tố của môi trường xã hội III. Điều tra xử lý dịch 1. Khái niệm về vùng dịch, khu dịch 1.1. Ổ dịch 1.2. Vùng dịch (khu dịch) 2. Nguyên tắc phòng chống dịch 3. Điều tra dịch 3.1. Điều tra trường hợp mắc bệnh - Phát hiện người bệnh - Xác định các chỉ số mắc, chết	truyền nhiễm 2. Trình bày được ý nghĩa lâm sàng và ý nghĩa dịch tễ của các thời kỳ trong bệnh truyền nhiễm 4. Nêu được các khâu của quá trình dịch và trình nguyên tắc phòng chống dịch 5. Nêu những nội dung chính trong điều tra dịch
---	--

	- Mô tả tình hình mắc bệnh 3.2. Điều tra các yếu tố liên quan - Dân số - Trình độ phát triển kinh tế, xã hội - Vệ sinh môi trường - Các thông tin về phát triển sản xuất - Các ổ chứa mầm bệnh tự nhiên - Điều kiện đại lý, khí hậu 4. Xử lý khu dịch: 4.1. Khai báo 4.2. Cách ly và điều trị người bệnh 4.3. Tẩy uế 4.4. Thành lập ban phòng chống dịch 4.5. Khoanh vùng dịch 4.6. Các biện pháp đối với người lành trong vùng dịch 4.7. Các biện pháp đối với ngoại cảnh 14.4.8. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe		6. Trình bày được các biện pháp xử lý khu dịch	
2	Bài 2. Quần thể và mẫu 9. Khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu 1.1. Mẫu nghiên cứu (Study sample). 1.2. Đơn vị mẫu và đơn vị quan sát 1.3. Tham số mẫu 1.4. Khung mẫu 1.5. Phân bố mẫu 1.6. Quần thể nghiên cứu và quần thể đích 1.7. Tham số quần thể 10. Cỡ mẫu 2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến cỡ mẫu 2.4. Công thức tính cỡ mẫu	02	1. Trình bày được các khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu. 2. Trình bày được các công thức tính cỡ mẫu.	CLO 5

	a. Cỡ mẫu cho ước tính một tỷ lệ b. Cỡ mẫu cho ước tính một giá trị trung bình c. Cỡ mẫu cho nghiên cứu thuần tập d. Cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng e. Cỡ mẫu cho nghiên cứu can thiệp 11. Các kỹ thuật chọn mẫu 3.1. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn 3.2. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống 3.3. Chọn mẫu chùm 3.4. Chọn mẫu phân tầng		3. Trình bày định nghĩa, cách tiến hành, ưu nhược điểm của 4 kỹ thuật chọn mẫu cơ bản: Ngẫu nhiên đơn, ngẫu nhiên chùm, ngẫu nhiên hệ thống và ngẫu nhiên phân tầng. 4. áp dụng để giải các bài tập và các tình huống cụ thể	
3	Bài 3. Các chiến lược thiết kế nghiên cứu dịch tễ học	01	1. Nêu được các	CLO 2

	4. Đại cương về thiết kế nghiên cứu sử dụng trong nghiên cứu dịch tễ học - Nghiên cứu quan sát Các thiết kế nghiên cứu mô tả Các thiết kế nghiên cứu phân tích - Nghiên cứu can thiệp 5. Các thiết kế nghiên cứu quan sát a. Các thiết kế nghiên cứu quan sát mô tả i. Nghiên cứu mô tả ca bệnh ii. Nghiên cứu mô tả chùm bệnh/ nghiên cứu loạt trường hợp iii. Nghiên cứu cắt ngang mô tả b. Các thiết kế nghiên cứu quan sát phân tích i. Nghiên cứu thuần tập ii. Nghiên cứu bệnh - chứng iii. Nghiên cứu cắt ngang có phân tích iv. Nghiên cứu tương quan/ nghiên cứu sinh thái 6. Các thiết kế nghiên cứu can thiệp a. Can thiệp cộng đồng: i. Nghiên cứu so sánh trước - sau can thiệp ii. Nghiên cứu có nhóm chứng. b. Thử nghiệm lâm sàng: i. Nghiên cứu đơn nhóm ii. Nghiên cứu đa nhóm iii. Phân bố ngẫu nhiên iv. Làm mù		loại thiết kế nghiên cứu mô tả, vai trò của các thiết kế nghiên cứu mô tả 2. Trình bày được các loại thiết kế nghiên cứu phân tích 3. Nêu được ưu nhược điểm của các thiết kế nghiên cứu phân tích 4. Trình bày được các loại nghiên cứu can thiệp	
--	---	--	--	--

	v. Nhóm chứng lịch sử c. Thử nghiệm phòng bệnh			
4	Bài 4. Sàng tuyển phát hiện bệnh 1. Định nghĩa 2. Xác định những bệnh cần sàng tuyển 2.1. Bệnh có tính chất nghiêm trọng 2.2. Có nghiệm pháp phát hiện được ở thời kỳ tiền lâm sàng 2.3. Khả năng điều trị sớm có hiệu quả 3. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt 3.1. Hai kỹ thuật phát hiện hàng loạt 3.2. Xây dựng một kế hoạch phát hiện hàng loạt 3.2.1. Bệnh 3.2.2. Kỹ thuật phát hiện hàng loạt 3.2.3. Quần thể bị đe dọa 4. Các trắc nghiệm áp dụng trong sàng tuyển 4.1. Độ nhạy và độ đặc hiệu 4.2. Giá trị tiên đoán của trắc nghiệm	01	1. Trình bày được khái niệm về sàng tuyển và tiêu chuẩn của các bệnh cần sàng tuyển trong cộng đồng. 2. Phân loại các kỹ thuật (trắc nghiệm) sử dụng để sàng tuyển phát hiện bệnh. 3. Xác định được những bệnh cần sàng	CLO 4

			tuyển và các trắc nghiệm tương ứng sử dụng để sàng tuyển các bệnh đó.	
5	Bài 5. Các kỹ thuật và công cụ thu thập thông tin 1. Kỹ thuật thu thập thông tin 1.1. Phỏng vấn 1.2. Quan sát 1.3. Thảo luận nhóm 1.4. Sử dụng thông tin có sẵn 1.5. Thăm khám, xét nghiệm 2. Công cụ thu thập thông tin 2.1. Những tư liệu cần thiết để xây dựng bộ câu hỏi 2.1.1. Mục tiêu của cuộc điều tra 2.1.2. Loại điều tra 2.1.3. Những thông tin cần có sau khi điều tra 2.2. Trình tự xây dựng bộ câu hỏi 2.2.1. Lựa chọn xếp đặt các cụm thông tin 2.2.2. Xếp đặt câu hỏi cụ thể trong mỗi cụm thông tin 2.2.3. Mã hóa câu hỏi, câu trả lời 2.2.4. Dạng câu hỏi trong phiếu điều tra 2.3. Kiểm tra đánh giá bộ câu hỏi	01	1. Trình bày được khái niệm và cách phân loại biến số 2. Liệt kê được các kỹ thuật thu thập thông tin chủ yếu 3. Nêu những cân nhắc lựa chọn công cụ thu thập thông tin, ưu nhược điểm của các kỹ	CLO 4

	2.3.1. Tổ chức đào tạo cán bộ phỏng vấn 2.3.2. Tổ chức điều tra thử trên cộng đồng 2.3.4. Sửa chữa bổ sung hoàn chỉnh bộ câu hỏi		thuật thu thập thông tin	
6	Bài 6. Nghiên cứu bệnh chứng 1. Định nghĩa 2. Thiết kế nghiên cứu - Định nghĩa và chọn nhóm bệnh - Chọn nhóm chứng - Thu thập thông tin 3. Phân tích số liệu 4. Các sai lệch trong nghiên cứu bệnh chứng - Sai lệch lựa chọn - Sai lệch quan sát - Sai lệch nhớ lại - Sai lệch xếp loại 5. Ưu nhược điểm - Ưu điểm - Nhược điểm	01	1. Trình bày được định nghĩa, thiết kế, các sai lệch và ưu nhược điểm của nghiên cứu bệnh chứng. 2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho nghiên cứu bệnh chứng 3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu bệnh	CLO 3

			chúng 4. Vận dụng được nghiên cứu bệnh chúng vào nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng	
7	Bài 7. Nghiên cứu thuần tập 1. Định nghĩa 2. Các loại thiết kế nghiên cứu thuần tập - Thuần tập hồi cứu - Thuần tập tương lai - Thuần tập vừa hồi cứu vừa tương lai 3. Thiết kế nghiên cứu - Chọn phơi nhiễm - Chọn nhóm đối chứng - Thu thập thông tin 4. Phân tích số liệu 5. Ưu nhược điểm - Ưu điểm - Nhược điểm	01	1. Trình bày được định nghĩa, các loại nghiên cứu, thiết kế và ưu nhược điểm của nghiên cứu thuần tập. 2. Nêu được công thức và tính được cỡ mẫu cho	CLO 2

			nghiên cứu thuần tập 3. Phân tích được kết quả của nghiên cứu 4. áp dụng được phương pháp nghiên cứu thuần tập vào nghiên cứu sức khỏe cộng đồng.	
8	Bài 8. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh sốt xuất huyết 5. Giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue 5.1. Mục đích 5.2. Các thành phần giám sát bệnh sốt xuất huyết Dengue 5.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh sốt Dengue 6. Muỗi Aedes aegypti 6.1. Phân bố	02	1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh SXH 2. Trình	CLO 1

	6.2. Vai trò y học 6.3. Sinh học của muỗi <i>Aedes aegypti</i> 7. Giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue 7.1. Giám sát muỗi 7.2. Giám sát bọ gậy 7.3. Tính các chỉ số 8. Biện pháp phòng chống vector sốt Dengue 8.1. Không chế môi trường sinh sống của muỗi 8.2. Chống vector khi xảy ra dịch sốt Dengue 8.3. Phương pháp sử dụng cá diệt bọ gậy		bày đặc điểm sinh học của muỗi <i>Aegypti</i> 3. Trình bày giám sát muỗi truyền bệnh sốt Dengue 4. Trình bày các biện pháp phòng chống vector sốt Dengue	
9	Bài 9. Giám sát bệnh và vector truyền bệnh dịch hạch 6. Giám sát bệnh dịch hạch 6.1. Mục đích 6.2. Các thành phần giám sát bệnh dịch hạch 6.3. Yêu cầu của kế hoạch phòng trừ bệnh dịch hạch 7. Vật chủ bệnh dịch hạch 7.1. Vai trò của chuột trong đời sống con người 7.2. Giám sát dịch động vật 7.3. Giám sát chuột 7.4. Các biện pháp diệt chuột 8. Bộ chết truyền bệnh dịch hạch 8.1. Vai trò truyền bệnh của bộ chết 8.2. Đặc điểm sinh học, sinh thái của bộ chết	02	1. Trình bày mục đích, thành phần và yêu cầu của giám sát bệnh dịch hạch 2. Trình bày vai trò của vật chủ bệnh dịch	CLO 1

	8.3. Giám sát bộ chết 8.4. Các biện pháp diệt bộ chết		hạch 3. Trình bày vai trò, đặc điểm sinh học, các biện pháp giám sát bộ chết truyền bệnh dịch hạch	
10	Bài 10. Kiểm dịch y tế biên giới 1. Sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 1.1. Tình hình dịch bệnh trên thế giới 1.2. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam 1.3. Dự báo tình hình dịch 2. Cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 2.1. Các quy định quốc tế 2.2. Các quy định quốc gia 3. Hệ thống kiểm dịch y tế biên giới ở Việt Nam 4. Các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế biên giới 5. Đối tượng, địa điểm kiểm dịch y tế biên giới 6. Nội dung của kiểm dịch y tế biên giới 6.1. Kiểm tra y tế 6.2. Xử lý y tế 6.3. Giám sát và phòng chống một số bệnh phải kiểm dịch	01	1. Nêu sự cần thiết của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 2. Nêu cơ sở pháp lý của hoạt động kiểm dịch y tế biên giới 3. Trình bày về hệ thống kiểm dịch y tế biên	CLO 4

			giới ở Việt Nam 4. Trình bày về các bệnh truyền nhiễm phải kiểm dịch y tế biên giới 5. Nêu các đối tượng, địa điểm kiểm dịch tế biên giới	
--	--	--	---	--

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Bài 1. Thực hành xây dựng bài tuyên truyền về phòng chống dịch Các nội dung bắt buộc: - Loại dịch gì, lây truyền thế nào? - Mức độ nguy hiểm của bệnh dịch này? - Biểu hiện như thế nào? Khi bị mắc bệnh phải làm gì? - Phòng chống lây nhiễm cho bản thân và cộng đồng như thế nào?	04	Xây dựng được 01 bài truyền thông về phòng chống dịch	CLO 4
2	Bài 2. Sàng tuyển phát hiện bệnh 7. Sử dụng các nghiệm pháp sàng tuyển vào	04	1. Áp dụng lý	CLO 4

	thực tế 8. Áp dụng để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm 9. Tìm hiểu về ý nghĩa của các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm 10. Làm các bài tập tình huống về các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nghiệm		thuyết để tính được các chỉ số đánh giá giá trị của trắc nh nghiệm. 2. Làm được các bài tập	
3	Bài 3. Thực hành thiết kế nghiên cứu thuần tập 8. Thiết kế nghiên cứu a. Chọn nhóm phơi nhiễm b. Chọn nhóm so sánh c. Xác định tình trạng bệnh 9. Phân tích và phiên giải số liệu a. Tính tỷ lệ mắc mới b. Tính nguy cơ tương đối c. Tính nguy cơ quy thuộc 10. Xác định các sai số a. Sai số chọn b. Sai số xếp loại c. Sai số quan sát d. Sai số do mất đối tượng 11. Khắc phục và hạn chế sai số Xác định các ưu, nhược điểm của nghiên cứu thuần tập	04	1. Thực hành thiết kế nghiên cứu 2. Làm được các bài tập	CLO 3
4	Bài 4. Thực hành tính cỡ mẫu và chọn mẫu 4. Bài tập thực hành tính cỡ mẫu 1.1. Tính cỡ mẫu ước tính một tỷ lệ	04	Làm được các bài tập	CLO 5

	1.2. Tính cỡ mẫu ước tính một giá trị trung bình 5. Bài tập thực hành chọn mẫu 2.5. Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn 2.6. Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống 2.7. Chọn mẫu chùm 2.8. Chọn mẫu phân tầng 6. Xác định cỡ mẫu và kỹ thuật chọn mẫu trong các nghiên cứu được báo cáo			
5	Bài 5. Thực hành xây dựng công cụ thu thập thông tin 1. Bộ câu hỏi phỏng vấn 2. Phiếu điều tra trong quan sát	04	Xây dựng được bộ câu hỏi	CLO 4
6	Bài 6. Hoàn thành chuyên đề về tình hình mắc bệnh sốt xuất huyết trên thế giới và tại Việt Nam	12	Viết chuyên đề theo yêu cầu	4

III. Phương pháp dạy/học

1. Lý thuyết: thuyết trình, phát vấn, thảo luận nhóm
2. Thực hành: Hướng dẫn mẫu, thảo luận nhóm

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

Lý thuyết: Máy chiếu (Projector), các slides bằng phần mềm Powerpoints

Thực hành: Các bài tập tình huống, máy chiếu, các slides bằng phần mềm Powerpoints

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
-----------------	--------------------	--------------	--------------------	-------------------	-------------------	-------------

Đánh giá chuyên cần (ĐCC)	10%	1	Theo quy định	- Qua sổ nhật ký - Thái độ học tập của SV	CĐR 4	10
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1	Theo quy định	x	CĐR 1,2,3,5	10
Điểm Thực hành (ĐTH)	20%	1	Theo quy định	x	CĐR 1,2,3,5	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	60%	1	Theo quy định	x	CĐR 1,2,3,5	10

Công thức tính điểm: 1:1:2:6

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	0,5
Nghỉ học không phép	10
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Vấn đáp

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubric 3: Thi test (kết thúc học phần: 10 điểm)

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn sai sót	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo (*Liệt kê những tài liệu sử dụng hiện có*)

1. Tài liệu học tập

- Bộ môn Dịch tễ học Khoa Y tế công cộng, Dịch tễ học (2007) lưu hành nội bộ
- Tài liệu phát tay

2. Tài liệu tham khảo:

1. Dịch tễ học (1993), Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học
2. Thực hành Dịch tễ học (1996), Bộ môn Dịch tễ học Trường Đại học Y Hà Nội, NXB Y học.

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.**VIII. Quy định với sinh viên:**

1. Nhiệm vụ của sinh viên: nghe giảng, tham gia thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi
2. Quy định điều kiện dự thi: Sinh viên phải có điểm rèn luyện, điểm kiểm tra giữa học phần, điểm thực hành mới được dự thi kết thúc học phần

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	Trần Thị Khuyên
2.	Lần 2	05/2021	Trần Thị Khuyên
3.	Lần 3 dự kiến	5/2023	Trần Thị Khuyên

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC**BỘ MÔN/KHOA**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

BỘ MÔN: Tổ chức và quản lý y tế

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần:

Tên tiếng Việt: Tổ chức và quản lý y tế (Học phần thay thế tốt nghiệp)

Tên tiếng Anh: Organization and Management Health 2

Mã học phần: 3130HEAMAN2T

Ngành: Bác sỹ Y học dự phòng

Mã ngành: 7720110

VII. Hành chính.

9. Thông tin chung:

Học phần:	☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn ☐ Không tính điểm
Thuộc kiến thức:	☐ Giáo dục đại cương ☐ Cơ sở ngành ☒ Chuyên ngành ☐ Bổ trợ
Đối tượng:	Y học dự phòng năm thứ 6
Số tín chỉ (LT;TH/LT;LS):	2 (1/1)
Số tiết Lý thuyết:	16
Thảo luận :	0
Số giờ tự học:	15
Số tiết Thực hành/ Lâm sàng:	16
Thảo luận:	0
Số giờ tự học:	15
Số bài kiểm tra (LT/TH/LS):	3
Giữa học phần:	1
Thực hành:	1
Kết thúc học phần:	1
Học phần học trước:	Tổ chức và quản lý y tế

Học phần tiên quyết:	Không có
Học phần song hành:	Không có
Bộ môn/Khoa giảng dạy:	Bộ môn Tổ chức và quản lý y tế

10. Mô tả chung về học phần:

Tổ chức & Quản lý Y tế là một khoa học của chuyên ngành Y xã hội học. Kiến thức về Tổ chức & Quản lý Y tế sẽ giúp cho cán bộ y tế sử dụng các nguồn lực của đơn vị, cộng đồng một cách có hiệu quả cao. Nội dung môn học Tổ chức & Quản lý Y tế được biên soạn theo phương châm: Kiến thức cơ bản, hệ thống, nội dung chính xác, khoa học, cập nhập các tiến bộ khoa học, kỹ thuật hiện đại và thực tiễn ở Việt Nam.

3. Cán bộ phụ trách/giảng dạy:

TT	Họ tên	Học hàm/học vị	Số điện thoại	Email	Ghi chú
56.	Nguyễn Đức Thanh	PGS. TS	0912357575	bsthanh@hotmail.com	Phụ trách
57.	Trần Quốc Kham	GS.TS	0913348626	khamtqvn@hotmail.com	Tham gia
58.	Trần Đình Thoan	Thạc sỹ	097 9895118	trandinhthoantb@gmail.com	Tham gia
59.	Phan Thu Nga	Thạc sỹ	0976625250	phanthunga2710@gmail.com	Tham gia
60.	Nguyễn Thị Ái	Thạc sỹ	0984391406	nguyenai198@gmail.com	Tham gia
61.	Nguyễn Hà My	Thạc sỹ	0976599971	hamy0359@gmail.com	Tham gia
62.	Nguyễn Văn Tiến	Thạc sỹ	0972213609	tiennv@tbump.edu.vn	Tham gia
63.	Nguyễn Quỳnh Hoa	Thạc sỹ	0987324899	quynhhoanckh@gmail.com	Tham gia

4. Mục tiêu học phần:

TT	Mục tiêu học phần	Mục tiêu CTĐT (PEO)
1.	Phân tích được hệ thống tổ chức y tế, nhiệm vụ	PEO 3

	và hoạt động của các cơ sở y tế	
2.	Lập được kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các hoạt động nhân lực, tài chính cho một chương trình y tế tại cộng đồng, nơi làm việc	PEO 4 PEO 5

5. Chuẩn đầu ra học phần

TT	CDR Học phần Sau khi học xong học phần này	Mức độ đạt (S, H)/CDR của CTĐT (PLO)
1.	CLO 1: Vận dụng được kiến thức TCQLYT trong thực hành chuyên môn y học dự phòng và chăm sóc người bệnh	H/PLO2 S/PLO4 S/PLO5
2.	CLO 2: Tham gia phòng bệnh và phát hiện sớm các dịch bệnh tại địa phương dựa trên các mô hình tổ chức y tế	H/PLO7
3.	CLO 3: Tham gia đào tạo cán bộ y học dự phòng và nhân viên y tế	H/PLO7
4.	CLO 4: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và phối hợp được với các bên liên quan có hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp	H/PLO7 S/PLO9
5.	CLO 5: Có khả năng hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ CSSK tại cộng đồng, nơi làm việc	H/PLO5 H/PLO7 H/PLO8
6.	CLO 6: Tham gia lập kế hoạch và điều phối, quản lý các nguồn lực, tài chính đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động CSSK	H/PLO8 H/PLO12

Chú thích: S (Support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra; H (Highly support) đóng góp cho Chuẩn đầu ra.

II. NỘI DUNG

1. Lý thuyết

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu	CDR
-----	---------	---------	----------	-----

			học tập	HP
1	Bài 1. Quản lý trung tâm y tế huyện và trạm y tế xã 1. Quản lý trung tâm y tế huyện 2. Quản lý trạm y tế xã/phường/thị trấn	8	MT 1	CLO 1,2,3
2	Bài 2: Quản lý nhân lực y tế 1. Khái quát về quản lý nhân lực y tế 2. Một số phương pháp quản lý nhân lực 3. Phát triển nhân lực y tế	8	MT 2	CLO 4,5,6

2. Thực hành

STT	Tên bài	Số tiết	Mục tiêu học tập	CĐR
1	Lập kế hoạch quản lý trung tâm y tế huyện	4	MT1	CLO 1,2,3
2	Lập kế hoạch quản lý trạm y tế xã/phường/thị trấn	4	MT1	CLO 1,2,3
3	Lập kế hoạch quản lý nhân lực	4	MT2	CLO 4,5,6
4	Lập kế hoạch phát triển nhân lực	4	MT2	CLO 4,5,6

III. Phương pháp dạy/học

- Thuyết trình ngắn tích cực hóa;
- Hỏi - đáp trực tiếp;
- Giao bài đọc về nhà;
- Hướng dẫn tự học

IV. Phương tiện, vật liệu dạy/học

- Máy chiếu Projector
- Bảng, phấn
- Câu hỏi phát vấn

V. Phương pháp lượng giá

- Thang điểm 10
- Các điểm thành phần

Điểm thành phần	Trọng số tính điểm	Bài đánh giá	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CĐR được đánh giá	Điểm tối đa
Đánh giá	10%	1	Theo	- Qua sổ	CLO 4	10

chuyên cần (ĐCC)			quy chế của Nhà trường	nhật ký - Thái độ học tập của SV		
Điểm giữa học phần (ĐGHP)	10%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3	10
Điểm thực hành (ĐTH)	40%	1	Bài kiểm tra viết	≥ 4 : Đạt	CĐR 1,2,3,4,5 ,6	10
Điểm kết thúc học phần (ĐKTHP)	40%	1	Bài kiểm tra test	≥ 4 : Đạt	CLO 1,2,3,4,5 ,6	10

Công thức tính điểm:

Điểm CC x 0,1 + Điểm GHP x 0,1 + Điểm TH x 0,4 + Điểm kết thúc HP x 0,4

Rubric 1: Điểm danh: 10 điểm

Tiêu chí	Điểm trừ
Không vắng	0
Nghỉ học có phép	1
Nghỉ học không phép	2
Đi muộn	0,5

Rubric 2: Thi báo cáo chuyên đề (thực hành): 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)

giá					
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

Rubric 3: Thi báo cáo chuyên đề (kết thúc học phần): 10 điểm

Mức độ đạt chuẩn quy định					
Tiêu chí đánh giá	Điểm (0-3.9)	Điểm (4.0-5.4)	Điểm (5.4-6.9)	Điểm (7.0-8.4)	Điểm (8.5-10)
Nội dung câu hỏi	Không giải được	Chưa giải hết các câu hỏi	Giải đầy đủ các câu hỏi nhưng còn một số sai sót	Giải đầy đủ và đúng các câu hỏi nhưng trình bày chưa rõ ràng	Giải đầy đủ, đúng các câu hỏi và trình bày rõ ràng

VI. Tài liệu học tập và tham khảo

1. Tài liệu học tập:

1. Trương Quang Tiên (2012), *Truyền thông sức khỏe*, Nhà xuất bản lao động xã hội, Hà Nội
2. Bộ môn Tổ chức và Quản lý y tế - Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2019), *Truyền thông – Giáo dục sức khỏe*

2. Tài liệu tham khảo:

1. Klaus Krickeberg, Nguyễn Văn Hùng, Nguyễn Thị Bích (2014), *Giáo dục sức khỏe*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội
2. Nguyễn Văn Dịp (2001), *Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế*, Nhà xuất bản y học, Hà Nội
3. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), *Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho giảng viên*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

4. Trần Quốc Kham và Nguyễn Văn Sơn (2014), Quản lý và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại tuyến xã, dành cho học viên, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội

VII. Lịch học: Theo Lịch giảng dạy/học tập.

VIII. Quy định với sinh viên:

1. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Đi học đúng giờ
- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp
- Tích cực tham gia các hoạt động học tập trên lớp
- Tôn trọng, chấp hành các nội quy của lớp học.

2. Quy định điều kiện dự thi:

- Sinh viên phải tham gia từ 80% số giờ lý thuyết trở lên
- Có điểm giữa kỳ từ 1 trở lên mới được thi hết học phần.

IX. Tiến trình cập nhật đề cương chi tiết

TT	Cập nhật đề cương tiết lần	Ngày/tháng/năm	Người cập nhật
1.	Lần 1	05/2019	
2.	Lần 2	05/2021	
3.	Lần 3	Dự kiến 5/2023	

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ MÔN/KHOA